

Điều kiện Hợp đồng
NHÀ MÁY VÀ
THIẾT KẾ - XÂY DỰNG

DÙNG CHO CÁC NHÀ MÁY CƠ VÀ ĐIỆN VÀ
CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ KỸ THUẬT
DO NHÀ THẦU THIẾT KẾ

Điều kiện chung

HIỆP HỘI QUỐC TẾ CÁC KỸ SƯ TƯ VẤN
©FIDIC 1999

Điều kiện Chung

NỘI DUNG

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1 Định nghĩa
- 1.2 Diễn giải
- 1.3 Các cách thông tin
- 1.4 Luật và ngôn ngữ
- 1.5 Thứ tự ưu tiên của các tài liệu
- 1.6 Thỏa thuận hợp đồng
- 1.7 Nhượng lại
- 1.8 Sự cản trở và cung cấp tài liệu
- 1.9 Các sai sót trong các yêu cầu của Chủ đầu tư
- 1.10 Việc Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu
- 1.11 Việc Nhà thầu sử dụng tài liệu của Chủ đầu tư
- 1.12 Các chi tiết bí mật
- 1.13 Tuân thủ luật pháp
- 1.14 Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm

2. CHỦ ĐẦU TƯ

- 2.1 Quyền Tiếp cận Công trường
- 2.2 Giấy phép, chứng chỉ hoặc giấy chấp thuận
- 2.3 Nhân lực Chủ đầu tư
- 2.4 Sự thu xếp tài chính của Chủ đầu tư
- 2.5 Khiếu nại của Chủ đầu tư

3. NHÀ TƯ VẤN

- 3.1 Nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà tư vấn
- 3.2 Ủy quyền của Nhà tư vấn
- 3.3 Chỉ dẫn của Nhà tư vấn
- 3.4 Thay thế Nhà tư vấn
- 3.5 Quyết định

4. NHÀ THẦU

- 4.1 Trách nhiệm chung của Nhà thầu
- 4.2 Bảo lãnh thực hiện

- 4.3 Đại diện Nhà thầu
- 4.4 Nhà thầu phụ
- 4.5 Các Nhà thầu phụ được đề cử
- 4.6 Hợp tác
- 4.7 Định vị các mốc
- 4.8 Các quy định về an toàn
- 4.9 Đảm bảo chất lượng
- 4.10 Dữ liệu về Công trường
- 4.11 Tính chất đầy đủ của Giá Hợp đồng được chấp thuận
- 4.12 Điều kiện vật chất không lường trước được
- 4.13 Quyền về đường đi và các phương tiện
- 4.14 Tránh can thiệp
- 4.15 Đường vào Công trường
- 4.16 Vận chuyển hàng hóa
- 4.17 Thiết bị Nhà thầu
- 4.18 Bảo vệ môi trường
- 4.19 Điện, nước và khí đốt
- 4.20 Thiết bị và Vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư
- 4.21 Báo cáo tiến độ
- 4.22 An ninh Công trường
- 4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên Công trường
- 4.24 Cổ vật

5. THIẾT KẾ

- 5.1 Nhiệm vụ thiết kế chung
- 5.2 Các tài liệu của Nhà thầu
- 5.3 Đảm bảo của Nhà thầu
- 5.4 Tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật
- 5.5 Đào tạo
- 5.6 Tài liệu hoàn công
- 5.7 Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng
- 5.8 Lỗi thiết kế

6. NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- 6.1 Thuê mướn nhân viên và lao động
- 6.2 Mức lương và điều kiện lao động

- 6.3 Những người trong bộ máy của Chủ đầu tư
- 6.4 Luật lao động
- 6.5 Giờ lao động
- 6.6 Điều kiện sinh hoạt cho nhân viên và người lao động
- 6.7 Sức khỏe và an toàn lao động
- 6.8 Sự giám sát của Nhà thầu
- 6.9 Nhân lực Nhà thầu
- 6.10 Hồ sơ về nhân lực và Thiết bị của Nhà thầu
- 6.11 Hành vi gây rối

7. THIẾT BỊ, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ

- 7.1 Cách thức thực hiện
- 7.2 Mẫu mã
- 7.3 Giám định
- 7.4 Kiểm định (thử)
- 7.5 Từ chối
- 7.6 Công việc sửa chữa
- 7.7 Quyền sở hữu về Thiết bị và Vật liệu
- 7.8 Tiền nhượng quyền

8. KHỞI CÔNG, CHẬM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG

- 8.1 Khởi công
- 8.2 Thời gian hoàn thành
- 8.3 Chương trình tiến độ
- 8.4 Gia hạn Thời gian hoàn thành
- 8.5 Chậm trễ gây ra bởi Cơ quan có thẩm quyền
- 8.6 Tiến độ thực hiện
- 8.7 Những thiệt hại do chậm trễ
- 8.8 Tạm ngừng công việc
- 8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng
- 8.10 Thanh toán tiền Thiết bị và Vật liệu trong trường hợp tạm ngừng
- 8.11 Kéo dài tình trạng tạm ngừng
- 8.12 Nối lại công việc

9. THỬ (KIỂM ĐỊNH) KHI HOÀN THÀNH

- 9.1 Nghĩa vụ Nhà thầu

- 9.2 Việc thử (kiểm định) bị chậm trễ
- 9.3 Thử (kiểm định) lại
- 9.4 Không vượt qua được các Cuộc kiểm định khi hoàn thành

10. NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

- 10.1 Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình
- 10.2 Nghiệm thu bộ phận công trình
- 10.3 Can thiệp vào các Cuộc kiểm định khi hoàn thành
- 10.4 Yêu cầu bố trí lại mặt bằng

11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

- 11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót
- 11.2 Chi phí cho việc sửa chữa sai sót
- 11.3 Gia hạn thông báo sai sót
- 11.4 Không sửa chữa được sai sót
- 11.5 Di chuyển công việc bị sai sót
- 11.6 Các kiểm định thêm
- 11.7 Quyền được ra vào
- 11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân
- 11.9 Chứng chỉ thực hiện
- 11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành
- 11.11 Giải phóng mặt bằng

12. KIỂM ĐỊNH SAU KHI HOÀN THÀNH

- 12.1 Thủ tục kiểm định sau khi hoàn thành
- 12.2 Thử (kiểm định) bị chậm trễ
- 12.3 Thử (kiểm định) lại
- 12.4 Không vượt qua được các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành

13. THAY ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH

- 13.1 Quyền được Thay đổi
- 13.2 Tư vấn về giá trị công trình
- 13.3 Thủ tục Thay đổi
- 13.4 Thanh toán bằng tiền tệ thích hợp
- 13.5 Tiền tạm ứng
- 13.6 Công việc hàng ngày
- 13.7 Điều chỉnh do thay đổi luật lệ

13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí

14. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

14.1 Giá hợp đồng

14.2 Ứng trước

14.3 Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm

14.4 Lịch trình thanh toán

14.5 Thiết bị và các Vật liệu dùng cho công trình

14.6 Cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm

14.7 Thanh toán

14.8 Thanh toán bị chậm trễ

14.9 Thanh toán tiền giữ lại

14.10 Báo cáo khi hoàn thành

14.11 Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán cuối cùng

14.12 Thanh toán xong

14.13 Cấp Chứng chỉ Thanh toán cuối cùng

14.14 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

14.15 Loại tiền dùng để thanh toán

15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

15.1 Thông báo sửa chữa

15.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

15.3 Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng

15.4 Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

15.5 Quyền chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư

16. TẠM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU

16.1 Quyền Nhà thầu tạm ngừng công việc

16.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

16.3 Ngừng công việc và di dời Thiết bị của Nhà thầu

16.4 Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

17. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

17.1 Bồi thường

17.2 Sự cản trở của Nhà thầu đối với công trình

17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư

17.4 Hậu quả các rủi ro của Chủ đầu tư

17.5 Quyền sở hữu trí tuệ và sở hữu công nghiệp

17.6 Giới hạn của trách nhiệm

18. BẢO HIỂM

18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm

18.2 Bảo hiểm công trình và Thiết bị của Nhà thầu

18.3 Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản

18.4 Bảo hiểm cho nhân lực Nhà thầu

19. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

19.1 Định nghĩa về sự kiện bất khả kháng

19.2 Thông báo về sự kiện bất khả kháng

19.3 Nhiệm vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất

19.4 Các hậu quả của sự kiện bất khả kháng

19.5 Sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

19.6 Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, chấm dứt nghĩa vụ

19.7 Chấm dứt nghĩa vụ thực hiện thực hiện theo quy định pháp luật

20. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TRỌNG TÀI

20.1 Khiếu nại của Nhà thầu

20.2 Bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp

20.3 Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp

20.4 Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp

20.5 Sự hòa giải

20.6 Trọng tài

20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp

20.8 Chấm dứt thời hạn chỉ định ban xử lý tranh chấp

PHỤ LỤC

CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA THỎA THUẬN XỬ LÝ TRANH CHẤP

BẢN MỤC LỤC CÁC KHOẢN

Các Định nghĩa được Liệt kê theo Bảng chữ cái

1.1.4.1	Số tiền được chấp thuận theo hợp đồng	1.1.6.5	Luật
1.1.1.9	Phụ lục của Hồ sơ dự thầu	1.1.1.3	Thư chấp thuận
1.1.3.1	Ngày hẹn	1.1.1.4	Thư dự thầu
1.1.3.2	Ngày khởi công	1.1.4.5	Nội tệ
1.1.3.3	Hợp đồng	1.1.5.3	Vật liệu
1.1.3.4	Thỏa thuận Hợp đồng	1.1.2.1	Bên
1.1.4.2	Giá Hợp đồng	1.1.4.9	Chứng chỉ thanh toán
1.1.2.3	Nhà thầu	1.1.3.8	Chứng chỉ thực hiện
1.1.6.1	Hồ sơ Nhà thầu	1.1.6.6	Bảo lãnh thực hiện
1.1.5.1	Thiết bị Nhà thầu	1.1.5.4	Công trình vĩnh cửu
1.1.2.7	Nhân lực Nhà thầu	1.1.5.5	Thiết bị
1.1.1.7	Đề xuất của Nhà thầu	1.1.4.10	Số tiền tạm thời
1.1.2.5	Đại diện Nhà thầu	1.1.4.11	Tiền giữ lại
1.1.4.3	Chi phí	1.1.1.6	Tiến độ
1.1.6.2	Nước sở tại	1.1.1.10	Bảng các nội dung bảo lãnh
1.1.2.9	DAB – Ban xử lý tranh chấp	1.1.1.10	Tiến độ thanh toán
1.1.3.9	Ngày	1.1.5.6	Hạng mục công trình
1.1.3.7	Thời hạn thông báo sai sót	1.1.6.7	Công trường
1.1.2.2	Chủ đầu tư	1.1.4.12	Bản kê khai
1.1.6.3	Thiết bị Chủ đầu tư	1.1.2.8	Nhà thầu phụ
1.1.2.6	Nhân lực Chủ đầu tư	1.1.3.5	Chứng chỉ nghiệm thu
1.1.1.5	Các yêu cầu của Chủ đầu tư	1.1.5.7	Công trình tạm
1.1.2.4	Nhà tư vấn	1.1.1.4	Hồ sơ dự thầu
1.1.2.10	FIDIC	1.1.3.6	Thư sau khi hoàn thành
1.1.4.4	Chứng chỉ thanh toán cuối cùng	1.1.3.4	Thư khi hoàn thành
1.1.4.5	Bản kê khai cuối cùng	1.1.3.3	Thời gian hoàn thành
1.1.6.4	Sự kiện bất khả kháng	1.1.6.8	Không lường trước được
1.1.4.6	Ngoại tệ	1.1.6.9	Thay đổi
1.1.5.2	Hàng hóa	1.1.5.8	Công trình
1.1.4.7	Chứng chỉ thanh toán tạm	1.1.3.9	Năm

ĐIỀU KIỆN CHUNG

1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Định nghĩa

Trong Những Điều kiện của Hợp đồng (“Những Điều kiện này”) bao gồm Điều kiện riêng và Điều kiện chung này, những từ và cụm từ liệt kê dưới đây sẽ có nghĩa như quy định ở bên dưới. Những từ chỉ người hoặc các bên, có ý nghĩa bao gồm công ty và các đơn vị pháp nhân khác, trừ những chỗ mà ngữ cảnh đòi hỏi phải hiểu khác.

1.1.1 Hợp đồng

- 1.1.1.1 “**Hợp đồng**” là Thỏa thuận Hợp đồng, Thư chấp thuận, Thư Dự thầu, những Điều kiện này, Yêu cầu của Chủ đầu tư, Tiến độ, Đề xuất của Nhà thầu và các tài liệu khác (nếu có) được liệt kê trong Thỏa thuận Hợp đồng hoặc trong Thư chấp thuận.
- 1.1.1.2 “**Thỏa thuận Hợp đồng**” là thỏa thuận Hợp đồng (nếu có) được tham chiếu tại Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*]
- 1.1.1.3 “**Thư chấp thuận**” là thư thể hiện sự chấp thuận chính thức Thư dự thầu, ký bởi Chủ đầu tư, trong đó chứa đựng bất kỳ bản ghi nhớ nào được kèm theo thỏa thuận giữa và ký bởi hai Bên. Nếu không có một thư chấp thuận như thế thì cụm từ “Thư chấp thuận” có nghĩa là Thỏa thuận Hợp đồng và ngày phát hành hoặc ngày nhận được Thư chấp thuận nghĩa là ngày ký Thỏa thuận Hợp đồng.
- 1.1.1.4 “**Thư dự thầu**” là tài liệu được lấy tiêu đề là thư dự thầu, được Nhà thầu hoàn thành và gồm bản chào thầu được ký và gửi cho Chủ đầu tư.
- 1.1.1.5 “**Các yêu cầu của Chủ đầu tư**” là tài liệu có tiêu đề các yêu cầu của Chủ đầu tư, được bao gồm trong Hợp đồng, và bất kỳ sự bổ sung và sửa đổi tài liệu này phù hợp với Hợp đồng. Tài liệu này nêu cụ thể mục đích, phạm vi và/hoặc các tiêu chuẩn thiết kế và/hoặc các tiêu chuẩn kỹ thuật khác đối với công trình.
- 1.1.1.6 “**Bảng danh mục**” là văn bản được gọi là bản danh mục do Nhà thầu hoàn thành và đệ trình kèm theo Thư Dự thầu, như được đưa vào trong Hợp đồng. Văn bản như vậy có thể gồm các dữ liệu, liệt kê và biểu các tỷ giá và/hoặc giá.
- 1.1.1.7 “**Đề xuất của Nhà thầu**” là tài liệu có tên đề xuất mà Nhà thầu nộp cùng Thư Dự thầu, như có trong Hợp đồng. Tài liệu này có thể gồm thiết kế sơ bộ của Nhà thầu.

- 1.1.1.8 **“Hồ sơ dự thầu”** là Thư dự thầu và tất cả các văn bản khác mà Nhà thầu đệ trình cùng với Thư dự thầu, như được đưa vào trong Hợp đồng.
- 1.1.1.9 **“Phụ lục của Hồ sơ dự thầu”** là các trang hoàn chỉnh có tên phụ lục hồ sơ dự thầu và được kèm theo và làm thành một phần của Thư dự thầu.
- 1.1.1.10 **“Bảng các Nội dung bảo đảm”** và **“Lịch trình thanh toán”** là tài liệu có tên như vậy (nếu có) trong các bảng biểu.

1.1.2 Các Bên và các cá nhân

- 1.1.2.1 **“Bên”** là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu như ngữ cảnh yêu cầu.
- 1.1.2.2 **“Chủ đầu tư”** là người được gọi là Chủ đầu tư trong Thư dự thầu và những người kế thừa hợp pháp theo chức danh này.
- 1.1.2.3 **“Nhà thầu”** là những người có tên là Nhà thầu trong Thư dự thầu và những người kế thừa hợp pháp nhân danh những người này.
- 1.1.2.4 **“Nhà tư vấn”** là người được Chủ đầu tư chỉ định làm tư vấn cho mục đích thực hiện Hợp đồng và được gọi như vậy trong Phụ lục của Hồ sơ dự thầu, hoặc người khác được Chủ đầu tư chỉ định theo từng thời gian và báo cho Nhà thầu theo Khoản 3.4 [*Thay thế Nhà tư vấn*].
- 1.1.2.5 **“Đại diện Nhà thầu”** là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà Thầu chỉ định theo từng thời kỳ như nêu tại Khoản 4.3 [*Đại diện Nhà thầu*], và hành động thay mặt Nhà thầu.
- 1.1.2.6 **“Nhân lực Chủ đầu tư”** là kỹ sư, trợ lý được đề cập tới tại Khoản 3.2 [*Ủy quyền của Nhà tư vấn*] và tất cả những nhân viên, người lao động khác, hoặc những người làm khác của Nhà tư vấn và của Chủ đầu tư, và bất kỳ nhân lực nào khác do Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu là nhân lực Chủ đầu tư.
- 1.1.2.7 **“Nhân lực Nhà thầu”** là đại diện của Nhà thầu và tất cả nhân lực mà Nhà thầu sử dụng trên Công trường, có thể bao gồm những nhân viên, người lao động, hoặc những người làm khác của Nhà thầu và của từng Nhà thầu phụ; và bất kỳ nhân lực nào khác giúp việc cho Nhà thầu trong việc thi công công trình.
- 1.1.2.8 **“Nhà thầu phụ”** là bất kỳ người nào được chỉ ra trong Hợp đồng là thầu phụ, hoặc bất kỳ người nào được chỉ định là thầu phụ cho một phần của công trình và những người kế tục hợp pháp theo chức danh của mỗi một trong số những người nói trên.
- 1.1.2.9 **“DBA”** (Ban xử lý tranh chấp) là một người hoặc ba người được nêu trong Hợp đồng, hoặc những người khác được chỉ định theo Khoản 20.2 [*Chỉ định Ban xử lý tranh chấp*] hoặc theo Khoản 20.3 [*Bất đồng trong Bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp*].

- 1.1.2.10 “**FIDIC**” là Fédération Internationaale des Ingénieurs - Conseils, nghĩa là Hiệp hội quốc tế Các Kỹ sư Tư vấn.

1.1.3 Ngày, vận hành thử, thời hạn và hoàn thành

- 1.1.3.1 “**Ngày cơ sở**” là ngày vào 28 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp Hồ sơ dự thầu.
- 1.1.3.2 “**Ngày khởi công**” là ngày được thông báo theo Khoản 8.1 [*Ngày khởi công*].
- 1.1.3.3 “**Thời gian hoàn thành**” là thời gian hoàn thành công trình hoặc hạng mục công trình (tùy từng trường hợp) theo Khoản 8.2 [*Thời gian hoàn thành*], như đã nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu (với bất kỳ sự gia hạn nào theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*]), được tính từ Ngày khởi công.
- 1.1.3.4 “**Kiểm định (Thử) khi hoàn thành**” là những cuộc thử nghiệm được nêu cụ thể trong Hợp đồng hoặc được đồng ý giữa hai Bên hoặc được hướng dẫn là một **Thay đổi** và được tiến hành theo Điều 9 [*Kiểm định khi hoàn thành*] trước khi Công trình hoặc một Hạng mục công trình (tùy từng trường hợp) được bàn giao cho Chủ đầu tư.
- 1.1.3.5 “**Chứng chỉ nghiệm thu**” là chứng chỉ được phát hành theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*].
- 1.1.3.6 “**Kiểm định sau khi hoàn thành**” là các cuộc thử nghiệm (nếu có) được nêu trong Hợp đồng và được thực hiện theo Điều 12 [*Kiểm định sau khi hoàn thành*] sau khi Công trình hoặc một hạng mục (tùy từng trường hợp) được Chủ đầu tư tiếp nhận.
- 1.1.3.7 “**Thời hạn thông báo sai sót**” là thời hạn thông báo các sai sót của công trình hoặc một hạng mục (tùy từng trường hợp) theo Khoản 11.1 [*Hoàn thành Phần việc còn dở dang và sửa chữa các sai sót*], như được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu (với bất cứ sự gia hạn theo Khoản 11.3 [*Gia hạn thông báo sai sót*]), được tính từ ngày công trình hoặc hạng mục công trình được hoàn thành như được xác nhận theo quy định tại Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình hoặc các hạng mục công trình*].
- 1.1.3.8 “**Chứng chỉ thực hiện**” là chứng nhận được phát hành theo Khoản 11.9 [*Chứng chỉ thực hiện*].
- 1.1.3.9 “**Ngày**” là ngày theo dương lịch và “**năm**” là 365 ngày.

1.1.4 Tiền và thanh toán

- 1.1.4.1 “**Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng**” là số tiền được chấp thuận trong Thư chấp thuận đề thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào.

- 1.1.4.2 “**Giá Hợp đồng**” là giá được xác định trong Khoản 14.1 [*Giá Hợp đồng*], và bao gồm các điều chỉnh phù hợp với Hợp đồng.
- 1.1.4.3 “**Chi phí**” là tất cả các khoản chi phí hợp lý do Nhà thầu chịu (hoặc sẽ phải chịu), bất kể trong hoặc ngoài Công trường, gồm cả chi phí quản lý và các phí tương tự nhưng không gồm lợi nhuận.
- 1.1.4.4 “**Chứng chỉ thanh toán cuối cùng**” là chứng chỉ thanh toán được ban hành theo Khoản 14.13 [*Cấp chứng chỉ Thanh toán cuối cùng*].
- 1.1.4.5 “**Bản kê khai cuối cùng**” là bản kê khai được xác định tại Khoản 14.11 [*Xin Cấp chứng chỉ Thanh toán cuối cùng*].
- 1.1.4.6 “**Ngoại tệ**” là loại tiền tệ để thanh toán một phần (hoặc toàn bộ) Giá Hợp đồng, nhưng không phải là Đồng Nội tệ.
- 1.1.4.7 “**Chứng chỉ thanh toán tạm thời**” là chứng chỉ thanh toán được cấp theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và thanh toán*], khác với Chứng chỉ thanh toán cuối cùng. “**Bản kê khai**” là một bản kê do Nhà thầu đệ trình là một phần của đơn xin thanh toán theo Điều 14 [*Giá hợp đồng và thanh toán*].
- 1.1.4.8 “**Nội tệ**” là tiền tệ của nước sở tại.
- 1.1.4.9 “**Chứng chỉ thanh toán**” là chứng chỉ thanh toán được cấp theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và thanh toán*].
- 1.1.4.10 “**Số tiền tạm thời**” là số tiền (nếu có) được xác định trong Hợp đồng là số tiền tạm thời được cấp để thực hiện một phần công trình hoặc cung cấp Thiết bị, Vật liệu hoặc dịch vụ theo Khoản 13.5 [*Số tiền tạm thời*].
- 1.1.4.11 “**Tiền giữ lại**” là tiền Chủ đầu tư giữ lại theo Khoản 14.3 [*Đơn xin cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời*] và trả theo Khoản 14.9 [*Thanh toán tiền bị giữ lại*].
- 1.1.4.12 “**Bản kê khai**” là một bản kê do Nhà thầu đệ trình làm thành một phần của Đơn xin cấp Chứng chỉ Thanh toán, theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và thanh toán*].

1.1.5 Công trình và Hàng hóa

- 1.1.5.1 “**Thiết bị nhà thầu**” là toàn bộ Thiết bị, máy móc, xe cộ và các thứ khác yêu cầu phải có để thi công và hoàn thành Công trình và để sửa chữa bất cứ sai sót nào. Tuy nhiên, Thiết bị của Nhà thầu không bao gồm Công trình tạm, Thiết bị của Chủ đầu tư (nếu có), Thiết bị, Vật liệu và bất cứ thứ nào khác nhằm tạo thành hoặc đang tạo thành một công trình vĩnh cửu.
- 1.1.5.2 “**Hàng hóa**” là Thiết bị, Vật liệu, nhà xưởng và công trình tạm của Nhà thầu hoặc bất cứ thứ nào thích hợp.

- 1.1.5.3 “**Vật liệu**” là những thứ hoặc tất cả các loại (không phải Thiết bị) nhằm tạo nên hoặc đang tạo nên một phần của công trình vĩnh cửu gồm những thứ được cung cấp, gồm Vật liệu (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng.
- 1.1.5.4 “**Công trình vĩnh cửu**” là Công trình vĩnh cửu sẽ do Nhà thầu thi công theo Hợp đồng.
- 1.1.5.5 “**Thiết bị**” là các bộ dụng cụ, máy móc, phương tiện xe cộ sẽ tạo thành hoặc đang tạo thành một phần của Công trình vĩnh cửu.
- 1.1.5.6 “**Hạng mục**” là một phần công trình được nêu trong Phụ lục Hồ sơ Dự thầu là một hạng mục (nếu có).
- 1.1.5.7 “**Công trình tạm**” là tất cả Công trình tạm thời thuộc bất kỳ loại nào (ngoài các Thiết bị của Nhà thầu) cần thiết phải có trên Công trường để thi công và hoàn thành công trình vĩnh cửu và để sửa chữa bất kỳ sai sót nào.
- 1.1.5.8 “**Công trình**” là Công trình vĩnh cửu và công trình tạm hoặc bất kỳ loại thích hợp nào trong đó.

1.1.6 Các định nghĩa khác

- 1.1.6.1 “**Tài liệu Nhà thầu**” là các tính toán, chương trình máy tính và phần mềm khác, bản vẽ, sổ tay hướng dẫn, các mô hình và các tài liệu có tính chất kỹ thuật khác (nếu có) do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng được mô tả tại Khoản 5.2 [*Tài liệu Nhà thầu*].
- 1.1.6.2 “**Nước sở tại**” là nước mà Công trường (hoặc phần lớn Công trường) được đặt ở nước đó, nơi Công trình vĩnh cửu sẽ được thi công.
- 1.1.6.3 “**Thiết bị Chủ đầu tư**” là máy móc, thiết bị và phương tiện xe cộ (nếu có) do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu sử dụng để thi công Công trình, như đã nêu trong Các yêu cầu của Chủ Đầu tư, nhưng không bao gồm Thiết bị không được Chủ đầu tư tiếp nhận.
- 1.1.6.4 “**Sự kiện bất khả kháng**” được định nghĩa tại Điều 19 [*Sự kiện bất khả kháng*].
- 1.1.6.5 “**Luật**” là toàn bộ luật pháp quốc gia, các đạo luật, pháp lệnh, và các luật khác, các quy chế, các văn bản pháp quy dưới luật của bất kỳ cơ quan công quyền được thành lập theo pháp luật.
- 1.1.6.6 “**Bảo lãnh thực hiện**” là việc bảo đảm (hoặc những bảo đảm, nếu có) theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*].
- 1.1.6.7 “**Công trường**” là nơi Công trình vĩnh cửu được thi công và là nơi mà Thiết bị và Vật liệu được chuyển tới và bất kỳ nơi nào khác được nêu ra trong Hợp đồng khi tạo nên một bộ phận của Công trường.

1.1.6.8 “**Không lường trước được**” là điều không thể lường trước được một cách có lý của một Nhà thầu có kinh nghiệm tại thời điểm nộp thầu.

1.1.6.9 “**Thay đổi**” là bất kỳ sự biến động nào đối với Yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc Công trình mà được chỉ dẫn hoặc chấp thuận là sự thay đổi theo Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*].

1.2 Giải thích

Trong Hợp đồng, trừ những trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác, còn thì:

- (a) từ chỉ một giống là gồm tất cả các giống;
- (b) từ chỉ số ít cũng bao gồm số nhiều và những từ chỉ số nhiều cũng bao gồm cả số ít;
- (c) điều khoản bao gồm các từ “đồng ý”, “đã đồng ý” hoặc “thỏa thuận” yêu cầu thỏa thuận phải được ghi bằng văn bản, và
- (d) “được viết” hoặc “bằng văn bản” nghĩa là phải được viết bằng tay, được đánh máy, được in hoặc chế bản điện tử và làm thành tài liệu lưu giữ lâu bền.

Các từ ngữ bên lề và các đầu đề khác sẽ không được xem xét khi giải thích các Điều kiện này.

1.3 Thông tin liên lạc

Bất cứ chỗ nào khi Điều kiện này quy định việc đưa ra hoặc ban hành các chấp thuận, chứng nhận, tán thành, quyết định, thông báo và yêu cầu, thì những cách liên lạc sẽ là:

- (a) bằng văn bản và chuyển tay (theo giấy biên nhận), được gửi bằng bưu điện, bưu phẩm hoặc được truyền đi bằng bất kỳ hệ thống truyền điện tử được thỏa thuận như đã nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu; và
- (b) được chuyển, gửi hoặc truyền đến địa chỉ của người nhận theo thông tin liên lạc quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên:
 - (i) nếu người nhận thông báo một địa chỉ khác, thì sau đó thông tin phải được chuyển theo địa chỉ mới một cách tương ứng; và
 - (ii) nếu người nhận không thông báo gì khác khi yêu cầu một sự chấp thuận hoặc tán thành, thì thông tin có thể được gửi tới địa chỉ đã phát hành yêu cầu.

Những chấp thuận, chứng nhận, tán thành và quyết định không được chiếm giữ hoặc làm chậm trễ mà không có lý do chính đáng. Khi một giấy chứng nhận được cấp cho một Bên, thì người cấp giấy chứng nhận đó phải gửi một bản cho Bên kia. Khi một thông báo được phát hành cho một Bên bởi Bên còn lại hoặc Nhà tư vấn, thì một bản sẽ gửi đến Nhà tư vấn hoặc Bên còn lại, tùy từng trường hợp.

1.4 Luật và Ngôn ngữ

Hợp đồng chịu sự điều chỉnh theo pháp luật của nước (hoặc quyền tài phán khác) được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu.

Nếu có bản nào của Hợp đồng được viết bằng nhiều hơn một thứ ngôn ngữ thì bản dịch bằng ngôn ngữ chính được nêu trong phần Phụ lục Hồ sơ dự thầu sẽ chiếm ưu thế.

Ngôn ngữ giao dịch phải là ngôn ngữ đã quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Nếu không quy định ngôn ngữ giao dịch, thì ngôn ngữ giao dịch là ngôn ngữ mà Hợp đồng (hoặc đa phần Hợp đồng) quy định.

1.5 Thứ tự ưu tiên của Các tài liệu

Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được dùng để giải thích lẫn nhau. Với mục đích giải thích, thứ tự ưu tiên của các tài liệu được xác định như sau:

- (a) Thỏa thuận Hợp đồng (nếu có)
- (b) Thư chấp thuận
- (c) Thư dự thầu
- (d) Điều kiện riêng
- (e) Điều kiện chung
- (f) Các yêu cầu của Chủ đầu tư
- (g) Tiến độ, và
- (h) Đề xuất của Nhà thầu và các tài liệu khác là một phần của Hợp đồng

Nếu có sự nhập nhằng hoặc không thống nhất trong các tài liệu, Nhà tư vấn phải đưa ra giải thích hoặc chỉ dẫn cần thiết.

1.6 Thỏa thuận Hợp đồng

Các bên ký kết Thỏa thuận Hợp đồng trong thời hạn 28 ngày sau khi Nhà thầu nhận được Thư chấp thuận, trừ các bên thỏa thuận khác. Thỏa thuận Hợp đồng phải dựa trên mẫu kèm theo Điều kiện riêng. Thuế trước bạ và chi phí tương tự (nếu có) theo quy định pháp luật định liên quan đến việc ký kết Thỏa thuận Hợp đồng do Chủ đầu tư chịu.

1.7 Nhượng lại

Không bên nào được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng hoặc bất cứ phần lợi ích hoặc quyền lợi trong hoặc theo Hợp đồng. Tuy nhiên, các bên:

- (a) có thể chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng với sự đồng ý trước của phía Bên kia với toàn quyền quyết định., và
- (b) có thể, dùng làm tài sản bảo đảm tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính, nhượng lại quyền đòi bất kỳ số tiền đến hạn nào phải trả hoặc sắp đến hạn theo Hợp đồng.

1.8 Sự cẩn trọng và Cung cấp Các tài liệu

Mỗi Tài liệu của Nhà thầu phải được Nhà thầu bảo quản, giữ gìn cẩn thận cho đến khi Chủ đầu tư tiếp nhận. Trừ các quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải cung cấp cho Nhà tư vấn 6 bản mỗi Tài liệu của Nhà thầu.

Nhà thầu phải giữ trên Công trường, một bản sao Hợp đồng, các ấn phẩm được nêu trong Yêu cầu của Chủ đầu tư, Tài liệu của Nhà thầu, những Thay đổi và các thông tin khác được cấp theo Hợp đồng. Người của Chủ đầu tư có quyền được xem tất cả những tài liệu này vào tất cả các thời điểm thích hợp.

Nếu một Bên phát hiện lỗi hoặc sai sót về mặt kỹ thuật trong tài liệu được chuẩn bị thi công Công trình, thì Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia biết những lỗi hoặc sai sót đó.

1.9 Sai sót trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu chịu đựng sự chậm trễ và/hoặc chịu tổn thất về Chi phí do sai sót trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư và một nhà thầu có kinh nghiệm thực hiện miễn cưỡng đã không phát hiện ra sai sót khi kiểm tra Yêu cầu của Chủ đầu tư theo Khoản 5.1 [Nhiệm vụ thiết kế chung] thì Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và được quyền theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] để:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [Giới hạn thời gian hoàn thành]; và
- (b) thanh toán bất kỳ Chi phí nào phát sinh do nguyên nhân như vậy cộng với tiền lãi hợp lý được đưa vào Giá Hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc xác định (i) liệu có đúng không và (nếu đúng) ở chừng mực nào mà sai sót này không thể được phát hiện một cách hợp lý, và (ii) những vấn đề được nói trong điểm (a) và (b) ở trên liên quan đến chừng mực này.

1.10 Chủ đầu tư sử dụng tài liệu của Nhà thầu

Giữa các Bên với nhau, Nhà thầu sở hữu quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với Tài liệu của Nhà thầu, bản vẽ và các tài liệu thiết kế khác do (hoặc thay mặt) Nhà thầu làm.

Nhà thầu được cho rằng (bằng cách ký Hợp đồng) cấp cho Chủ đầu tư từ một giấy phép không thể hủy bỏ được, có thể chuyển nhượng, không độc quyền, không phải trả tiền nhuận bút, về việc sao chép, sử dụng và truyền đạt Tài liệu của Nhà thầu, bao gồm sửa đổi và sử dụng các sửa đổi của Tài liệu của Nhà thầu. Giấy phép này phải:

- (a) áp dụng trong suốt quá trình hoạt động thực tế hoặc dự định (dù dài thế nào) của các phần liên quan đến Công trình.
- (b) giao quyền cho ai đó chiếm hữu một cách thích hợp phần liên quan đến Công trình; sao chụp, sử dụng và truyền đạt Tài liệu Nhà thầu với mục đích hoàn thành, vận hành, bảo trì, sửa đổi, điều chỉnh, sửa chữa và phá dỡ Công trình, và
- (c) trường hợp Các tài liệu Nhà thầu ở dạng các chương trình máy tính và phần mềm khác, cho phép họ sử dụng trên bất cứ máy tính nào trên Công trường và

các nơi khác như đã dự kiến trong Hợp đồng, kể cả việc thay thế các máy tính do Nhà thầu cấp.

Tài liệu Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu (hoặc do đại diện của mình) lập sẽ không được sử dụng, sao chụp hoặc truyền đạt cho bên thứ 3 từ Chủ đầu tư (hoặc đại diện của mình) nếu không sự tán thành của Nhà thầu vì các mục đích ngoại trừ những mục đích cho phép trong Khoản này.

1.11 Việc Nhà thầu sử dụng Tài liệu của Chủ đầu tư

Giữa các bên, Chủ đầu tư sở hữu quyền tác giả và các quyền sở hữu trí tuệ khác đối với Các yêu cầu của Chủ đầu tư và các tài liệu khác do Chủ đầu tư hoặc do đại diện của Chủ đầu tư lập. Nhà thầu có thể, bằng chi phí của mình, sao chép, sử dụng và nhận thông tin về những tài liệu này vì những mục đích trong Hợp đồng. Nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ không được sao chụp, sử dụng hoặc truyền đạt những tài liệu đó cho bên thứ ba, trừ trường hợp vì mục đích cần thiết của Hợp đồng.

1.12 Các chi tiết bí mật

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin bí mật và các thông tin khác khi Nhà tư vấn yêu cầu một cách hợp lý để thẩm tra việc tuân thủ Hợp đồng của Nhà thầu.

1.13 Tuân thủ luật pháp

Nhà thầu thực hiện Hợp đồng, phải tuân thủ pháp luật hiện hành. Trừ các quy định khác trong Điều kiện riêng.

- (a) Chủ đầu tư phải có hoặc buộc phải có giấy phép quy hoạch, phân vùng hoặc giấy phép tương đương cho Công trình vĩnh cửu, và các giấy phép khác được mô tả trong Yêu cầu của Chủ đầu tư như Chủ đầu tư đã có hoặc sẽ có; và Chủ đầu tư phải bồi thường và chịu trách nhiệm trước Nhà thầu về hậu quả do mình gây ra; và
- (b) Nhà thầu phải chuyển giao tất cả thông báo, nộp thuế, lệ phí, phí và có tất cả giấy phép và tán thành, theo quy định pháp luật định liên quan đến thiết kế, thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa sai sót; và Nhà thầu phải bồi thường và chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư những hậu quả do mình gây ra.

1.14 Đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm

Nếu Nhà thầu thành lập (theo pháp luật hiện hành) liên doanh, tập đoàn hoặc nhóm hợp tác gồm hai người hoặc nhiều hơn.

- (a) những người này phải có đồng trách nhiệm và đa trách nhiệm đối với Chủ đầu tư để thực hiện Hợp đồng.
- (b) những người này phải thông báo với Chủ đầu tư về người đứng đầu của họ, là người sẽ có thẩm quyền liên kết Nhà thầu và từng người trong số những người này; và
- (c) Nhà thầu không được thay đổi thành phần hoặc tư cách pháp lý của mình nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

2. CHỦ ĐẦU TƯ

2.1 Quyền tiếp cận Công trường

Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và chiếm hữu toàn bộ các phần của Công trường trong suốt thời gian (hoặc những thời gian) như đã quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Quyền và việc chiếm hữu có thể không chỉ dành riêng cho Nhà thầu. Nếu trong Hợp đồng Chủ đầu tư được yêu cầu phải cho (Nhà thầu) quyền chiếm hữu bất kỳ nền móng, kết cấu, Thiết bị hoặc phương tiện tiếp cận Công trường, Chủ đầu tư phải thực hiện điều này trong thời gian và theo cách thức được quy định trong Yêu cầu của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Chủ đầu tư có thể bảo lưu, bất kỳ quyền hoặc quyền chiếm hữu như vậy đến khi nào nhận được Bảo lãnh thực hiện.

Nếu không có quy định về thời gian trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư phải cho Nhà thầu quyền tiếp cận và quyền chiếm hữu Công trường trong khoảng thời gian yêu cầu để Nhà thầu có thể thực hiện đúng theo chương trình đã đệ trình theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*].

Nếu Nhà thầu chịu đựng sự chậm trễ và/hoặc chịu tổn thất về Chi phí do Chủ đầu tư không chuyển giao cho Nhà thầu quyền hoặc chiếm hữu trong thời gian như vậy, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và được quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] yêu cầu:

- (a) kéo dài thêm thời gian bù vào sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành công trình*], và

- (b) thanh toán bất kỳ Chi phí nào phát sinh cộng với tiền lãi hợp lý được đưa vào Giá hợp đồng. Sau khi

Tuy nhiên, nếu và trong phạm vi mà việc Chủ đầu tư không thể thực hiện được là do do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu, bao gồm sai sót, hoặc chậm trễ trong việc nộp bất cứ Tài liệu nào của Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ không được hưởng quyền gia hạn thời gian, Chi phí hoặc tiền lãi như vậy.

2.2 Giấy phép, Chứng nhận hoặc giấy Chấp thuận

Chủ đầu tư phải (trong vị thế buộc phải làm như vậy) hỗ trợ một cách hợp lý Nhà thầu theo yêu cầu của Nhà thầu:

- (a) có được các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc gia sở tại liên quan đến Hợp đồng mà Nhà thầu chưa có, và
- (b) về việc xin giấy phép hoặc giấy chấp thuận mà pháp luật Quốc gia hiện hành yêu cầu, bao gồm:
 - (i) Nhà thầu được yêu cầu phải có theo quy định tại Khoản 1.13 [*Tuân thủ luật pháp*]
 - (ii) để giao Hàng hóa, bao gồm thủ tục thông quan, và

- (iii) xuất khẩu các Thiết bị của Nhà thầu khi đưa chúng đi khỏi Công trường.

2.3 Nhân lực Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đảm bảo Nhân lực của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường:

- (a) hợp tác với sự nỗ lực của Nhà thầu theo Khoản 4.6 [*Hợp tác*], và
- (b) hành động tương tự như những gì Nhà thầu được yêu cầu thực hiện theo điểm (a), (b) và (c) của Khoản 4.8 [*Những quy định về an toàn*] và theo Khoản 4.18 [*Bảo vệ môi trường*].

2.4 Sự thu xếp tài chính của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải đệ trình, trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được bất kỳ yêu cầu nào của Nhà thầu, bằng chứng hợp lý cho rằng việc thu xếp tài chính đã được thực hiện và đang được duy trì, điều đó sẽ tạo điều kiện cho Chủ đầu tư có thể thanh toán Giá Hợp đồng (như đã dự toán tại thời điểm đó) theo Điều 14 [*Giá Hợp đồng và thanh toán*]. Nếu Chủ đầu tư dự định thực hiện những thay đổi cần thiết đối với việc thu xếp tài chính thì Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu các chi tiết cụ thể.

2.5 Khiếu nại của Chủ đầu tư

Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền đối với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ Khoản nào của những Điều kiện này hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng, và/hoặc đối với việc gia hạn thông báo sai sót, Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn phải thông báo cụ thể cho Nhà thầu. Tuy nhiên, việc thông báo sẽ không cần thiết đối với các khoản thanh toán theo Khoản 4.19 [*Điện, nước và khí đốt*], theo Khoản 4.20 [*Thiết bị của Chủ đầu tư và Vật liệu cấp tự do*], hoặc các dịch vụ khác do Nhà thầu yêu cầu.

Phải thông báo ngay khi có thể thực hiện được sau khi Chủ đầu tư nhận thấy sự kiện hoặc hoàn cảnh dẫn tới khiếu nại. Thông báo về việc kéo dài Thời hạn thông báo sai sót phải được thực hiện trước khi hết thời hạn thông báo.

Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể Điều hoặc các cơ sở khiếu nại khác, và phải bao gồm việc chứng minh số tiền và/hoặc sự kéo dài mà Chủ đầu tư cho rằng mình quyền được hưởng theo Hợp đồng. Nhà tư vấn sau đó phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định (i) số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền được thanh toán bởi Nhà thầu và/hoặc (ii) kéo dài (nếu có) Thời hạn thông báo sai sót theo Khoản 11.3 [*Kéo dài thời hạn thông báo sai sót*].

Số tiền này có thể được đưa vào thành một khoản khấu trừ trong Giá hợp đồng và Chứng chỉ thanh toán. Chủ đầu tư chỉ được quyền bù trừ hoặc khấu trừ số tiền được xác nhận trong Chứng chỉ thanh toán, hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo Khoản này.

3. NHÀ TƯ VẤN

3.1 **Nhiệm vụ và quyền hạn của Nhà tư vấn**

Chủ đầu tư phải chỉ định Nhà tư vấn, là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Hợp đồng. Người của Nhà tư vấn phải là những kỹ sư có trình độ thích hợp và những cán bộ chuyên môn khác có đủ trình độ thực hiện các nhiệm vụ này.

Nhà tư vấn không có quyền sửa đổi Hợp đồng.

Nhà tư vấn có thể thực hiện theo thẩm quyền được dành cho mình như đã quy định cụ thể trong Hợp đồng hoặc áp dụng một cách cần thiết theo Hợp Đồng. Nếu Nhà tư vấn cần phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực hiện một quyền hạn cụ thể, các yêu cầu phải được quy định như trong Điều kiện riêng. Chủ đầu tư cam kết sẽ không áp đặt thêm những hạn chế đối với quyền hạn của Nhà tư vấn, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Tuy nhiên, bất cứ khi nào Nhà tư vấn thực hiện quyền hạn cụ thể mà cần có sự chấp thuận của Chủ đầu tư, thì (vì mục đích của Hợp đồng) Chủ đầu tư được coi là đã chấp thuận.

Trừ các quy định khác trong Điều kiện này, thì:

- (a) mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện theo quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong Hợp đồng, Nhà tư vấn được xem là thực hiện cho Chủ đầu tư;
- (b) Nhà tư vấn không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo Hợp đồng cho bất kỳ Bên nào; và
- (c) bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, thẩm tra, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu, thử hoặc hành động tương đương nào của Nhà tư vấn (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn bất kỳ trách nhiệm cho Nhà thầu theo Hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không thống nhất và không tuân thủ đúng.

3.2 **Ủy quyền bởi Nhà tư vấn**

Đôi khi Nhà tư vấn có thể phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho các trợ lý, và cũng có thể hủy bỏ sự phân công hoặc ủy quyền đó. Những trợ lý này bao gồm một kỹ sư thường trú, và/hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát và/hoặc thử các hạng mục TThiết bị và/hoặc Vật liệu. Sự phân công, ủy quyền hoặc hủy bỏ sự phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi cả hai Bên nhận được các văn bản đó. Tuy nhiên, trừ các Bên có sự thỏa thuận khác, Nhà tư vấn sẽ không ủy quyền để quyết định bất kỳ vấn đề theo Khoản 3.5 [Quyết định].

Những người trợ lý phải là những người có trình độ phù hợp, có đủ trình độ thực hiện các nhiệm vụ và những quyền hạn được giao, đồng thời phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp như đã xác định tại Khoản 1.4 [Luật và Ngôn ngữ].

Mỗi trợ lý đã được giao việc hoặc ủy quyền thì chỉ được ủy quyền hướng dẫn cho Nhà thầu trong phạm vi ủy quyền quy định. Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, kiến nghị, kiểm định hoặc hành động tương đương nào của trợ lý, phù hợp với phạm vi ủy quyền, đều có hiệu lực tương tự hành động được Nhà tư vấn thực hiện. Tuy nhiên:

- (a) thất bại khi phản đối bất kỳ công việc nào thì TThiết bị hoặc VVật liệu sẽ không có sự phê duyệt và, do vậy, sẽ không gây thiệt hại đến quyền của Nhà tư vấn trong việc bác bỏ công việc, TThiết bị, hoặc VVật liệu đó;
- (b) nếu Nhà thầu xem xét bất kỳ quyết định hoặc chỉ dẫn của trợ lý thì Nhà thầu có thể xin ý kiến Nhà tư vấn về vấn đề đó, là người sẽ nhanh chóng xác nhận, hủy bỏ hoặc thay đổi quyết định hoặc chỉ dẫn đó.

3.3 Chỉ dẫn của Nhà tư vấn

Nhà tư vấn có thể đưa cho Nhà thầu (bất cứ lúc nào) những hướng dẫn cần thiết để thực hiện Công trình và sửa chữa mọi sai sót, tất cả phải phù hợp Hợp đồng. Nhà thầu sẽ chỉ thực hiện hướng dẫn của Nhà tư vấn, hoặc của người trợ lý, được ủy quyền phù hợp theo Khoản này. Nếu hướng dẫn dẫn đến một Thay đổi thì áp dụng Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*]

Nhà thầu phải tuân thủ theo chỉ dẫn do Nhà tư vấn hoặc người trợ lý được ủy quyền, đối với bất cứ vấn đề nào có liên quan đến Hợp đồng. Chỉ dẫn phải được đưa ra bằng văn bản.

3.4 Thay thế Tư vấn

Nếu Chủ đầu tư định thay thế Nhà tư vấn, Chủ đầu tư trong thời hạn không ít hơn 42 ngày trước ngày dự định thay thế phải thông báo cho Nhà thầu biết tên, địa chỉ, kinh nghiệm liên quan của Nhà tư vấn định thay. Chủ đầu tư không được thay thế Nhà tư vấn bằng một người mà Nhà thầu đưa ra lý do phản đối hợp lý bằng cách thông báo cho Chủ đầu tư, với các thông tin chứng minh cụ thể.

3.5 Quyết định

Bất kể khi nào những Điều kiện này quy định rằng Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 để đồng ý hoặc quyết định bất kỳ vấn đề, Nhà tư vấn phải trao đổi với từng Bên để cố gắng đi đến thỏa thuận. Nếu không đạt được thỏa thuận, Nhà tư vấn phải đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với Hợp đồng, với sự xem xét kỹ tất cả các bối cảnh liên quan.

Nhà tư vấn phải thông báo cho hai Bên về từng thỏa thuận hoặc quyết định với các thông tin cụ thể chứng minh. Mỗi bên phải cố gắng tôn trọng hiệu lực của mỗi thỏa thuận hoặc quyết định, trừ hoặc cho tới khi được sửa đổi theo Điều 20 [*Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài*].

4. NHÀ THẦU

4.1 Trách nhiệm chung của Nhà thầu

Nhà thầu phải thiết kế, thi công và hoàn thành Công trình theo Hợp đồng, và phải sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong Công trình. Khi đã hoàn thành, Công trình phải đúng theo mục đích dự định như xác định trong Hợp đồng.

Nhà thầu phải cung cấp TThiết bị và các Tài liệu của Nhà thầu được quy định trong Hợp đồng, và toàn bộ NNhân lực Nhà thầu, Hàng hóa, Vật liệu tiêu dùng và những thứ

khác và các dịch vụ bất kể là tạm thời hoặc lâu dài, được yêu cầu trong và cho việc thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa sai sót.

Công trình phải bao gồm tất cả công việc cần thiết để đáp ứng các Yêu cầu của Chủ đầu tư, Đề xuất và Tiến độ của Nhà thầu, hoặc được đề cập đến trong Hợp Đồng và tất cả các công việc (kể cả không được nêu trong Hợp đồng) cần thiết để ổn định hoặc cho sự hoàn thành, hoặc an toàn và vận hành tốt Công trình.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về sự thỏa đáng, ổn định và an toàn cho việc hoạt động trên Công trường, các phương pháp xây dựng và toàn bộ Công trình.

Bất kỳ lúc nào Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải đệ trình các chi tiết của việc bố trí và các phương pháp mà Nhà thầu đề xuất thực hiện cho việc thi công Công trình. Không được thay đổi đáng kể việc bố trí và các phương pháp nếu không thông báo trước cho Nhà tư vấn.

4.2 Bảo lãnh thực hiện

Nhà thầu (bằng chi phí của mình) phải có được Bảo lãnh thực hiện về số lượng và loại tiền tệ đã xác định trong Phụ lục của Hồ sơ dự thầu để thực hiện đúng Hợp đồng. Nếu không quy định số lượng cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, sẽ không áp dụng Khoản này.

Nhà thầu phải gửi Bảo lãnh thực hiện cho Chủ đầu tư trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được Thư chấp thuận trúng thầu, và phải gửi một bản cho Nhà tư vấn. Bảo lãnh thực hiện phải do một pháp nhân thực hiện và trong phạm vi quốc gia (hoặc quyền tài phán khác) được Chủ đầu tư chấp thuận, và phải theo mẫu phụ lục Điều kiện riêng hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng Bảo lãnh thực hiện có giá trị và có hiệu lực thi hành tới khi Nhà thầu đã thi công, hoàn thành xong Công trình và sửa chữa xong các sai sót. Nếu các điều khoản của Bảo lãnh thực hiện nêu rõ ngày kết thúc thời hạn và Nhà thầu chưa được phép nhận Chứng nhận thực hiện vào thời điểm trước 28 ngày t kết thúc thời hạn thì Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện cho tới khi Công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

Chủ đầu tư không được đòi thanh toán tiền Bảo lãnh thực hiện ngoại trừ số tiền mà Chủ đầu tư được quyền hưởng theo Hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không gia hạn được hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện như đã mô tả ở đoạn trên, trong trường hợp đó Chủ đầu tư có thể đòi toàn bộ số tiền của Bảo lãnh thực hiện.
- (b) Nhà thầu không trả cho Chủ đầu tư khoản nợ mà Nhà thầu phải trả như đã thỏa thuận bởi Chủ đầu tư hoặc được xác định theo Khoản 2.5 [Khiếu nại của Chủ đầu tư] hoặc theo Điều 20 [Khiếu nại, Tranh chấp và Trọng tài] trong thời hạn 42 ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả.
- (c) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót trong thời hạn 42 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư yêu cầu sửa chữa sai sót, hoặc
- (d) Trường hợp cho phép Chủ đầu tư được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 15.2 [*Chủ đầu tư chấm dứt Hợp đồng*], bất kể có thông báo chấm dứt hoặc chưa.

Chủ đầu tư phải bồi thường và chịu trách nhiệm trước Nhà thầu về những hư hỏng, tổn thất, và chi phí (bao gồm chi phí và lệ phí pháp lý) do việc khiếu nại Bảo lãnh thực hiện gây nên ở phạm vi mà Chủ đầu tư không được phép khiếu nại.

Chủ đầu tư phải trả lại Bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu trong thời hạn 21 ngày sau khi nhận được một bản sao Chứng chỉ nghiệm thu.

4.3 Đại diện Nhà thầu

Nhà thầu phải chỉ định Đại diện Nhà thầu và ủy quyền cho người này hành động thay mặt Nhà thầu trong Hợp đồng.

Trừ trường hợp Đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước Ngày Khởi công, Nhà thầu phải nộp cho Nhà tư vấn tên và các chi tiết của người mà Nhà thầu đề nghị làm Đại diện cho Nhà thầu để được xem xét và đồng ý. Nếu người này không được chấp thuận hoặc sau đó bị gạt bỏ hoặc nếu người được bổ nhiệm không đảm bảo hoạt động với tư cách là người Đại diện Nhà thầu thì, một cách tương tự, Nhà thầu phải trình tên và các thông tin chi tiết của người đại diện khác thích hợp cho vị trí này.

Nếu không được sự đồng ý trước của Nhà tư vấn thì Nhà thầu không được bãi nhiệm Đại diện Nhà thầu hoặc bổ nhiệm người khác thay thế.

Đại diện Nhà thầu phải dành toàn bộ thời gian để chỉ đạo việc thực hiện Hợp đồng Nhà thầu. Nếu Đại diện Nhà thầu buộc phải vắng mặt tạm thời tại Công trường trong thời gian thi công Công trình thì phải chỉ định người thay thế thích hợp với sự nhất trí từ trước của Nhà tư vấn và phải thông báo kịp thời cho Nhà tư vấn.

Đại diện của Nhà thầu, thay mặt Nhà thầu, phải tiếp nhận các chỉ dẫn theo Khoản 3.3 [*Chỉ dẫn của Nhà tư vấn*]

Đại diện Nhà thầu có thể ủy quyền bất kỳ quyền hạn, chức năng và thẩm quyền cho bất cứ người nào có năng lực và có thể hủy bỏ việc ủy quyền này vào bất kỳ thời điểm nào. Việc ủy quyền hoặc hủy bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Nhà tư vấn nhận được trước khi thông báo được Đại diện Nhà thầu ký, nêu tên người này và quy định quyền hạn, chức năng và thẩm quyền được giao hoặc hủy bỏ.

Đại diện Nhà thầu và những người này phải thông thạo ngôn ngữ giao tiếp theo Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

4.4 Nhà thầu phụ

Nhà thầu không được giao cho thầu phụ toàn bộ Công trình.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động hoặc sai sót của Thầu phụ, các đại diện hoặc nhân viên của họ như thể đó là hành động hoặc sai sót của Nhà thầu, trừ các quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Không yêu cầu Nhà thầu phải đồng ý bên cung cấp Vật liệu hoặc đối với một hợp đồng thầu phụ mà Thầu phụ có tên trong Hợp đồng;
- (b) Phải có sự đồng ý trước của Nhà tư vấn đối với các Nhà thầu phụ được đề xuất khác; và

- (c) Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn không ít hơn trong thời hạn 28 ngày dự định bắt đầu thực hiện mỗi công việc của Nhà thầu phụ và ngày bắt đầu thực hiện công trình này trên Công trường.

4.5 Nhà thầu phụ được đề cử

Trong Khoản này, “Nhà thầu phụ được đề cử” nghĩa là Nhà thầu phụ mà Nhà tư vấn, theo Điều 13 [*Thay đổi và điều chỉnh*], chỉ dẫn cho Nhà thầu thuê làm như một Nhà thầu phụ. Nhà thầu không buộc phải thuê một Nhà thầu phụ được đề cử mà Nhà thầu phản đối một cách hợp lý bằng cách thông báo cho Nhà tư vấn ngay khi có thể thực hiện được với các chi tiết chứng minh.

4.6 Hợp tác

Như đã được quy định trong Hợp đồng hoặc theo chỉ dẫn của Nhà tư vấn, Nhà thầu phải tạo các cơ hội thích hợp để việc thực hiện công việc đối với:

- (a) Nhân lực Chủ đầu tư,
- (b) bất kỳ nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê, và
- (c) các nhân viên của những cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

là những người có thể được thuê để thực hiện công việc ở trên hoặc ở gần Công trường mà không có trong Hợp đồng.

Bất cứ sự chỉ dẫn nào tương tự sẽ dẫn đến sự Thay đổi nếu và ở một mức độ nào đó sẽ làm cho Nhà thầu phải chịu các Chi phí không lường trước được. Các dịch vụ cho những người này và cho các nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng TTThiết bị của Nhà thầu. Các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào Công trường là trách nhiệm của Nhà thầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên Công trường, và phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các nhà thầu khác trong phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong Yêu cầu của Chủ đầu tư.

Theo Hợp đồng, nếu Chủ đầu tư được yêu cầu giao cho Nhà thầu quyền chiếm hữu bất kỳ nền móng, kết cấu, nhà xưởng hoặc các phương tiện tiếp cận nào theo Tài liệu của Nhà thầu, Nhà thầu phải nộp những tài liệu này cho Nhà tư vấn vào thời gian và theo thể thức quy định trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư.

4.7 Định vị các mốc

Nhà thầu phải định vị công trình theo các điểm gốc, tuyến và cao trình tham chiếu được xác định trong Hợp đồng hoặc do Nhà tư vấn cung cấp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm định vị đúng toàn bộ các hạng mục của công trình và phải sửa chữa bất kỳ về sai sót nào về vị trí, cao trình, kích thước hoặc căn tuyến của Công trình.

Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào của những hạng mục tham chiếu được quy định cụ thể hoặc đã được thông báo, nhưng Nhà thầu phải cố gắng kiểm tra độ chính xác trước khi sử dụng chúng

Nếu Nhà thầu chịu đựng sự chậm trễ và/hoặc chịu Chi phí trong thi công do sai sót trong những hạng mục tham chiếu này, và một nhà thầu kinh nghiệm không thể (một cách hợp lý) phát hiện ra sai sót này và tránh được sự chậm trễ và/hoặc Chi phí phát sinh thì Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] yêu cầu:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*]
- (b) thanh toán các Chi phí cộng với tiền lãi hợp lý và sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

4.8 Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định (i) liệu và (nếu có) ở mức độ mà sai sót không thể (một cách hợp lý) được phát hiện, và (ii) các vấn đề được mô tả trong điểm (a) và (b) ở trên có liên quan đến mức độ này hoặc không. **Các quy định về an toàn**

Nhà thầu phải:

- (a) tuân thủ tất cả quy định an toàn hiện hành,
- (b) quan tâm tới sự an toàn cho tất cả những người được phép có mặt trên Công trường,
- (c) nỗ lực một cách hợp lý để đảm bảo Công trường và Công trình gọn gàng nhằm tránh gây nguy hiểm cho những người này,
- (d) đảm bảo có hàng rào, chiếu sáng, bảo vệ và coi sóc công trình cho tới khi hoàn thành và bàn giao theo Điều 10 [*Nghiệm thu bàn giao của Chủ đầu tư*], và
- (e) cung cấp các Công trình tạm (gồm đường xá, đường đi bộ, trạm gác và hàng rào) cần thiết cho thực hiện công trình để sử dụng và bảo vệ công chúng và các chủ sở hữu và người đang cư trú ở các khu đất lân cận.

4.9 Đảm bảo chất lượng

Nhà thầu phải xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng để tuân thủ yêu cầu của Hợp đồng. Hệ thống này phải thích hợp với các chi tiết đã nêu trong Hợp đồng. Nhà tư vấn có quyền kiểm tra bất cứ khâu nào của hệ thống.

Chi tiết của tất cả các thủ tục và tài liệu chứng minh sự phù hợp phải được nộp cho Nhà tư vấn để thông tin trước khi bắt đầu mỗi giai đoạn thiết kế và thi công. Khi bắt kỳ tài liệu kỹ thuật nào được gửi cho Nhà tư vấn, bằng chứng của việc chấp thuận từ trước của Nhà thầu phải được thể hiện trên chính tài liệu đó.

Sự phù hợp với hệ thống bảo đảm chất lượng không làm giảm đi bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu theo Hợp đồng.

4.10 Dữ liệu về Công trường

Chủ đầu tư phải có sẵn để thông báo cho Nhà thầu, trước Ngày hẹn, toàn bộ số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện ngầm dưới đất và thủy văn tại Công trường, gồm cả về môi trường. Tương tự, Chủ đầu tư phải có sẵn cho Nhà thầu tất cả số liệu

mà Chủ đầu tư có được sau Ngày hẹn. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm giải thích toàn bộ các số liệu này.

Ở mức độ có thể thực hiện được (có tính đến chi phí và thời gian), Nhà thầu phải được xem là đã có được tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến rủi ro, bất trắc và các tình huống khác có thể ảnh hưởng đến Hồ sơ dự thầu hoặc Công trình. Ở mức độ tương tự, Nhà thầu phải được xem như đã xem xét và thẩm tra Công trường, khu vực xung quanh Công trường, các số liệu nêu trên và thông tin khác, và phải hoàn tất xong trước khi nộp Hồ sơ dự thầu cũng như các vấn đề liên quan, bao gồm (không giới hạn):

- (a) hình thể và tính chất Công trường, bao gồm cả các điều kiện ngầm dưới đất,
- (b) điều kiện khí hậu và thủy văn,
- (c) phạm vi và tính chất công việc và Hàng hóa cần thiết để thực hiện và hoàn thành Công trình và sửa chữa sai sót,
- (d) Luật, thủ tục và các quy định lao động của nước sở tại, và
- (e) các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn ở, cơ sở vật chất, nhân viên, điện, giao thông, nước và các dịch vụ khác.

4.11 Tính đầy đủ của Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng

Nhà thầu được xem là đã:

- (a) thỏa mãn về sự chính xác và đầy đủ của Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng, và
- (b) tính toán Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng dựa trên cơ sở dữ liệu, sự giải thích, các thông tin cần thiết, giám định, xem xét và sự thỏa mãn về tất cả các vấn đề có liên quan được tham chiếu tới Khoản 4.10 [*Dữ liệu về Công trường*] và bất cứ số liệu liên quan tới thiết kế của Nhà thầu.

Trừ các quy định khác trong Hợp đồng, Số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp đồng (bao gồm cả các nghĩa vụ theo tiền tạm ứng, nếu có) và toàn bộ những thứ cần thiết để thiết kế, thực hiện và hoàn thành tốt Công trình và sửa chữa các sai sót.

4.12 Điều kiện vật chất Không lường trước được

Trong Khoản này, “các điều kiện vật chất” nghĩa là điều kiện vật chất tự nhiên và nhân tạo, chất gây ô nhiễm và những cản trở vật chất khác mà Nhà thầu gặp phải tại Công trường khi thi công Công trình, bao gồm các điều kiện ngầm dưới đất và điều kiện thủy văn nhưng không gồm điều kiện khí hậu.

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện vật chất bất lợi mà Không lường trước được, Nhà thầu phải thông báo ngay khi có thể thực hiện được cho Nhà tư vấn.

Thông báo phải mô tả điều kiện vật chất để Nhà tư vấn có thể kiểm định chúng và phải đưa ra lý do tại sao Nhà thầu cho rằng những điều kiện vật chất này là không thể

lượng trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công công trình, sử dụng các biện pháp hợp lý, phù hợp với các điều kiện vật chất, và phải tuân thủ chỉ dẫn của Nhà tư vấn. Nếu chỉ dẫn tạo ra sự Thay đổi thì sẽ áp dụng Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*].

Nếu và ở mức độ nào mà Nhà thầu gặp phải điều kiện vật chất Không lường trước được, có thông báo và nếu bị chậm trễ và/hoặc chịu Chi phí do các điều kiện này gây nên thì Nhà thầu được hưởng quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] về:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các Chi phí, được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo và thẩm tra và/hoặc điều tra những điều kiện vật chất này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc xác định (i) liệu và (nếu có) ở mức độ nào những điều kiện vật chất là Không thể lường trước, và (ii) các vấn đề theo điểm (a) và (b) ở trên liên quan đến mức độ này.

Tuy nhiên, trước khi thống nhất hoặc xác định lần cuối cùng chi phí phát sinh theo điểm (ii), Nhà tư vấn có thể xem xét liệu những điều kiện vật chất khác ở các hạng mục tương tự của Công trình (nếu có) thuận lợi hơn là đã có thể được nhìn thấy một cách hợp lý trước khi Nhà thầu nộp thầu. Nếu và ở chừng mực nào đó mà gặp được những điều kiện thuận lợi hơn thì Nhà tư vấn có thể tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định giảm bớt chi phí phát sinh do những điều kiện này, được coi là phần khấu trừ trong Giá hợp đồng và Chứng chỉ thanh toán. Tuy nhiên, hiệu quả thực của việc điều chỉnh theo điểm (b) và phần khấu trừ cho toàn bộ điều kiện vật chất xảy ra trong các hạng mục tương tự của công trình sẽ không được dẫn đến một sự giảm giá thực trong Giá hợp đồng.

Nhà tư vấn có thể xem xét bất kỳ bằng chứng nào về những điều kiện vật chất được Nhà thầu lường trước khi nộp Hồ sơ dự thầu, có thể do Nhà thầu làm sẵn nhưng sẽ không bị giới hạn bởi những bằng chứng này.

4.13 Quyền về đi đường và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng và/hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào Công trường. Nhà thầu, tự mình chịu rủi ro và chi phí của mình, cũng phải có các cơ sở vật chất khác bên ngoài Công trình mà Nhà thầu có thể cần vì mục đích của Công trình.

4.14 Tránh can thiệp

...Nhà thầu không được can thiệp một cách không cần thiết hoặc không thích hợp vào:

- (a) sự thuận tiện của công chúng; hoặc
- (b) việc tiếp cận, sử dụng và chiếm toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hoặc thuộc chiếm hữu của Chủ đầu tư hoặc những người khác.

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư những hậu quả do tất cả các hư hỏng, tổn thất và chi phí (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý), do bất kỳ sự can thiệp không cần thiết và không phù hợp nào gây ra.

4.15 Đường vào Công trường

Nhà thầu được xem là đã thỏa mãn về sự sẵn có và phù hợp của các tuyến đường tới Công trường. Nhà thầu phải nỗ lực một cách hợp lý để tránh làm hư hỏng đường hoặc cầu do việc sử dụng đi lại của Nhà thầu hoặc Nhân lực của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này bao gồm cả việc sử dụng thích hợp các phương tiện và tuyến đường.

Trừ quy định khác trong các Điều kiện này:

- (a) Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm bảo dưỡng nếu Nhà thầu có yêu cầu khi sử dụng các tuyến đường đó;
- (b) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;
- (c) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại,
- (d) Chủ đầu tư sẽ không bảo đảm sự sẵn có hoặc phù hợp đối với các tuyến đường riêng biệt nào, và
- (e) Chi phí không phù hợp hoặc không sẵn có vào các tuyến đường vào sử dụng theo yêu cầu của Nhà thầu, sẽ do Nhà thầu chịu.

4.16 Vận chuyển Hàng hóa

Trừ các quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn không ít hơn 21 ngày trước ngày mà mọi TThiết bị hoặc hạng mục Hàng hóa chính khác được vận chuyển tới Công trường;
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, tiếp nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ Hàng hóa và các vật dụng khác cần thiết cho Công trình; và
- (c) Nhà thầu phải bồi thường và chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả chi phí và phí pháp lý) do việc vận chuyển Hàng hóa và phải thương lượng và thanh toán toàn bộ yêu cầu bồi thường phát sinh từ việc vận chuyển của họ.

4.17 Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ TThiết bị Nhà thầu. Khi được đưa đến Công trình, TThiết bị của Nhà thầu phải là để dùng riêng cho việc thi công Công trình. Nhà thầu không được chuyển các hạng mục Thiết bị chính của Nhà thầu ra khỏi Công trường nếu không được sự đồng ý của Nhà tư vấn. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý đối với phương tiện vận chuyển Hàng hóa và Nhân lực Nhà thầu ra khỏi Công trường.

4.18 Bảo vệ môi trường

Nhà thầu phải thực hiện các bước hợp lý để bảo vệ môi trường (cả trong và ngoài Công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác do hoạt động của Nhà thầu gây ra.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu không được vượt quá mức quy định trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư và không được vượt quá mức quy định của pháp luật hiện hành.

4.19 Điện, nước và khí đốt

Trừ trường hợp quy định dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác Nhà thầu cần.

Nhà thầu có quyền sử dụng cho mục đích thi công Công trình việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên Công trường mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu, tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc Thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và đo đạc số lượng tiêu thụ.

Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả (theo giá này) cho các dịch vụ phải được đồng ý hoặc xác định bởi Nhà tư vấn theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải thanh toán những khoản tiền này cho Chủ đầu tư.

4.20 Thiết bị và Vật liệu cấp tự do của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư phải có sẵn các TThiết bị của Chủ đầu tư (nếu có) để Nhà thầu dùng cho thi công công trình theo các chi tiết, sự sắp xếp và giá được nêu trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư. Trừ quy định khác trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư thì:

- (a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với Thiết bị của Chủ đầu tư, trừ trường hợp
- (b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng TThiết bị của Chủ đầu tư trong khi Nhân lực của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Số lượng thích hợp và số tiền phải trả (với giá đã nêu) để sử dụng Thiết bị của Chủ đầu tư phải được Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Nhà thầu phải thanh toán số tiền này cho Chủ đầu tư.

Chủ đầu tư phải cung cấp miễn phí, “các Vật liệu cấp tự do” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình cung cấp những Vật liệu này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra bằng mắt những Vật liệu này, và phải thông báo kịp thời cho Nhà tư vấn về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những Vật liệu này. Trừ các Bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải sửa ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra bằng mắt, Vật liệu cấp sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm bảo quản, giám sát của Nhà thầu không làm giảm trách nhiệm của Chủ đầu tư đối với sự thiếu hụt, sai sót hoặc lỗi không thấy khi kiểm tra bằng mắt.

4.21 Báo cáo Tiến độ

Trừ quy định khác trong Điều kiện riêng, các báo cáo tiến độ thực hiện hàng tháng sẽ được Nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Nhà tư vấn sáu bản. Báo cáo đầu tiên phải tính từ Ngày khởi công đến ngày cuối cùng của tháng đầu. Các báo cáo phải được nộp hàng tháng, mỗi báo cáo phải nộp trong thời hạn 7 ngày sau ngày cuối cùng của khoảng thời gian liên quan.

Báo cáo phải liên tục cho tới khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ công việc còn tồn lại tại thời điểm hoàn thành được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu Công trình.

Mỗi báo cáo phải có:

- (a) sơ đồ và miêu tả chi tiết tiến độ, bao gồm từng giai đoạn thiết kế, Tài liệu của Nhà thầu, mua sắm Thiết bị, gia công, vận chuyển tới Công trình, thi công, lắp dựng, kiểm tra và vận hành thử;
- (b) ảnh mô tả tình trạng gia công chế tạo và tiến độ trên Công trường
- (c) đối với việc gia công chế tạo hạng mục chính của TThiết bị và VVật liệu, tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, tiến độ phần trăm và ngày thực sự hoặc dự kiến:
 - (i) bắt đầu gia công chế tạo
 - (ii) kiểm định của Nhà thầu,
 - (iii) kiểm tra, và
 - (iv) vận chuyển và tới Công trường;
- (d) các chi tiết được mô tả tại Khoản 6.10 [Hồ sơ Nhân lực và Thiết bị của Nhà thầu]
- (e) bản sao tài liệu đảm bảo chất lượng, kết quả thử và chứng chỉ của Vật liệu
- (f) danh mục các Thay đổi, thông báo được đưa ra theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và thông báo được đưa ra theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*];
- (g) số liệu thống kê về an toàn, bao gồm chi tiết của các hoạt động và các trường hợp nguy hại liên quan đến yếu tố môi trường và quan hệ công cộng; và
- (h) so sánh tiến độ theo kế hoạch và tiến độ thực tế, với chi tiết của mọi sự kiện hoặc tình huống có thể gây nguy hiểm cho việc hoàn thành theo Hợp đồng, và các biện pháp đang (hoặc sẽ) được áp dụng để khắc phục sự chậm trễ.

4.22 An ninh Công trường

Trừ những quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc không cho phép những người không có nhiệm vụ vào Công trường, và

- (b) Hạn chế số người được phép của Nhà thầu và Chủ đầu tư; và đối với những người khác được Chủ đầu tư hoặc Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu là người được phép của các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê làm việc trên Công trường.

4.23 Hoạt động của Nhà thầu trên Công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi thực hiện hoạt động trên Công trường và khu vực phụ mà Nhà thầu có và được Nhà tư vấn đồng ý về nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự đề phòng cần thiết để giữ cho TThiêt bị của Nhà thầu và Nhân lực Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi Công trường và các khu vực phụ này, và không được cho Thiêt bị và Nhân lực của mình ra ngoài khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho Công trường không có các cản trở vô ích, và phải cất giữ hoặc xếp đặt TThiêt bị của Nhà thầu hoặc Vật liệu thừa. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ Công trình tạm ra khỏi công trường khi không còn cần nữa.

Sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả Thiêt bị Nhà thầu, nguyên Vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và Công trình tạm khỏi những bộ phận của Công trường và công trình mà đã được cấp Chứng chỉ nghiệm thu. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của Công trường và công trình trong tình trạng sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại Công trường, trong Giai đoạn Thông báo Sai sót, những Hàng hóa cần thiết để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng.

4.24 Cổ vật

Toàn bộ các hóa thạch, đồng xu, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên Công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thuộc thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải có sự đề phòng cần thiết để ngăn không cho Nhân lực Nhà thầu hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật.

Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Nhà tư vấn để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu chịu đựng sự chậm trễ và/hoặc chịu Chi phí để thực hiện hướng dẫn thì Nhà thầu phải thông báo tiếp cho Nhà tư vấn biết và có quyền theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] đòi:

- (a) kéo dài thời gian bù cho sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các Chi phí đó và sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo tiếp theo này, Nhà tư vấn phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này.

5. THIẾT KẾ

5.1 Nhiệm vụ thiết kế chung

Nhà thầu phải thực hiện và chịu trách nhiệm đối với thiết kế của Công trình. Thiết kế phải được chuẩn bị bởi các nhà thiết kế có năng lực bao gồm các kỹ sư hoặc các nhà chuyên môn phù hợp với các tiêu chuẩn (nếu có) quy định trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư. Trừ các quy định khác trong Hợp đồng, Nhà thầu phải gửi cho Nhà tư vấn duyệt và đồng ý tên và các đặc điểm của từng người thiết kế được đề xuất và Thầu phụ thiết kế.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng Nhà thầu, những người thiết kế của Nhà thầu và Thầu phụ thiết kế có kinh nghiệm và năng lực cần thiết để thiết kế. Nhà thầu đảm bảo rằng những người thiết kế phải có mặt để tham gia thảo luận với Nhà tư vấn tại tất cả các thời điểm hợp lý, cho tới ngày hết thời hạn thông báo sai sót liên quan.

Khi nhận được thông báo theo Khoản 8.1 [*Khởi công*], Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ Các yêu cầu của Chủ đầu tư (gồm Tiêu chuẩn thiết kế và tính toán, nếu có) và các hạng mục tham khảo được đề cập tại Khoản 4.7 [*Định vị các mốc*]. Trong khoảng thời gian được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, được tính từ Ngày Bắt đầu, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn sai sót, lỗi hoặc thiếu sót khác được phát hiện trong các Yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc những hạng mục tham khảo này.

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn phải xác định xem có áp dụng Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*] không và phải thông báo chi Nhà thầu ngay. Nếu và ở mức độ nào mà (có tính đến chi phí và thời gian) một Nhà thầu có kinh nghiệm mẫn cán đã có thể phát hiện ra sai sót, lỗi hoặc thiếu sót khi kiểm tra Công trường và các Yêu cầu của Chủ đầu tư trước khi nộp Thầu, thì Thời gian hoàn thành không được kéo dài và Giá hợp đồng không được điều chỉnh.

5.2 Tài liệu của Nhà thầu

Tài liệu của Nhà thầu bao gồm tài liệu kỹ thuật được quy định trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, tài liệu yêu cầu để đáp ứng tất cả phê duyệt theo quy định, và tài liệu mô

tả trong Khoản 5.6 [Tài liệu hoàn công] và Khoản 5.7 [Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng]. Trừ quy định khác theo các Yêu cầu của Chủ đầu tư, tài liệu của Nhà thầu phải được viết bằng ngôn ngữ giao tiếp quy định tại Khoản 1.4 [Luật và ngôn ngữ].

Nhà thầu phải chuẩn bị tất cả Tài liệu của Nhà thầu và các tài liệu cần thiết khác để chỉ dẫn cho Nhân lực Nhà thầu. Người của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra việc chuẩn bị các tài liệu này bất cứ lúc nào trong lúc tài liệu đang được chuẩn bị.

Nếu các Yêu cầu của Chủ đầu tư mô tả các Tài liệu của Nhà thầu sẽ được gửi cho Nhà tư vấn xem xét và/hoặc chấp thuận thì các Tài liệu này sẽ được gửi cùng với thông báo được dưới đây. Trong các quy định dưới đây của Khoản này, (i) “thời gian xem xét” nghĩa là thời gian mà Nhà tư vấn cần để xem xét và (nếu có quy định cụ thể) chấp thuận, và (ii) “Tài liệu Nhà thầu” trừ các tài liệu không được quy định là cần để xem xét và/hoặc chấp thuận.

Trừ các quy định khác trong Yêu cầu của Chủ đầu tư thì mỗi giai đoạn xem xét không được quá 21 ngày tính từ ngày Nhà tư vấn nhận được Tài liệu Nhà thầu và thông báo của Nhà thầu. Thông báo này phải nêu rõ rằng tài liệu Nhà thầu được sẵn sàng để xem xét (và chấp thuận nếu có quy định như vậy) theo Khoản này và để sử dụng. Thông báo cũng phải nêu rõ Tài liệu Nhà thầu phù hợp với Hợp đồng, hoặc phạm vi mà nó không phù hợp.

Nhà tư vấn, có thể, trong thời hạn xem xét, sẽ thông báo cho Nhà thầu rằng Tài liệu Nhà thầu (ở mức độ nào đó) không đúng với Hợp đồng. Nếu một Tài liệu Nhà thầu không đúng với Hợp đồng thì Nhà thầu phải điều chỉnh lại, trình lại để xem xét lại (nếu có quy định cụ thể thì chấp thuận) theo Khoản này và Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí.

Trong mỗi hạng mục của Công trình, trừ đã có sự đồng ý hoặc chấp thuận trước của Nhà tư vấn, phải thực hiện những công việc:

- (a) trong trường hợp một Tài liệu Nhà thầu đã (nếu quy định rõ) được trình cho Nhà tư vấn chấp thuận:
 - (i) Nhà tư vấn sẽ thông báo cho Nhà thầu rằng Tài liệu Nhà thầu đã được chấp thuận, có hoặc không có bình luận, hoặc Tài liệu của Nhà thầu không tuân theo Hợp đồng;
 - (ii) việc thực hiện hạng mục Công trình này sẽ không được bắt đầu tiến hành cho đến khi Nhà tư vấn chấp thuận Tài liệu Nhà thầu; và

Nhà tư vấn được xem như là đã chấp thuận Tài liệu Nhà thầu vào thời điểm hết hạn xem xét các Tài liệu Nhà thầu liên quan đến thiết kế và thi công hạng mục công trình đó, trừ khi Nhà tư vấn đã thực hiện thông báo khác theo đoạn (i); (b) việc thi công hạ

- (c) việc thi công hạng mục Công trình như vậy phải phù hợp với những tài liệu của Nhà thầu đã được xem xét (nếu có quy định cụ thể thì chấp thuận); và
- (d) Nếu Nhà thầu muốn thay đổi bất kỳ thiết kế nào hoặc tài liệu mà trước đó đã được trình để xem xét (và nếu có quy định cụ thể thì chấp thuận), Nhà thầu

phải lập tức thông báo cho Nhà tư vấn. Sau đó, Nhà thầu sẽ trình các tài liệu đã được sửa đổi cho Nhà tư vấn theo đúng các thủ tục nêu trên.

Nếu Nhà tư vấn hướng dẫn cần thêm Tài liệu Nhà thầu, Nhà thầu sẽ phải chuẩn bị ngay lập tức.

Bất cứ sự chấp thuận hoặc tán thành hoặc xem xét (theo Khoản này hoặc Khoản khác) sẽ không giảm đi bất kỳ nghĩa vụ và trách nhiệm của Nhà thầu.

5.3 Đảm bảo của Nhà thầu

Nhà thầu phải đảm bảo việc thiết kế, Tài liệu Nhà thầu, việc thi công và hoàn thành Công trình sẽ phải phù hợp với:

- (a) Pháp luật của Quốc gia hiện hành, và
- (b) tài liệu hình thành Hợp đồng, như đã được bổ sung hoặc sửa đổi bằng các Thay đổi.

5.4 Những tiêu chuẩn và các quy định kỹ thuật

Thiết kế, Tài liệu Nhà thầu, việc thi công và hoàn thành Công trình sẽ phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn kỹ thuật Quốc gia, Luật xây dựng và Luật môi trường, các Luật hiện hành cho các sản phẩm được tạo ra từ Công trình, và các tiêu chuẩn khác được quy định trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư, được áp dụng cho Công trình, hoặc do pháp luật hiện hành quy định.

Tất cả những Luật này, đối với Công trình và mỗi Hạng mục, phải là những Luật hiện hành khi Công trình hoặc Hạng mục được Chủ đầu tư nghiệm thu theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*]. Các điều khoản tham chiếu trong Hợp đồng về các tiêu chuẩn được ban hành sẽ được hiểu là những điều khoản tham chiếu đối với lần xuất bản được áp dụng vào Ngày hẹn, trừ các quy định khác.

Nếu những tiêu chuẩn mới hoặc được sửa đổi hoặc có hiệu lực ở Quốc gia hiện hành sau Ngày hẹn thì Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và (nếu phù hợp) sẽ kiến nghị áp dụng. Trong trường hợp:

- (a) Nhà tư vấn quyết định là cần phải áp dụng, và
- (b) kiến nghị áp dụng sẽ dẫn đến thay đổi,

Khi đó Nhà tư vấn sẽ bắt đầu một sự Thay đổi phù hợp với Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*].

5.5 Đào tạo

Nhà thầu sẽ tiến hành đào tạo Nhân lực Chủ đầu tư vận hành và bảo dưỡng Công trình trong phạm vi được quy định cụ thể trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu Hợp đồng nêu rõ việc đào tạo phải được tiến hành trước khi bàn giao, Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để bàn giao theo Khoản 10.1. [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho đến khi hoàn thành đào tạo.

5.6 Tài liệu hoàn công

Nhà thầu phải chuẩn bị và cập nhật kịp thời một bộ hồ sơ đầy đủ các tài liệu hoàn công về công tác thi công Công trình, chỉ rõ chính xác các vị trí, kích cỡ và các chi tiết của công trình xây dựng đã được thi công. Những tài liệu này sẽ được giữ tại Công trường và được sử dụng riêng cho những mục đích theo Khoản này. Nhà tư vấn sẽ được cung cấp 02 bản của những hồ sơ này trước khi tiến hành Vận hành thử trước Hoàn thành.

Ngoài ra, Nhà thầu phải cung cấp cho Nhà tư vấn các bản vẽ hoàn công của các Công trình, cho thấy tất cả những chi tiết Công trình được thực hiện và trình những bản vẽ đó cho Chủ đầu tư để xem xét theo Khoản 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*]. Nhà thầu sẽ được sự đồng ý của Nhà tư vấn về kích cỡ của chúng, hệ thống tham chiếu và các chi tiết liên quan khác.

Trước khi ban hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà thầu sẽ cung cấp cho Nhà tư vấn những con số cụ thể và các loại bản sao của các bản hoàn công theo Các yêu cầu của Chủ đầu tư. Công trình sẽ không được xem là hoàn thành để bàn giao theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu Công trình và Hạng mục công trình*] cho đến khi Nhà tư vấn đã nhận được những tài liệu này.

5.7 Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng

Trước khi tiến hành Kiểm định khi Hoàn thành, Nhà thầu phải cung cấp cho Nhà tư vấn những tài liệu hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng tạm thời đầy đủ các chi tiết để Chủ đầu tư có thể vận hành, bảo dưỡng, tháo dỡ, lắp đặt lại, điều chỉnh và sửa chữa các Thiết bị.

Công trình sẽ không được coi là hoàn thành để bàn giao theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu Công trình và hạng mục Công trình*] cho đến khi Nhà tư vấn đã nhận được những tài liệu hướng dẫn chi tiết cuối cùng về vận hành và bảo dưỡng, và những tài liệu hướng dẫn khác được quy định trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư cho những mục đích này.

5.8 Lỗi thiết kế

Nếu phát hiện ra trong Tài liệu Nhà thầu có các lỗi, bỏ sót, không rõ ràng, không nhất quán hoặc không phù hợp, Chủ thầu phải chịu mọi chi phí cho việc sửa chữa các lỗi này cũng như các Công trình dù đã có sự chấp thuận hoặc đồng ý theo Điều này.

6. NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

6.1 Tuyển mộ nhân viên và lao động

Trừ quy định khác trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ sắp xếp việc thuê nhân viên và người lao động, người địa phương hoặc ở nơi người khác, và trả lương, bố trí ăn ở và đi lại cho họ.

6.2 Mức lương và các điều kiện lao động

Nhà thầu sẽ trả mức lương và tuân theo các điều kiện lao động không thấp hơn so với các mức lương và điều kiện lao động được quy định cho các nghề và ngành công nghiệp mà người lao động thực hiện. Nếu không có mức lương hoặc điều kiện lao động có thể áp dụng được thì Nhà thầu sẽ áp dụng các mức lương và điều kiện lao động chung ở địa phương mà người sử dụng lao động trả cho các nghề và ngành công nghiệp tương tự như của Nhà thầu.

6.3 Những người trong bộ máy Chủ đầu tư

Nhà thầu không được tuyển mộ, hoặc toan tính tuyển nhân viên và người lao động từ Nhân lực Chủ đầu tư.

6.4 Pháp luật về lao động

Nhà thầu phải tuân thủ pháp luật về lao động hiện hành được áp dụng cho Nhân lực Nhà thầu, bao gồm cả Luật liên quan đến việc làm, sức khỏe, an toàn, phúc lợi, nhập cư, di cư và tất cả các những quyền lợi hợp pháp của họ.

Nhà thầu phải yêu cầu người lao động của mình tuân thủ pháp luật, bao gồm cả những Luật liên quan đến an toàn lao động.

6.5 Thời giờ làm việc

Không tiến hành làm việc trên Công trường vào những ngày nghỉ của địa phương, hoặc ngoài thời giờ làm việc bình thường quy định trong Phụ lục của Hồ sơ dự thầu, trừ:

- (a) các quy định khác trong Hợp đồng,
- (b) sự chấp thuận của Nhà tư vấn, hoặc
- (c) công việc không thể tránh được hoặc cần thiết để bảo vệ tính mạng hoặc tài sản hoặc cho sự an toàn của Công trình, trong trường hợp đó Nhà thầu phải xin ý kiến Nhà tư vấn ngay.

6.6 Điều kiện sinh hoạt cho Nhân viên và Người lao động

Trừ quy định khác trong Các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải cung cấp và duy trì tất cả cơ sở vật chất và cơ sở bảo vệ sức khỏe cần thiết cho Nhân lực Nhà thầu. Nhà thầu phải cung cấp mọi điều kiện cho Nhân lực của Chủ đầu tư theo Các yêu cầu của Chủ đầu tư.

Nhà thầu không được cho bất kỳ Nhân lực của Nhà thầu có chỗ ở tạm thời hoặc cố định trong khu vực kết cấu của Công trình vĩnh cửu.

6.7 Sức khỏe và An toàn lao động

Nhà thầu phải luôn thận trọng một cách hợp lý để đảm bảo an toàn và sức khỏe cho Nhân lực Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương, Nhà thầu phải đảm bảo rằng các nhân viên y tế, các phương tiện sơ cứu, phòng chăm sóc, và dịch vụ cấp cứu phải luôn sẵn sàng trên Công trường và tại các cơ sở ở của Nhân lực Nhà thầu và Chủ đầu tư, đồng thời phải có sự sắp xếp phù hợp để đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh và phúc lợi cần thiết và phòng chống các dịch bệnh.

Nhà thầu sẽ chỉ định một nhân viên an toàn lao động ở Công trường, chịu trách nhiệm về đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn. Người này phải có trình độ để đảm nhận trách nhiệm này, và có quyền đưa ra những hướng dẫn và áp dụng những biện pháp để phòng tránh tai nạn. Trong suốt quá trình thi công Công trình, Nhà thầu phải cung cấp những gì mà người này cần để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn này.

Nhà thầu sẽ gửi cho Nhà tư vấn các chi tiết về tai nạn ngay khi có thể thực hiện được sau khi nó xảy ra. Nhà thầu sẽ gửi những giấy tờ liên quan đến tình trạng sức khỏe, an

toàn và phúc lợi của người lao động, thiệt hại về tài sản, như Nhà tư vấn đã yêu cầu một cách hợp lý.

6.8 Giám sát của Nhà thầu

Trong suốt quá trình thiết kế và thi công Công trình, và cả thời gian cần thiết sau đó để hoàn thành các nghĩa vụ của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ có sự giám sát cần thiết để lên kế hoạch, sắp xếp, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra và thử nghiệm công việc.

Việc giám sát sẽ được giao cho số người có khả năng và có đủ kiến thức về ngôn ngữ giao tiếp quy định tại Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*] và về các hoạt động sẽ được tiến hành (bao gồm cả các phương pháp và các kỹ thuật cần thiết, những khó khăn có thể sẽ gặp phải và những biện pháp đề phòng tai nạn) để thỏa mãn yêu cầu công trình cũng như việc thi công Công trình được an toàn.

6.9 Nhân lực Nhà thầu

Nhân lực Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm tương xứng với nghề nghiệp hoặc công việc làm của mình. Nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ người lao động nào ở Công trường hoặc Công trình, bao gồm đại diện của Nhà thầu nếu:

- (a) có chấp giữ thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận,
- (b) thực hiện nhiệm vụ một cách thiếu trình độ hoặc cầu thả,
- (c) không tuân thủ Hợp đồng, hoặc
- (d) cố ý làm những việc gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ bổ nhiệm (hoặc buộc phải bổ nhiệm) một người khác thích hợp để thay thế.

6.10 Báo cáo về Nhân lực và TThiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Nhà tư vấn những chi tiết về số lượng từng cấp hạng Nhân lực của Nhà thầu và của mỗi loại TThiết bị của Nhà thầu có trên Công trường. Các chi tiết sẽ được trình lên hàng tháng, theo biểu mẫu mà Nhà tư vấn đã chấp thuận, cho đến khi Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các công việc còn dang dở vào ngày hoàn thành công trình được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

6.11 Hành vi gây rối

Nhà thầu phải luôn thận trọng để tránh bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật, gây rối hoặc mất trật tự của Nhân lực của Nhà thầu gây ra và để giữ vững ổn định và để bảo vệ con người và tài sản ở trong và gần Công trường.

7. THIẾT BỊ, VẬT LIỆU VÀ TAY NGHỀ

7.1 Cách thức Thực hiện

Nhà thầu sẽ thực hiện việc chế tạo TThiết bị, sản xuất và gia công các VVật liệu và tất cả các công việc thi công công trình:

- (a) theo cách thức (nếu có) quy định trong Hợp đồng,
- (b) với một tay nghề thành thạo và một cách cẩn thận, phù hợp với cách làm thực tế đã được thừa nhận, và
- (c) với các trang Thiết bị phù hợp và các Vật liệu không nguy hiểm, trừ quy định khác trong Hợp đồng.

7.2 Mẫu mã

Nhà thầu phải nộp các mẫu VVật liệu và các thông tin cần thiết sau đây cho Nhà tư vấn xem xét theo thủ tục cho Tài liệu của Nhà thầu được quy định tại Khoản 5.2 [Tài liệu của Nhà thầu]:

- (a) các mẫu VVật liệu tiêu chuẩn của nhà sản xuất và các mẫu mã khác được quy định cụ thể trong Hợp đồng, và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, và
- (b) các mẫu bổ sung được Nhà tư vấn hướng dẫn như là một Thay đổi.

Mỗi mẫu phải được gắn nhãn hiệu về xuất xứ và mục đích sử dụng dự kiến trong công trình.

7.3 Giám định

Người của Chủ đầu tư trong mọi thời điểm thích hợp sẽ:

- (a) được quyền vào tất cả các vùng trên Công trường và các vùng khai thác VVật liệu tự nhiên, và
- (b) trong quá trình sản xuất, chế tạo và xây dựng (ở trên Công trường, hoặc ở nơi khác) được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại Vật liệu, tay nghề và kiểm tra tiến trình chế tạo TThiết bị, sản xuất và gia công VVật liệu

Nhà thầu sẽ tạo mọi điều kiện cho Nhân lực của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và Thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.

Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn mỗi khi công việc hoàn thành, trước khi được phủ lấp, hoặc không còn nhìn thấy, hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Nhà tư vấn sẽ hoặc là tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc thử, không được chậm trễ mà không có lý do hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu là Nhà tư vấn không đòi hỏi phải làm như vậy. Trường hợp Nhà thầu không gửi thông báo thì, nếu và khi Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải mở lại công trình ra, sau đó lấp lại và hoàn thiện, tất cả đều bằng Chi phí của Nhà đầu tư.

7.4 Thử (kiểm định)

Khoản này sẽ được áp dụng cho tất cả các cuộc thử quy định trong Hợp đồng, trừ việc thử sau khi hoàn thành (nếu có).

Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, Thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, Vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành kiểm định một cách hiệu quả. Nhà thầu phải đồng ý với Nhà tư vấn về thời gian, địa điểm tiến hành kiểm định TThiết bị, VVật liệu và các hạng mục Công trình khác.

Nhà tư vấn có thể, theo Điều 13 [*Thay đổi và Điều chỉnh*] có thể thay đổi địa điểm hoặc các chi tiết của các cuộc kiểm định hoặc hướng dẫn Nhà thầu để tiến hành các cuộc kiểm định bổ sung. Nếu những cuộc kiểm định bổ sung hoặc thay đổi này cho thấy Thiết bị, Vật liệu hoặc tay nghề được kiểm định không phù hợp với Hợp đồng thì các chi phí cho việc tiến hành những Thay đổi này sẽ do Nhà thầu chịu bất kể những điều khoản khác theo Hợp đồng.

Nhà tư vấn phải thông báo trước không ít hơn 24 tiếng cho Nhà thầu về ý định tham gia vào cuộc kiểm định. Nếu Nhà tư vấn không tham gia kiểm định tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành kiểm định, trừ quy định khác từ Nhà tư vấn, và các cuộc kiểm định xem như đã được tiến hành với sự có mặt của Nhà tư vấn.

Nếu Nhà thầu chịu đựng sự chậm trễ hoặc chịu Chi phí do tuân thủ các hướng dẫn hoặc hậu quả do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn, và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] sẽ được quyền đòi:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán những Chi phí cộng với tiền lãi hợp lý, được tính vào Giá hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo, Nhà tư vấn sẽ theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] đồng ý hoặc quyết định các vấn đề này.

Nhà thầu phải trình ngay cho Nhà tư vấn các báo cáo có xác nhận về các cuộc kiểm định. Khi các cuộc kiểm định cụ thể đã được tiến hành xong, Nhà tư vấn sẽ chứng nhận chứng chỉ kiểm định của Nhà thầu hoặc cấp chứng chỉ cho Nhà thầu về kết quả đó. Nếu như Nhà tư vấn không tham gia vào các cuộc kiểm định thì xem như họ đã chấp nhận các báo cáo là chính xác.

7.5 Từ chối

Nếu kết quả của cuộc kiểm tra, giám sát, đo đạc hoặc thử nghiệm cho thấy bất kỳ Thiết bị, Vật liệu, thiết kế hoặc tay nghề bị lỗi hoặc không phù hợp với Hợp đồng, Nhà tư vấn có thể từ chối các Thiết bị, Vật liệu, thiết kế hoặc Nhân lực tay nghề bằng cách thông báo cho Nhà thầu với lý do. Nhà thầu phải sửa chữa sai sót ngay lập tức và đảm bảo các mục đích bị bác bỏ được xử lý phù hợp với Hợp đồng.

Nếu Nhà tư vấn yêu cầu TThiết bị, VVật liệu, thiết kế hoặc tay nghề cần được kiểm định lại, các cuộc kiểm định sẽ được tiến hành lại theo trình tự và điều kiện đã làm trước đó. Nếu việc từ chối và kiểm định lại dẫn đến những Chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư thì Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí này cho Chủ đầu tư theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*].

7.6 Công việc sửa chữa

Mặc dù đã có những cuộc kiểm định trước đó hoặc đã cấp chứng chỉ, Nhà tư vấn có thể chỉ dẫn Nhà thầu để:

- (a) đưa đi khỏi Công trường hoặc thay thế các TThiết bị, VVật liệu không phù hợp với Hợp đồng,
- (b) dỡ bỏ và tiến hành lại công việc nếu không phù hợp với Hợp đồng, và
- (c) được yêu cầu tiến hành công việc khẩn cấp để đảm bảo an toàn Công trình hoặc do tai nạn, sự kiện không thể lường trước được hoặc nguyên nhân khác.

Nhà thầu phải tuân thủ những chỉ dẫn của Nhà tư vấn trong thời hạn hợp lý, là thời hạn (nếu có) được quy định trong chỉ dẫn hoặc phải tiến hành ngay nếu tính chất cấp bách được xác định theo đoạn phụ (c).

Nếu Nhà thầu không tuân theo chỉ dẫn, Chủ đầu tư sẽ có quyền thuê và trả lương cho người khác tiến hành các công việc. Trừ Nhà thầu được hưởng quyền thanh toán cho công việc, Nhà thầu sẽ phải trả theo quy định tại Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] tiền thanh toán cho Chủ đầu tư toàn bộ chi phí do không tuân thủ chỉ dẫn gây ra.

7.7 Quyền sở hữu Thiết bị và Vật liệu

Mỗi hạng mục TThiết bị và VVật liệu trong phạm vi phù hợp với Luật của nước sở tại, sẽ trở thành tài sản của Chủ đầu tư, nếu nó có trước những thời điểm được nêu dưới đây mà không bị chiếm giữ và bị cản trở:

- (a) khi chúng được cung cấp tới Công trường;
- (b) khi Nhà thầu được hưởng thanh toán cho giá trị của Thiết bị và các Vật liệu theo Khoản 8.10 [*Thanh toán đối với Thiết bị và Vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công trình*].

7.8 Tiền nhượng quyền

Trừ các quy định khác trong các yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ phải trả tiền nhượng quyền, tiền thuê và các khoản tiền khác cho:

- (a) các Vật liệu tự nhiên lấy từ bên ngoài Công trường, và
- (b) các Vật liệu thải do phá dỡ, đào bới và các Vật liệu dư thừa khác (có thể là tự nhiên hoặc nhân tạo) trừ trường hợp có bãi thải trên Công trường như được nêu cụ thể trong Hợp đồng

8. KHỞI CÔNG, CHẠM TRỄ VÀ TẠM NGỪNG

8.1 Khởi công

Nhà tư vấn phải thông báo cho Nhà thầu không ít hơn 7 ngày về Ngày khởi công. Trừ các quy định khác trong những điều kiện riêng. Ngày khởi công sẽ là trong thời hạn 42 ngày sau khi Nhà thầu nhận được Thư chấp thuận.

Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thiết kế và thi công Công trình ngay khi có thể thực hiện được một cách hợp lý sau Ngày khởi công và sẽ thực hiện công trình đúng thời hạn mà không được chậm trễ.

8.2 Thời gian hoàn thành

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ Công trình, và mỗi Hạng mục (nếu có) trong khoảng TThời gian hoàn thành Công trình hoặc Hạng mục (tùy theo từng trường hợp) bao gồm:

- (a) đã qua các Cuộc kiểm định khi hoàn thành, và
- (b) hoàn thành tất cả các công việc đã được nêu trong Hợp đồng được yêu cầu cho công trình hoặc hạng mục để được xem xét là đã hoàn thành cho các mục đích bàn giao theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*].

8.3 Chương trình tiến độ

Nhà thầu sẽ trình cho Nhà tư vấn chương trình kế hoạch thời gian chi tiết trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được thông báo theo Khoản 8.1 [*Khởi công*]. Nhà thầu cũng sẽ trình chương trình thời gian đã được sửa đổi nếu chương trình kế hoạch trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Mỗi chương trình sẽ bao gồm:

- (a) thứ tự công việc mà Nhà thầu sẽ tiến hành để thực hiện công trình, bao gồm thời gian dự tính cho mỗi giai đoạn thiết kế, chuẩn bị tài liệu của Nhà thầu, mua sắm Thiết bị, gia công chế tạo, kiểm tra, vận chuyển đến công trường, xây lắp, thử nghiệm và vận hành thử.
- (b) thời gian xem xét theo Khoản 5.2 [*Tài liệu của Nhà thầu*] và cho các việc trình, phê duyệt và chấp thuận khác được nêu cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư.
- (c) quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng, và
- (d) báo cáo hỗ trợ trong đó bao gồm:
 - (i) mô tả chung về các phương pháp mà Nhà thầu có ý định áp dụng vào các giai đoạn chính trong việc thi công Công trình, và
 - (ii) các chi tiết cho thấy sự ước tính hợp lý của Nhà thầu về số lượng mỗi loại Nhân lực Nhà thầu và mỗi loại Thiết bị của Nhà thầu cần trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính.

Trừ Nhà tư vấn, trong thời hạn 21 ngày sau khi nhận được chương trình kế hoạch, thông báo cho Nhà thầu biết phạm vi mà chương trình không phù hợp với Hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện theo chương trình kế hoạch và nghĩa vụ của mình mà Hợp đồng đã quy định. Người của Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào chương trình kế hoạch khi vạch ra kế hoạch các hoạt động của họ.

Nhà thầu phải thông báo ngay lập tức cho Nhà tư vấn về các sự kiện hoặc tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu đối với công việc, hoặc làm tăng Giá hợp đồng hoặc làm chậm trễ việc thi công công trình. Nhà tư vấn có thể yêu cầu

Nhà thầu trình bản dự tính về những ảnh hưởng của các sự kiện hoặc tình huống trong tương lai và/hoặc đề xuất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*].

Nếu bất cứ lúc nào, Nhà tư vấn thông báo cho Nhà thầu rằng chương trình kế hoạch đã không tuân thủ (trong phạm vi đã định) với Hợp đồng hoặc không phù hợp với tiến độ thực tế và những ý định đã nêu của Nhà thầu, Nhà thầu sẽ phải trình một chương trình kế hoạch được sửa đổi cho Nhà tư vấn theo Khoản này.

8.4 Gia hạn Thời gian hoàn thành

Nhà thầu sẽ được phép theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] gia hạn Thời gian hoàn thành nếu và ở phạm vi mà việc hoàn thành cho mục đích của Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] đang hoặc sẽ bị chậm trễ do một trong những lý do sau đây:

- (a) có sự Thay đổi, trừ việc điều chỉnh Thời gian hoàn thành đã được thống nhất theo Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*],
- (b) nguyên nhân của sự chậm trễ dẫn đến việc được kéo dài thêm thời gian theo một Khoản của những Điều kiện này,
- (c) trong những điều kiện thời tiết xấu bất thường,
- (d) việc thiếu nhân lực sẵn có hoặc hàng hóa không thể lường trước được do các hoạt động của Chính phủ hoặc dịch bệnh gây ra, hoặc
- (e) bất kì sự chậm trễ, trở ngại hoặc cản trở trên Công trường do Chủ đầu tư, Nhân lực Chủ đầu tư hoặc các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra hoặc bị quy cho.

Nếu Nhà thầu cho rằng bản thân họ có quyền gia hạn Thời gian hoàn thành, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]. Khi xác định việc kéo dài thời gian theo Khoản 20.1, Nhà tư vấn phải xem xét lại những quyết định trước đó và có thể tăng, chứ không được giảm tổng thời gian kéo dài.

8.5 Chậm trễ gây ra bởi Cơ quan có thẩm quyền

Nếu những điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- (a) Nhà thầu thực hiện miễn cán các thủ tục được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó,
- (b) Những Cơ quan có thẩm quyền này đã làm chậm trễ hoặc gây gián đoạn công việc của Nhà thầu, và
- (c) việc chậm trễ hoặc gián đoạn là không thể lường trước được,

khi đó sự chậm trễ hoặc gián đoạn sẽ được cân nhắc như là nguyên nhân gây chậm trễ theo Điểm (b) của Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*].

8.6 Tiến độ thực hiện

Nếu, bất cứ lúc nào:

- (a) tiến độ thực tế quá chậm để hoàn thành công việc trong khoảng Thời gian hoàn thành, và/hoặc
- (b) tiến độ đã bị hoặc sẽ bị chậm hơn so với chương trình kế hoạch hiện tại theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*],

ngoại trừ những nguyên nhân quy định trong Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*], khi đó Nhà tư vấn có thể hướng dẫn cho Nhà thầu, theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*], trình một chương trình được sửa đổi và báo cáo hỗ trợ mô tả các phương pháp được sửa đổi mà Nhà thầu đề xuất để thực hiện tiến độ và hoàn thành trong Thời gian hoàn thành.

Trừ Nhà tư vấn có thông báo khác, Nhà thầu phải thông qua những phương pháp sửa đổi này, mà chúng có thể yêu cầu tăng thời giờ làm việc và/hoặc số lượng Nhân lực Nhà thầu và/hoặc Hàng hóa mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và mọi chi phí. Nếu những phương pháp sửa đổi này dẫn đến việc Chủ đầu tư phải gánh chịu những chi phí phát sinh thêm, theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*], Nhà thầu sẽ phải thanh toán những chi phí này cho Chủ đầu tư, và những thiệt hại do việc chậm trễ gây ra (nếu có) theo Khoản 8.7 dưới đây.

8.7 Những thiệt hại do chậm trễ

Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản 8.2 [*Thời gian hoàn thành*], thì Nhà thầu sẽ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] chỉ trả cho Chủ đầu tư đối với những thiệt hại do lỗi này. Những thiệt hại này sẽ là số tiền được quy định trong phụ lục của Hồ sơ dự thầu, sẽ được trả hàng ngày trong khoảng thời gian giữa Thời gian hoàn thành và ngày quy định trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình. Tuy nhiên, tổng số tiền theo Khoản này sẽ không vượt quá tổng số tiền tối đa do thiệt hại vì chậm trễ gây ra (nếu có) được nêu trong Phụ lục của Hồ sơ dự thầu.

Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu bồi thường vì lỗi đã gây ra, chứ không phải là việc chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] trước khi hoàn thành Công trình. Những thiệt hại này không giảm đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành Công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo Hợp đồng.

8.8 Tạm ngừng công việc

Nhà tư vấn vào bất cứ lúc nào đều có thể hướng dẫn Nhà thầu tạm ngừng tiến độ của một hạng mục hoặc toàn bộ Công trình. Trong thời gian tạm ngừng đó, Nhà thầu phải bảo vệ, đảm bảo hạng mục hoặc Công trình không bị xuống cấp, mất mát hoặc bị hư hỏng.

Nhà tư vấn cũng sẽ thông báo nguyên nhân tạm ngừng. Nếu và ở phạm vi nguyên nhân được thông báo, và là trách nhiệm của Nhà thầu, khi đó những Khoản 8.9, 8.10 và 8.11 sẽ không được áp dụng.

8.9 Hậu quả của việc tạm ngừng

Nếu Nhà thầu chịu đựng sự chậm trễ và/hoặc phải chịu các Chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Nhà tư vấn theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] và/hoặc từ việc tiến

hành lại công việc, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn và theo quy định của Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các Chi phí, được tính trong Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất hoặc quyết định những vấn đề này.

Nhà thầu sẽ không được quyền gia hạn, hoặc thanh toán các Chi phí cho việc sửa các hậu quả của lỗi thiết kế, tay nghề hoặc Vật liệu của Nhà thầu gây ra hoặc lỗi của Nhà thầu không bảo vệ, cất giữ hoặc bảo quản theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*].

8.10 Thanh toán tiền Thiết bị và các Vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công việc

Nhà thầu sẽ được thanh toán cho giá trị của Thiết bị và các Vật liệu đã không được vận chuyển đến công trường (vào ngày tạm ngừng) nếu:

Công việc đối với Thiết bị hoặc sự cung cấp Thiết bị và/hoặc các Vật liệu đã bị trì hoãn hơn 28 ngày, và

Nhà thầu đã đánh dấu Thiết bị và hoặc các Vật liệu là tài sản của Chủ đầu tư theo hướng dẫn của Nhà tư vấn.

8.11 Tạm ngừng quá lâu

Nếu việc tạm ngừng theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] đã tiếp tục diễn ra quá 84 ngày, Nhà thầu có thể yêu cầu Nhà tư vấn cho phép tiếp tục tiến hành công việc. Nếu Nhà tư vấn không cấp phép trong thời hạn 28 ngày sau khi Nhà thầu đã yêu cầu, Nhà thầu có thể thông báo cho Nhà tư vấn và xem như việc tạm ngừng sẽ bị bỏ qua theo Điều 13 [*Thay đổi và điều chỉnh*] của hạng mục công trình bị ảnh hưởng. Nếu việc tạm ngừng ảnh hưởng đến toàn bộ công trình, Nhà thầu có thể thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Kết thúc Hợp đồng bởi Nhà thầu*].

8.12 Tiếp tục tiến hành công việc

Sau khi đã nhận được sự cho phép hoặc hướng dẫn tiếp tục tiến hành, Nhà thầu và Nhà tư vấn sẽ cùng kiểm tra Công trình, Thiết bị và các Vật liệu bị ảnh hưởng do việc tạm ngừng. Nhà thầu sẽ sửa chữa chỗ xuống cấp, hư hỏng hoặc mất mát của công trình, Thiết bị hoặc các Vật liệu đã xảy ra trong thời gian tạm ngừng.

9. KIỂM ĐỊNH KHI HOÀN THÀNH

9.1 Nghĩa vụ của Nhà thầu

Nhà thầu sẽ tiến hành các Cuộc kiểm định khi hoàn thành theo Điều này và Khoản 7.4 [*Kiểm định*], sau khi đã cung cấp các tài liệu theo Khoản 5.6 [*Tài liệu hoàn công*] và Khoản 5.7 [*Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng*].

Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn không muộn hơn 21 ngày về ngày mà Nhà thầu đã sẵn sàng tiến hành các Cuộc kiểm định khi hoàn thành. Trừ đã có thỏa thuận khác,

các cuộc kiểm định hoàn thành sẽ được tiến hành trong thời hạn 14 ngày sau ngày đã thông báo, vào ngày mà Nhà tư vấn đã hướng dẫn.

Trừ các quy định khác trong Điều kiện riêng, các Cuộc kiểm định khi hoàn thành sẽ được tiến hành theo tuần tự sau:

- (a) các kiểm định trước khi đưa vào vận hành thử, sẽ bao gồm các cuộc kiểm tra thích hợp và các cuộc kiểm định chức năng (“khô” hoặc “lạnh”) để đảm bảo rằng mỗi hạng mục Thiết bị có thể đảm bảo an toàn cho bước tiếp theo, (b);
- (b) các cuộc kiểm định vận hành thử, sẽ bao gồm cả những cuộc kiểm định vận hành cụ thể để thấy rằng công trình hoặc hạng mục có thể định vận hành một cách an toàn và nếu có quy định, trong tất cả điều kiện có thể xảy ra, và
- (c) vận hành thử, để cho thấy rằng công trình hoặc hạng mục hoạt động tốt và đúng với Hợp đồng.

Trong khi vận hành thử, khi công trình đang hoạt động trong điều kiện ổn định; Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn rằng công trình đã sẵn sàng cho bất cứ Cuộc kiểm định khi hoàn thành khác, trong đó có các cuộc kiểm định thao tác để thấy được công trình đáp ứng các tiêu chuẩn được nêu cụ thể trong các yêu cầu của Chủ đầu tư và với các bảo lãnh thực hiện.

Vận hành thử sẽ không được tính vào nghiệm thu công trình theo Điều 10 [*Nghiệm thu của Chủ đầu tư*]. Trừ có quy định khác trong Các Điều kiện riêng, sản phẩm do công trình tạo ra trong quá trình vận hành thử sẽ là tài sản của Chủ đầu tư.

Khi xem xét kết quả của các Cuộc kiểm định khi hoàn thành, Nhà tư vấn sẽ xem xét đến hiệu quả của việc sử dụng công trình do Chủ đầu tư yêu cầu về hoạt động hoặc các đặc tính khác của công trình. Ngay sau khi Công trình hoặc Hạng mục đã vượt qua các Cuộc kiểm định khi hoàn thành như đã nêu trong phần (a), (b) hoặc (c), Nhà thầu sẽ trình bản báo cáo đã được chứng nhận về kết quả của các cuộc kiểm định này cho Nhà tư vấn.

9.2 Việc kiểm định bị chậm trễ

Nếu các Cuộc kiểm định khi hoàn thành bị quá chậm trễ do Chủ đầu tư, thì Khoản 7.4 [Kiểm định] (đoạn 5) và/hoặc Khoản 10.3 [Can thiệp vào các Cuộc kiểm định khi hoàn thành] sẽ được áp dụng.

Nếu các Cuộc kiểm định khi hoàn thành bị quá chậm trễ do Nhà thầu, Nhà tư vấn có thể bằng thông báo yêu cầu Nhà thầu tiến hành các cuộc kiểm định trong thời hạn 21 ngày sau khi nhận được thông báo. Nhà thầu sẽ tiến hành các cuộc kiểm định vào ngày hoặc các ngày trong thời gian đó mà phải được Nhà thầu ấn định và phải thông báo cho Nhà tư vấn.

Nếu Nhà thầu không tiến hành các Cuộc kiểm định khi hoàn thành trong thời hạn 21 ngày thì người của Chủ đầu tư có thể tiến hành các cuộc kiểm định mà Nhà thầu phải chịu rủi ro và Chi phí cho các Cuộc kiểm định đó. Các Cuộc kiểm định khi hoàn thành sẽ được coi là đã tiến hành với sự có mặt của Nhà thầu và kết quả kiểm định sẽ được chấp nhận là chính xác.

9.3 Kiểm định lại

Nếu công trình hoặc hạng mục không vượt qua được các Cuộc kiểm định khi hoàn thành, thì Khoản 7.5 [*Từ chối*] sẽ được áp dụng và Nhà tư vấn hoặc Nhà thầu có thể yêu cầu tiến hành lại các cuộc kiểm định không đạt và các công việc có liên quan đến cuộc kiểm định theo những quy trình và điều kiện tương tự trước đó.

9.4 Không vượt qua các Cuộc kiểm định khi hoàn thành

Nếu công trình hoặc hạng mục không vượt qua được các Cuộc kiểm định khi hoàn thành đã được tiến hành lại theo Khoản 9.3 [*Kiểm định lại*], khi đó Nhà tư vấn có quyền:

- (a) yêu cầu tiếp tục tiến hành kiểm định lại theo Khoản 9.3;
- (b) nếu như việc công trình hoặc hạng mục không vượt qua các cuộc kiểm định thì làm ảnh hưởng cơ bản đến lợi ích của Chủ đầu tư có được từ đó, sẽ loại bỏ công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp), trong trường hợp đó Chủ đầu tư sẽ có được những biện pháp khắc phục đã được quy định tại Điểm (c) của Khoản 11.4 [*Không sửa chữa được sai sót*]; hoặc
- (c) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, nếu Chủ đầu tư yêu cầu.
Trong trường hợp quy định tại phần (c), Nhà thầu khi đó sẽ thực hiện tất cả các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng, và Giá hợp đồng sẽ bị giảm đi một số tiền để bù vào số tiền mà Chủ đầu tư bị thiệt từ việc giá trị công trình bị giảm đi do việc không qua được kiểm định. Trừ việc giảm giá do nguyên nhân này gây ra được nêu cụ thể (hay xác định được phương pháp tính toán) trong Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu việc giảm giá khi: (i) hai Bên thỏa thuận (thỏa mãn riêng vấn đề này) và sẽ thanh toán trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, hoặc (ii) xác định và thanh toán theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] và Khoản 3.5 [*Quyết định*].

10. NGHIỆM THU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

10.1 Nghiệm thu công trình và các hạng mục công trình

Trừ những quy định trong Khoản 9.4 [*Không vượt qua các Cuộc kiểm định khi hoàn thành*], công trình sẽ được Chủ đầu tư tiếp nhận khi (i) công trình đã được hoàn thành theo đúng Hợp đồng, bao gồm cả những vấn đề được nêu trong Khoản 8.2 [Thời gian hoàn thành] và trừ những nội dung được cho phép trong phần (a) dưới đây và (ii) đã được cấp Chứng chỉ theo Khoản này.

Nhà thầu có thể bằng cách thông báo cho Nhà tư vấn để xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình không sớm hơn 14 ngày trước khi, theo Nhà thầu, công trình đã

được hoàn thành và sẵn sàng để bàn giao. Nếu công trình được chia thành các hạng mục, tương tự. Vậy, Nhà thầu có thể xin được cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho mỗi hạng mục.

Chủ đầu tư, trong thời hạn 28 ngày sau nhận được đơn của Nhà thầu, sẽ:

- (a) cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình cho Nhà thầu, nêu rõ ngày mà công trình hoặc hạng mục đã được hoàn thành theo Hợp đồng, trừ những công việc nhỏ còn tồn đọng lại và các sai sót về cơ bản không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng Công trình hoặc các Hạng mục cho mục đích ban đầu (cho đến khi hoặc trong khi những việc này đang được hoàn thành và các sai sót đang được sửa chữa), hoặc
- (b) bác bỏ đơn và đưa ra lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu cần phải làm để được cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình. Nhà thầu sẽ phải hoàn thành những công việc này trước khi đưa ra thông báo tiếp theo Khoản này.

Nếu Nhà tư vấn không cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hoặc bác bỏ đơn của Nhà thầu trong thời gian 28 ngày và nếu công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp) về cơ bản đúng với Hợp đồng thì Chứng chỉ nghiệm thu công trình xem như đã được cấp vào ngày cuối cùng trong thời gian đó..

10.2 Nghiệm thu bộ phận công trình

Nhà tư vấn có thể, tùy theo quyết định của Chủ đầu tư, sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình cho từng phần của Công trình vĩnh cửu.

Chủ đầu tư sẽ không sử dụng bất kỳ phần nào của công trình (trừ trường hợp sử dụng tạm thời nhưng đã được nêu cụ thể trong Hợp đồng hoặc hai bên cùng đồng ý) trừ khi và cho đến khi Nhà tư vấn đã cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình đó. Tuy nhiên, nếu Chủ đầu tư sử dụng bất cứ phần nào của công trình trước khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp, thì:

- (a) phần công trình được sử dụng sẽ được xem là đã được tiếp nhận kể từ ngày nó được đưa vào sử dụng,
- (b) Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về phần công trình đó kể từ ngày này, khi đó trách nhiệm sẽ thuộc về Chủ đầu tư, và
- (c) nếu Nhà thầu yêu cầu, Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho phần công trình này.

Sau khi Nhà tư vấn cấp Chứng chỉ nghiệm thu cho một phần Công trình, Nhà thầu sẽ được cho cơ hội sớm nhất để thực hiện các bước cần thiết để tiến hành những Cuộc kiểm định khi hoàn thành còn tồn lại. Nhà thầu sẽ tiến hành các Cuộc kiểm định khi hoàn thành này càng sớm càng tốt trước khi hết thời hạn thông báo sai sót.

Nếu Nhà thầu phải chịu các chi phí do việc nghiệm thu và/hoặc sử dụng của Chủ đầu tư mà không phải là việc sử dụng được nêu cụ thể trong Hợp đồng và được hai bên đồng ý, khi đó Nhà thầu sẽ (i) thông báo cho Nhà tư vấn và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được thanh toán những Chi phí đó cộng với tiền lãi hợp lý

và được tính vào Giá hợp đồng. Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc xác định Chi phí này và tiền lãi theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

Nếu Chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp cho một phần Công trình (trừ Hạng mục) thì những thiệt hại do chậm trễ sau khi hoàn thành những phần còn lại của Công trình sau đó sẽ phải giảm bớt. Tương tự, những thiệt hại do chậm trễ cho phần còn lại của hạng mục (nếu có) nếu có phần này cũng sẽ được giảm bớt. Đối với bất cứ thời kỳ chậm trễ nào sau ngày được nêu cụ thể trong Chứng chỉ nghiệm thu này, sự giảm bớt theo tỷ lệ trong các thiệt hại do chậm trễ này sẽ được tính như là một tỷ lệ mà giá trị của phần đã được xác nhận mang đến cho giá trị công việc hoặc phần việc (nếu trường hợp xảy ra) được xem như là một tổng thể. Theo Khoản 3.5 [*Quyết định*], Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc xác định những tỷ lệ này. Những quy định tại đoạn này chỉ áp dụng cho những thiệt hại do trì hoãn gây ra hàng ngày theo Khoản 8.7 [*Những thiệt hại do chậm trễ*], và sẽ không ảnh hưởng đến giá trị tối đa các thiệt hại này.

10.3 Can thiệp vào các Cuộc kiểm định khi hoàn thành

Nếu quá 14 ngày mà Nhà thầu không tiến hành các Cuộc kiểm định khi hoàn thành vì nguyên nhân do Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thì khi đó Chủ đầu tư sẽ xem như đã tiếp nhận công trình hoặc hạng mục (tùy từng trường hợp) vào ngày mà lẽ ra các cuộc kiểm định hoàn thành đã được hoàn tất.

Theo đó Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình và Nhà thầu sẽ tiến hành ngay các cuộc kiểm định hoàn thành càng sớm càng tốt trước ngày hết thời hạn thông báo sai sót. Nhà tư vấn sẽ thông báo trước 14 ngày về yêu cầu tiến hành các cuộc kiểm định hoàn thành theo những điều khoản của Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ hoặc phải chịu các chi phí do sự chậm trễ tiến hành các Cuộc kiểm định khi hoàn thành gây ra, Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn biết và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được quyền:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán các chi phí cộng thêm lợi nhuận hợp lý, tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư sẽ đồng ý hoặc xác định những vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

10.4 Yêu cầu bố trí lại mặt bằng

Trừ các nội dung khác trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình, một chứng chỉ cho một hạng mục hoặc một phần công trình sẽ không được xem là xác nhận hoàn thành một khu vực nào đó hoặc yêu cầu khôi phục lại mặt bằng.

11. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC SAI SÓT

11.1 Hoàn thành công việc còn dở dang và sửa chữa sai sót

Để công trình và tài liệu của Nhà thầu và mỗi hạng mục cần phải luôn ở trong tình trạng mà Hợp đồng quy định (trừ trường hợp bị rách hoặc hỏng) đến trước ngày hết thời hạn thông báo sai sót hoặc ngay khi có thể thực hiện được Nhà thầu sẽ phải:

- (a) hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu trong khoảng thời gian hợp lý theo sự chỉ dẫn của Nhà tư vấn yêu cầu, và
- (b) thực hiện các công việc sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng do Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) thông báo vào ngày hoặc trước ngày Thời hạn thông báo sai sót của công trình hoặc hạng mục hết hạn (trường hợp nếu xảy ra).

Nếu sai sót xuất hiện hoặc hư hỏng xảy ra, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) thông báo.

11.2 Chi phí cho việc sửa chữa sai sót

Tất cả công việc được nêu trong phần (b) của Khoản 11.1 [*Hoàn thành công việc dở dang và sửa chữa sai sót*] sẽ được tiến hành và Nhà thầu phải chịu rủi ro và các chi phí, nếu và ở mức độ công việc được quy cho là:

- (a) thiết kế của công trình, ngoài phần thiết kế mà Chủ đầu tư chịu trách nhiệm (nếu có),
- (b) Thiết bị, các Vật liệu hoặc tay nghề không phù hợp với Hợp đồng,
- (c) vận hành hoặc bảo dưỡng không đúng cách mà trách nhiệm thuộc về Nhà thầu (theo Khoản 5.5 đến 5.7 hoặc khác), hoặc
- (d) Nhà thầu không tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ khác.

Nếu và ở mức độ mà việc đó được quy cho là do nguyên nhân khác, Nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư (hay đại diện của Chủ đầu tư) thông báo ngay lập tức và khi đó sẽ áp dụng Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*].

11.3 Gia hạn thông báo sai sót

Theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] Chủ đầu tư sẽ được quyền kéo dài thêm thời hạn thông báo sai sót về công trình hoặc hạng mục nếu và ở mức độ mà công trình, hạng mục công trình hoặc một bộ phận chính của Thiết bị (tùy từng trường hợp và sau khi đã nghiệm thu) không thể sử dụng được cho mục đích đã định do sai sót hoặc hư hỏng. Tuy nhiên, thời gian thông báo sai sót sẽ không được kéo dài quá 2 năm.

Nếu việc cung cấp và/hoặc lắp đặt Thiết bị và/hoặc các Vật liệu bị tạm ngừng theo Khoản 8.8 [*Tạm ngừng công việc*] hoặc Khoản 16.1 [*Quyền Nhà thầu tạm ngừng công việc*], theo Điều này nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không áp dụng cho những sai sót hoặc hư hỏng xảy ra quá 2 năm sau khi thời gian thông báo sai sót cho Thiết bị, các Vật liệu lẽ ra đã không còn hiệu lực.

11.4 Không sửa chữa được sai sót

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được bất kỳ sai sót hoặc hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng. Nhà thầu sẽ được thông báo về ngày này.

Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hoặc hư hỏng vào ngày đã thông báo và Nhà thầu phải chịu chi phí cho việc sửa chữa Công trình theo Khoản 11.2 [*Chi phí sửa chữa sai sót*], Chủ đầu tư (tùy theo lựa chọn) có thể:

- (a) tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác theo cách thức hợp lý và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí, nhưng Nhà thầu sẽ không chịu trách nhiệm về công việc này; và Nhà thầu theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] phải trả cho Chủ đầu tư những chi phí hợp lý phát sinh từ việc Chủ đầu tư sửa chữa các sai sót hoặc hư hỏng;
- (b) yêu cầu Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định khấu trừ hợp lý trong Giá hợp đồng theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]; hoặc
- (c) nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư bị mất toàn bộ lợi ích đáng kể từ công trình hoặc phần lớn công trình, sẽ chấm dứt toàn bộ Hợp đồng hoặc phần lớn công trình không thể đưa vào sử dụng cho mục đích đã định. Khi đó, không làm tổn hại đến các quyền lợi khác, theo Hợp đồng hoặc không, Chủ đầu tư sẽ được quyền lấy lại toàn bộ số tiền đã trả công trình hoặc một phần công trình đó (tùy từng trường hợp cụ thể) cộng thêm với chi phí tài chính và chi phí tháo dỡ phần công trình đó, dọn dẹp Công trường và trả Thiết bị, các Vật liệu lại cho Nhà thầu.

11.5 Di chuyển công việc bị sai sót

Nếu sai sót đáng kể hoặc hư hỏng không thể sửa chữa tốt ngay trên Công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý thì Nhà thầu có thể chuyển khỏi Công trường hạng mục hạng mục Thiết bị bị sai sót hoặc hư hỏng để sửa chữa. Sự đồng ý này của Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tăng số tiền cho bảo lãnh Hợp đồng bằng chi phí thay thế toàn bộ các phần này hoặc cung cấp sự bảo đảm phù hợp khác.

11.6 Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng có thể ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Nhà tư vấn có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong Hợp đồng, bao gồm cả các Cuộc kiểm định khi hoàn thành và/hoặc kiểm định sau khi hoàn thành đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

11.7 Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng sự rủi ro và kinh phí của bên chịu trách nhiệm theo Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*] cho chi phí sửa chữa sai sót. Quyền được ra vào

Khi Chứng chỉ thực hiện hợp đồng đã được cấp, Nhà thầu sẽ được quyền tiếp cận tất cả các phần của Công trình và các hồ sơ về hoạt động và sự thực hiện của Công trình, trừ trường hợp không phù hợp với những hạn chế hợp lý liên quan đến an ninh của Chủ đầu tư.

11.8 Nhà thầu tìm nguyên nhân

Nhà thầu sẽ, nếu Nhà tư vấn yêu cầu, tìm nguyên nhân dẫn đến sai sót theo hướng dẫn của Nhà tư vấn. Trừ sai sót đã được sửa chữa bằng chi phí của Nhà thầu theo Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*], chi phí của việc tìm kiếm nguyên nhân cộng với lợi nhuận hợp lý được Nhà tư vấn đồng ý hoặc quyết định theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]; thì sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

11.9 Chứng chỉ thực hiện

Việc thực hiện các nghĩa vụ của Nhà thầu sẽ không được coi là đã hoàn cho đến khi Nhà tư vấn cấp Chứng chỉ thực hiện Hợp đồng cho Nhà thầu, nêu rõ ngày mà Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng.

Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ thực hiện Hợp đồng trong thời hạn 28 ngày sau ngày muộn nhất của Thời hạn thông báo sai sót hoặc ngay sau khi Nhà thầu đã cung cấp tất cả các tài liệu của Nhà thầu và đã hoàn thành và kiểm định tất cả công trình, bao gồm cả việc sửa chữa các sai sót. Chủ đầu tư sẽ nhận được 01 bản của Chứng chỉ thực hiện.

Chỉ có Chứng chỉ thực hiện mới được coi là cấu thành nên việc chấp nhận công trình.

11.10 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp Chứng chỉ thực hiện, mỗi bên còn phải chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Với các mục đích xác định nội dung và mức độ của những nghĩa vụ chưa thực hiện thì Hợp đồng vẫn được xem là còn hiệu lực

11.11 Giải phóng mặt bằng

Khi nhận được Chứng chỉ thực hiện hợp đồng, Nhà thầu sẽ dọn khỏi Công trường tất cả các Thiết bị của Nhà thầu, Vật liệu còn thừa, rác và Công trình tạm thời còn lại.

Nếu tất cả những vật dụng này không được dọn khỏi Công trường trong thời hạn 28 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được 01 bản sao Chứng chỉ thực hiện, Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ các vật đó. Chủ đầu tư có quyền được thanh toán các chi phí phát sinh từ việc bán hoặc tiêu hủy hoặc sửa chữa lại các vật dụng đó trên Công trường.

Việc cân đối các khoản tiền thu được từ việc bán các vật dụng trên sẽ được trả cho Nhà thầu. Nếu số tiền này ít hơn các chi phí mà Chủ đầu tư phải trả, Nhà thầu sẽ trả phần chi phí còn lại cho Chủ đầu tư.

12. KIỂM ĐỊNH SAU KHI HOÀN THÀNH

12.1 Thủ tục kiểm định sau khi hoàn thành

Nếu các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành được nêu cụ thể trong Hợp đồng, khi đó sẽ áp dụng Điều này. Trừ những quy định khác trong Điều kiện riêng, Chủ đầu tư sẽ:

- (a) cung cấp điện, Thiết bị, nhiên liệu, dụng cụ, lao động, Vật liệu và các nhân viên có trình độ và kinh nghiệm thích hợp cần thiết để tiến hành các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành một cách hiệu quả, và
- (b) tiến hành các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành theo các tài liệu hướng dẫn của Nhà thầu thuộc Khoản 5.7 [*Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng*] và việc hướng dẫn mà Nhà thầu được yêu cầu trong quá trình tiến hành các cuộc kiểm định này; và với sự có mặt nhân viên của Nhà thầu hoặc các bên kia được yêu cầu hợp lý.

Các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được thực hiện ngay khi có thể thực hiện sau khi Chủ đầu tư nghiệm thu công trình hoặc hạng mục. Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trước 21 ngày về ngày sẽ tiến hành kiểm định sau khi hoàn thành. Trừ có sự thỏa thuận khác, các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được tiến hành trong thời hạn 14 ngày sau ngày được thông báo, vào ngày hoặc các ngày được Chủ đầu tư quyết định.

Nếu Nhà thầu không tham gia vào kiểm định tại thời điểm và ở nơi được thỏa thuận, Chủ đầu tư có thể tiến hành kiểm định sau khi hoàn thành, khi đó cuộc kiểm định xem như đã tiến hành với sự có mặt của Nhà thầu và Nhà thầu sẽ phải chấp nhận kết quả kiểm định là chính xác.

Kết quả Kiểm định sau khi hoàn thành sẽ được cả hai Bên tập hợp và đánh giá. Khi đó, báo cáo cũng sẽ tính đến ảnh hưởng của việc Chủ đầu tư đã sử dụng Công trình trước đó.

12.2 Các cuộc kiểm định bị chậm trễ

Nếu Nhà thầu phải chịu những chi phí phát sinh từ việc chậm trễ vô lý của Chủ đầu tư trong các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành, Nhà thầu sẽ (i) thông báo cho Nhà tư vấn và (ii) theo Khoản 20.1 [Khiếu nại của Nhà thầu] sẽ được thanh toán các chi phí đó cộng với lợi nhuận hợp lý và tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc xác định về chi phí và lợi nhuận này.

Nếu vì lý do nào đó, không phải do lỗi của Nhà thầu, một cuộc kiểm định sau khi hoàn thành công trình hoặc hạng mục sẽ không thể hoàn thành trong thời gian thông báo sai sót (hoặc bất cứ thời gian nào được hai bên thỏa thuận), khi đó công trình hoặc hạng mục sẽ được xem như đã vượt qua cuộc kiểm định sau khi hoàn thành này.

12.3 Kiểm định lại

Nếu công trình, hoặc hạng mục không qua được các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành thì:

- (a) sẽ áp dụng phần (b) của Khoản 11.1 [*Hoàn thành công việc dở dang và sửa chữa sai sót*], và
- (b) mỗi bên có thể yêu cầu tiến hành lại các cuộc kiểm định không đạt và các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành của công việc có liên quan với các điều kiện và khoản tương tự.

Nếu và ở mức độ mà công trình không vượt qua cuộc kiểm định và phải kiểm tra lại là do những vấn đề nêu trong phần (a) đến (d) của Khoản 11.2 [*Chi phí cho việc sửa chữa sai sót*] và việc đó dẫn đến phát sinh các chi phí thêm cho Chủ đầu tư, thì theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] Nhà thầu sẽ phải trả các chi phí này cho Chủ đầu tư.

12.4 Không vượt qua các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành

Nếu những điều kiện sau đây được áp dụng, cụ thể:

- (a) công trình hoặc hạng mục không qua được cuộc kiểm định nào đó hoặc tất cả các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành,
- (b) số tiền phải trả cho những thiệt hại do không qua được cuộc kiểm định nêu rõ (hoặc phương pháp tính toán được xác định) trong Hợp đồng, và
- (c) Nhà thầu trả số tiền này cho Chủ đầu tư trong thời hạn thông báo sai sót.

Khi đó công trình hoặc hạng mục sẽ được xem như đã qua các cuộc kiểm định sau khi hoàn thành,

Nếu công trình hoặc hạng mục không qua được cuộc kiểm định sau khi hoàn thành và Nhà thầu đề nghị điều chỉnh hoặc sửa đổi công trình hoặc hạng mục đó, Chủ đầu tư (hoặc đại diện của Chủ đầu tư) có thể hướng dẫn cho Nhà thầu rằng Nhà thầu sẽ không được ra vào công trình hoặc hạng mục đó cho đến thời điểm thuận tiện cho Chủ đầu tư. Nhà thầu có trách nhiệm tiến hành điều chỉnh hoặc sửa đổi và để đạt được cuộc kiểm tra, trong khoảng thời gian thích hợp mà Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư thông báo và cho biết thời gian đó là thuận tiện. Tuy nhiên, nếu Nhà thầu không nhận được thông báo này trong thời hạn thông báo sai sót, Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm và công trình hoặc hạng mục (tùy theo từng trường hợp) xem như đã qua được cuộc kiểm định sau khi hoàn thành này.

Nếu Nhà thầu phải chịu những chi phí phát sinh từ việc chậm trễ vô lý của Chủ đầu tư trong việc không cho phép Nhà thầu ra vào công trình hoặc nhà máy, để điều tra các nguyên nhân dẫn đến việc không qua được cuộc kiểm định hoặc để điều chỉnh hoặc sửa đổi, Nhà thầu phải (i) thông báo cho Nhà tư vấn và (ii) theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] được thanh toán các chi phí đó cộng thêm lợi nhuận hợp lý, và được tính vào Giá hợp đồng

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải đồng ý hoặc quyết định về chi phí và lợi nhuận này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

13. THAY ĐỔI VÀ ĐIỀU CHỈNH

13.1 Quyền được Thay đổi

Việc Thay đổi có thể được Chủ đầu tư triển khai vào bất cứ lúc nào trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình bằng việc yêu cầu hoặc hướng dẫn cho Nhà thầu

trình đề xuất. Việc sửa đổi sẽ không bao gồm việc bỏ sót công việc nào đó do người khác thực hiện.

Nhà thầu sẽ thực hiện và chịu trách nhiệm về mỗi việc Thay đổi, trừ Nhà thầu thông báo ngay cho Nhà tư vấn nêu rõ (với các chi tiết hỗ trợ cụ thể) rằng (i) Nhà thầu không thể sẵn sàng có được những phương tiện cần thiết theo yêu cầu cho việc Thay đổi, (ii) việc đó sẽ làm giảm sự an toàn hoặc ổn định của công trình hoặc (iii) việc đó sẽ ảnh hưởng không tốt đến việc đạt được các bảo lãnh thực hiện. Khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ hủy bỏ, khẳng định hoặc thay đổi hướng dẫn.

13.2 Tư vấn giá trị công trình

Vào bất cứ lúc nào, Nhà thầu sẽ đề đạt lên Nhà tư vấn các kiến nghị bằng văn bản mà (theo ý kiến của Nhà thầu) nếu được áp dụng sẽ, (i) đẩy nhanh tiến độ hoàn thành, (ii) giảm chi phí cho Chủ đầu tư trong việc điều hành, bảo dưỡng hoặc vận hành công trình, (iii) tăng hiệu quả hoặc giá trị của công trình đã hoàn thành cho Chủ đầu tư, hoặc (iv) sẽ có lợi cho Chủ đầu tư.

Đề xuất đó sẽ được soạn thảo bằng chi phí của Nhà thầu và sẽ bao gồm các hạng mục được liệt kê ở Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*].

13.3 Thủ tục Thay đổi

Nếu Nhà tư vấn yêu cầu một đề xuất trước khi hướng dẫn Thay đổi, Nhà thầu sẽ trả lời bằng văn bản ngay lý do tại sao Nhà thầu không thể đáp ứng (nếu là trường hợp đó) hoặc nộp:

- (a) bản mô tả thiết kế được đề xuất và/hoặc công việc sẽ tiến hành và kế hoạch thực hiện chúng,
- (b) đề xuất của Nhà thầu về bất kỳ Thay đổi cần thiết cho chương trình tiến độ theo Khoản 8.3 [*Chương trình tiến độ*] và cho Thời gian hoàn thành, và
- (c) đề xuất của Nhà thầu về việc điều chỉnh Giá hợp đồng.

Nhà tư vấn, ngay sau khi nhận được đề xuất đó (theo Khoản 13.2 [*Tư vấn về giá trị công trình*] hoặc quy định khác sẽ trả lời nêu rõ đồng ý hoặc không đồng ý, hoặc có ý kiến. Nhà thầu sẽ không được trì hoãn bất kỳ công việc nào trong khi đợi sự phản hồi từ phía Nhà tư vấn.

Mỗi hướng dẫn thực hiện việc Thay đổi đối với bất cứ yêu cầu nào về việc ghi lại các chi phí sẽ được Nhà tư vấn cung cấp cho Nhà thầu và họ sẽ xác nhận là đã nhận được.

Khi hướng dẫn hoặc chấp thuận một Thay đổi, Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc quyết định điều chỉnh Giá hợp đồng và Lịch trình thanh toán theo Khoản 3.5 [*Quyết định*]. Những điều chỉnh này sẽ bao gồm cả lợi nhuận hợp lý và sẽ tính đến việc đề xuất của Nhà thầu theo Khoản 13.2 [*Tư vấn về giá trị công trình*] nếu được áp dụng.

13.4 Thanh toán bằng tiền tệ thích hợp

Nếu Nhà thầu thanh toán Giá hợp đồng hơn một loại tiền tệ trở lên khi việc điều chỉnh được nhất trí, chấp thuận hoặc quyết định như đã nêu ở trên, số tiền phải trả bằng mỗi loại đơn vị tiền tệ sẽ được xác định cụ thể. Cho mục đích này, giá tham chiếu được lập trên đơn vị tiền tệ thực tế hoặc dự kiến thanh toán cho từng phần Chi phí của công

việc được sửa đổi và tỷ lệ các loại tiền tệ khác nhau được xác định trong việc thanh toán Giá hợp đồng sẽ được tham chiếu.

13.5 Tiền dự chi

Tiền dự chi sẽ chỉ được sử dụng toàn bộ hoặc một phần theo hướng dẫn của Nhà tư vấn, và Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng. Toàn bộ số tiền Nhà thầu được chi trả sẽ bao gồm tiền cho công việc, cung cấp hoặc các dịch vụ mà tiền dự chi có liên quan như Nhà tư vấn đã hướng dẫn. Đối với mỗi khoản tiền dự chi, Nhà tư vấn có thể hướng dẫn:

- (a) công việc sẽ được Nhà thầu thực hiện và định giá trị (bao gồm Thiết bị, các Vật liệu hoặc các dịch vụ sẽ được cung cấp) theo Khoản 13.3 [*Thủ tục Thay đổi*], và/hoặc
- (b) Thiết bị, các Vật liệu hoặc dịch vụ được Nhà thầu mua mà tính vào Giá hợp đồng;
 - (i) số tiền thực tế được Nhà thầu trả (hoặc sẽ trả), và
 - (ii) số chi phí và lợi nhuận phải trả, được tính là phần trăm của số tiền thực tế này bằng cách áp dụng tỷ lệ phần trăm phù hợp (nếu có) được nêu trong bảng giá thích hợp. Nếu không có tỷ lệ đó, tỷ lệ phần trăm được nêu trong Phụ lục Hồ sơ thầu sẽ được áp dụng.

Khi Nhà tư vấn yêu cầu, Nhà thầu phải cung cấp báo giá, hóa đơn phiếu mua hàng và giấy biên nhận để làm căn cứ.

13.6 Công việc hàng ngày

Nếu là công việc nhỏ hoặc phụ, Nhà tư vấn có thể hướng dẫn việc Thay đổi sẽ được thực hiện trên cơ sở công việc hàng ngày. Công việc sau đó sẽ được chỉ định giá theo bảng kê công việc hàng ngày được nêu trong Hợp đồng, và những thủ tục tiếp theo sẽ áp dụng. Nếu bảng kê công việc hàng ngày không được nêu trong Hợp đồng, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Trước khi đặt hàng các hàng hóa cho công việc, Nhà thầu phải trình bảng báo giá lên Nhà tư vấn. Khi đề nghị thanh toán, Nhà thầu phải trình giấy biên nhận, hóa đơn, phiếu thanh toán của các hàng hóa đó.

Trừ các mặt hàng được nêu trong lịch công việc hàng ngày rằng việc thanh toán chưa đến hạn, Nhà thầu sẽ phải gửi hằng ngày các thông báo chính xác (gồm 02 bản) cho Nhà tư vấn bao gồm các chi tiết sau đây của các nguồn được sử dụng trong việc thực hiện các công việc của ngày trước đó:

- (a) tên, công việc và thời gian của nhân viên Nhà thầu,
- (b) sự nhận dạng loại và thời gian của Thiết bị Nhà thầu và công trình tạm thời, và
- (c) số lượng và chủng loại Thiết bị và các Vật liệu được sử dụng.

Một bản chụp của mỗi bản báo cáo nếu chính xác, hoặc khi được đồng ý, sẽ được Nhà tư vấn ký và gửi lại cho Nhà thầu. Nhà thầu khi đó sẽ trình các báo cáo giá của các nguồn đó lên cho Nhà tư vấn trước khi chúng được đưa vào báo cáo tiếp sau theo Khoản 14.8 [*Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời*].

13.7 Điều chỉnh do pháp luật thay đổi

Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh để tính đến việc tăng hoặc giảm chi phí phát sinh từ thay đổi trong luật pháp của nước sở tại (bao gồm việc ban hành luật mới và việc sửa đổi bổ sung các luật hiện hành) hoặc việc cơ quan tư pháp hoặc hành pháp giải thích về các Luật đó, được thực hiện sau Ngày khởi công, làm ảnh hưởng đến Nhà thầu trong việc thực hiện những nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Nếu Nhà thầu phải chịu (hoặc sẽ phải chịu) sự chậm trễ và/hoặc phải chịu (hoặc sẽ phải chịu) những chi phí phát sinh thêm do việc thay đổi luật hoặc việc diễn giải về các luật đó, được thực hiện sau Ngày khởi công, Nhà thầu sẽ thông báo cho Nhà tư vấn và theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] sẽ được phép:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [Gia hạn thời gian hoàn thành], và
- (b) thanh toán các chi phí đó, sẽ được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc quyết định những vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

13.8 Điều chỉnh do thay đổi về chi phí

Trong Khoản này, “bảng số liệu điều chỉnh” có nghĩa là bảng hoàn chỉnh các số liệu điều chỉnh được đưa vào trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Nếu không có bảng số liệu điều chỉnh, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nếu Khoản này được áp dụng, các khoản tiền thanh toán cho Nhà thầu sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm theo chi phí lao động, hàng hóa và các đầu vào khác cho công trình, bằng việc thêm hoặc bớt các khoản tiền được xác định theo công thức được nêu trong Khoản này. Trong phạm vi mà việc bù trừ đầy đủ cho bất kỳ tăng hoặc giảm chi phí không được nêu trong Điều này hoặc các Điều khác, số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng sẽ được coi là đã tính cả các khoản tiền dự phòng cho việc tăng và giảm các chi phí.

Việc điều chỉnh sẽ được áp dụng đối với số tiền phải thanh toán cho Nhà thầu, như được tính toán theo Bảng giá thích hợp và được xác nhận trong Chứng chỉ thanh toán sẽ được xác định theo công thức cho mỗi loại tiền tệ sẽ thanh toán cho Giá Hợp đồng. Sẽ không áp dụng điều chỉnh đối với các công việc được định giá dựa trên cơ sở của Chi phí hoặc giá cả hiện hành. Công thức sẽ theo kiểu thông dụng sau:

$$P_n = a + b \frac{L_n}{L_o} + c \frac{E_n}{E_o} + d \frac{M_n}{M_o}$$

trong đó:

“ P_n ” là số nhân điều chỉnh được áp dụng cho giá trị hợp đồng ước tính cho các công việc được tiến hành trong thời gian “ n ” theo tiền tệ tương ứng, thời gian này có nghĩa là 1 tháng trừ khi được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu;

“ a ” là hệ số cố định, được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh tương ứng, thể hiện phần không điều chỉnh của các khoản thanh toán theo hợp đồng;

“b”, “c”, “d”, ... là những hệ số biểu hiện tỷ lệ ước tính của mỗi phần chi phí liên quan đến việc thi công công trình, được nêu trong bảng các số liệu điều chỉnh tương ứng; như các phần chi phí trong bảng có thể thể hiện các nguồn như lao động, Thiết bị và Vật liệu;

“L_n”, “E_n”, “M_n”, ... là những chỉ số chi phí hiện thời hoặc những giá tham khảo cho thời gian “n”, được thể hiện bằng tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số được áp dụng cho một loại chi phí tương ứng trong bảng vào thời điểm 49 ngày trước ngày cuối cùng của thời gian (mà Chứng nhận thanh toán riêng có liên quan đến), và

“L_o”, “E_o”, “M_o”, ... là những chỉ số chi phí cơ bản hoặc giá tham khảo cho thời gian “n”, được thể hiện bằng tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số sẽ được áp dụng cho một loại chi phí tương ứng trong bảng vào Ngày khởi công.

Các chỉ số chi phí hoặc các giá tham khảo được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh sẽ được sử dụng. Nếu có nghi ngờ về nguồn của chúng, Nhà tư vấn sẽ xác định. Cho mục đích này, việc tham khảo sẽ được thực hiện đối với các giá trị của các chỉ số vào những ngày được nêu (được nêu riêng trong cột 4 và cột 5 của bảng) nhằm làm sáng tỏ về nguồn của giá tham khảo; mặc dù những ngày này (và các giá trị này) có thể không khớp với các chỉ số chi phí cơ bản.

Trong trường hợp mà “tiền tệ của chỉ số” (được nêu trong bảng) không phải là tiền tệ thanh toán tương ứng, mỗi chỉ số sẽ được chuyển đổi sang tiền tệ thanh toán tương ứng theo tỷ giá bán ra, do Ngân hàng Trung ương của nước sở tại ấn định, của tiền tệ tương ứng này vào ngày đã nêu trên, ngày mà chỉ số sẽ được yêu cầu áp dụng.

Khi mà mỗi chỉ số chi phí hiện hành còn chưa có, Nhà tư vấn sẽ xác định một chỉ số tạm thời để cấp Chứng nhận thanh toán tạm thời. Khi một chỉ số chi phí hiện hành có rồi thì việc điều chỉnh sẽ được tính toán lại cho phù hợp.

Nếu Nhà thầu không hoàn thành công trình trong khoảng Thời gian hoàn thành, việc điều chỉnh giá sẽ được thực hiện dựa trên (i) mỗi chỉ số hoặc giá được áp dụng vào thời điểm 49 ngày – ngày trước ngày hết hạn Thời gian hoàn thành công trình hoặc (ii) chỉ số hoặc giá cả hiện hành: tùy theo cách thức nào thuận lợi hơn cho Chủ đầu tư.

Các hệ số cho mỗi yếu tố chi phí được nêu trong bảng số liệu điều chỉnh sẽ chỉ được điều chỉnh nếu chúng đã được đưa ra không hợp lý, không cân bằng hoặc không áp dụng được, dẫn đến sự Điều chỉnh.

14. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

14.1 Giá hợp đồng

Trừ khi có các quy định khác trong Điều kiện riêng:

- (a) Giá hợp đồng sẽ là Giá hợp đồng được chấp thuận trả trọn gói và được điều chỉnh theo Hợp đồng;
- (b) Nhà thầu sẽ phải trả tất cả loại thuế, phí được yêu cầu phải trả theo Hợp đồng, và Giá hợp đồng sẽ không được điều chỉnh cho bất cứ khoản nào của các chi

phí này, loại trừ được nêu trong Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do pháp luật thay đổi*].

- (c) khối lượng công việc được nêu trong Lịch trình được coi là những khối lượng ước tính và sẽ không được coi là những khối lượng thực tế và đúng của công trình mà Nhà thầu được yêu cầu thực hiện; và
- (d) bất kỳ khối lượng công việc nào hoặc số liệu giá cả được nêu trong Lịch trình sẽ được sử dụng cho mục đích được nêu trong Lịch trình và có thể không áp dụng cho những mục đích khác.

Tuy nhiên, nếu một phần công trình được thanh toán theo khối lượng được cung cấp hoặc công việc được thực hiện, các quy định về tính toán và đánh giá sẽ được nêu trong Điều kiện riêng. Giá hợp đồng sẽ được xác định theo đó, tùy theo việc điều chỉnh theo Hợp đồng.

14.2 Ứng trước

Chủ đầu tư sẽ ứng trước, như một khoản vay không có lãi suất cho việc huy động và thiết kế, khi Nhà thầu trình một giấy bảo lãnh theo Khoản này. Tổng số tiền ứng trước, số lần và thời gian của từng lần thanh toán (nếu hơn 1 lần) và đồng tiền áp dụng và tỷ lệ được áp dụng sẽ như được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu.

Trừ và cho đến khi Chủ đầu tư nhận được giấy bảo lãnh này, hoặc nếu tổng số thanh toán trước không được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời cho lần thanh toán đầu tiên sau khi nhận được một bản Báo cáo theo Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời*] và sau khi Chủ đầu tư nhận được (i) Bảo lãnh thực hiện theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và (ii) một bảo lãnh bằng số lượng và tiền tệ tương đương với số tiền ứng trước. Bảo lãnh này sẽ được một cơ quan cấp và ử trong một nước (hoặc vùng lãnh thổ) do Chủ đầu tư chấp thuận, và sẽ theo biểu mẫu phụ lục của các Điều kiện riêng hoặc theo biểu mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo lãnh là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi việc ứng trước được hoàn trả, nhưng số tiền này có thể sẽ được chiết khấu lũy tiến bởi số tiền mà Nhà thầu trả lại như đã nêu trong Chứng chỉ thanh toán. Nếu các điều khoản của bảo lãnh nêu cụ thể ngày hết hạn bảo lãnh và việc ứng trước đã không được hoàn trả trước ngày hết hạn 28 ngày, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh cho đến khi việc ứng trước đã được hoàn trả.

Việc ứng trước sẽ được hoàn trả thông qua các chiết khấu phần trăm trong Chứng chỉ thanh toán. Trừ các phần trăm khác được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu thì:

- (a) các chiết khấu sẽ bắt đầu trong Chứng chỉ thanh toán, trong đó tổng số tất cả thanh toán tạm thời được xác nhận (trừ thanh toán trước và các chiết khấu và việc trả lại số tiền giữ lại) lớn hơn 10% của số tiền Hợp đồng được chấp thuận trừ đi số tiền tạm thời; và
- (b) các chiết khấu sẽ được tính dựa trên tỷ lệ trả dần của 25% số tiền của mỗi Chứng chỉ thanh toán (không tính đến việc thanh toán trước và chiết khấu và

hoàn trả số tiền giữ lại) bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ của thanh toán trước, cho đến khi thanh toán trước đã được hoàn trả.

Nếu việc ứng trước vẫn chưa được hoàn trả trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình hoặc trước khi chấm dứt Hợp đồng theo Điều 15 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*], Điều 16 [*Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Điều 19 [*Sự kiện bất khả kháng*] (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số nợ sẽ là nợ đến kỳ và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.

14.3 Xin cấp Thanh toán tạm thời

Nhà thầu sẽ nộp báo cáo 6 bản lên Nhà tư vấn sau khi hết thời hạn thanh toán nêu trong Hợp đồng (nếu không có nêu thì báo cáo sau mỗi tháng) bằng biểu mẫu mà Nhà tư vấn chấp thuận, trình bày chi tiết các số tiền mà Nhà thầu cho là mình được hưởng, cùng với các tài liệu hỗ trợ bao gồm cả báo cáo về tiến độ theo Khoản 4.21 [Báo cáo tiến độ].

Báo cáo sẽ bao gồm những mục sau, những mục này sẽ được nêu cụ thể bằng các loại tiền tệ khác nhau mà Giá hợp đồng có thể thanh toán theo tuần tự:

- (a) giá trị hợp đồng ước tính của công trình được thi công và các tài liệu của Nhà thầu được chuẩn bị cho đến cuối tháng (bao gồm cả Thay đổi nhưng không bao gồm các nội dung được nêu trong phân (b) đến (g) dưới đây);
- (b) bất cứ số tiền nào được thêm vào hoặc giảm đi do có sự thay đổi về luật pháp và Thay đổi về chi phí theo Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do các thay đổi về luật lệ*] và Khoản 13.8 [*Điều chỉnh do các thay đổi về chi phí*];
- (c) bất cứ số tiền nào bị chiết khấu đi để giữ lại được tính toán bằng cách áp dụng phần trăm do giữ lại được nêu trong Điều kiện riêng đối với tổng số tiền trên cho đến khi số tiền do Chủ đầu tư giữ lại đạt tới giới hạn của Số tiền giữ lại (nếu có) được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu;
- (d) bất kỳ số tiền thêm vào hoặc giảm đi cho sự thanh toán trước và sự hoàn trả theo Khoản 14.2 [*Ứng trước*],
- (e) số tiền được thêm vào hoặc bớt đi đối với Thiết bị và các Vật liệu theo Khoản 14.5 [*Thiết bị và các Vật liệu cho công trình*];
- (f) bất cứ việc thêm vào hoặc bớt đi nào khác có thể trở thành nợ đến hạn theo Hợp đồng hoặc quy định khác thuộc các nội dung của Điều 20 [*Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài*], và
- (g) việc chiết khấu số tiền được xác nhận trong các Chứng chỉ thanh toán trước đó.

14.4 Lịch trình thanh toán

Nếu Hợp đồng có một Lịch trình thanh toán nêu cụ thể các đợt thanh toán trong đó Giá hợp đồng sẽ được thanh toán, khi đó trừ được nêu khác với quy định trong Lịch trình này thì:

- (a) các đợt thanh toán được nêu trong Lịch trình thanh toán sẽ là các giá trị hợp đồng ước tính cho các mục đích của phần (a) của Khoản 14.3 [*Xin cấp thanh toán tạm*];
- (b) Khoản 14.5 [*Thiết bị và các Vật liệu dùng cho công trình*] sẽ không được áp dụng; và
- (c) nếu những đợt thanh toán này không được xác định bằng các tham khảo tiến độ thực tế đã đạt được trong quá trình thi công công trình và nếu tiến độ thực tế được phát hiện thấy chậm hơn tiến độ của Lịch trình thanh toán, căn cứ vào đó Nhà tư vấn có thể đồng ý hoặc quyết định những đợt thanh toán sửa đổi theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] có tính đến phạm vi mức độ mà tiến độ đang chậm hơn so với tiến độ đã được xác định trước đó.

Nếu Hợp đồng không có Lịch trình thanh toán, Nhà thầu sẽ trình dự tính thanh toán không ràng buộc đối với các khoản thanh toán mà Nhà thầu muốn được trả góp đúng hạn trong mỗi quý. Dự toán đầu tiên sẽ được trình trong thời hạn 42 ngày sau Ngày khởi công. Các dự toán được sửa đổi sẽ được nộp theo định kỳ hàng quý cho đến khi Chứng chỉ nghiệm thu công trình đã được cấp.

14.5 Thiết bị và các Vật liệu sẽ dùng cho công trình

Nếu áp dụng khoản này, Chứng chỉ thanh toán tạm, theo phần (e) của Khoản 14.3, sẽ bao gồm, (i) số tiền cho Thiết bị và Vật liệu đã được gửi tới Công trường để dùng cho Công trường vĩnh cửu, và (ii) một chiết khấu khi giá trị hợp đồng của Thiết bị và các Vật liệu này được gộp vào làm một phần của công trình vĩnh cửu theo phần (a) của Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời*]

Nếu những danh sách được đề cập tới trong phần (b) (i) hoặc phần (c) (i) dưới đây không có trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, Khoản này sẽ không được áp dụng.

Nhà tư vấn sẽ xác định và chứng nhận cho mỗi bổ sung nếu những điều kiện sau đây được thỏa mãn

- (a) Nhà thầu đã
 - (i) giữ những biên bản hồ sơ phù hợp (bao gồm đơn đặt hàng, giấy biên nhận, các chi phí và việc sử dụng Thiết bị và Vật liệu) sẵn sàng cho việc giám sát, và
 - (ii) trình báo cáo các chi phí mua và vận chuyển Thiết bị và Vật liệu đến Công trường, có các chứng từ hợp lý;
 và hoặc
- (b) Thiết bị và các Vật liệu liên quan:
 - (i) Là những thứ được liệt kê trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu để thanh toán khi được vận chuyển xuống tàu.
 - (ii) đã được vận chuyển đến Nước sở tại, trên đường tới Công trường, theo Hợp đồng; và

- (iii) được mô tả trong vận đơn sạch hoặc các chứng từ về lô hàng đã được trình cho Nhà tư vấn cùng với các chứng từ thanh toán vận tải và bảo hiểm, các giấy tờ khác được yêu cầu hợp lý và giấy bảo lãnh của ngân hàng theo mẫu và do một pháp nhân được Chủ đầu tư chấp nhận cấp với số tiền và các loại tiền tệ tương đương với số tiền đúng theo Khoản này, giấy bảo lãnh này có thể theo mẫu tương tự mẫu trong Khoản 14.2 [Ứng trước] và sẽ có giá trị cho đến khi Thiết bị và Vật liệu được bảo quản đúng cách trên Công trường và được bảo vệ tránh bị mất mát hư hại, hoặc bị giảm giá trị

hoặc

- (c) Thiết bị và các Vật liệu liên quan
 - (i) là những thứ được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu để thanh toán khi được vận chuyển tới Công trường, và
 - (ii) đã được vận chuyển tới và được bảo quản đúng cách trên Công trường và được bảo vệ để không mất mát, hư hại hoặc xuống cấp và thể hiện theo đúng Hợp đồng;

Số tiền bổ sung để được chứng nhận phải tương đương với 80% của chi phí cho Thiết bị và các Vật liệu mà Nhà tư vấn xác định (bao gồm việc vận chuyển tới Công trường) có tính đến các tài liệu được nêu trong Khoản này và của giá trị Hợp đồng đối với các Thiết bị và các Vật liệu.

- 14.6** Tiền tệ cho số tiền bổ sung này cũng sẽ giống như tiền tệ trong khoản thanh toán đến hạn khi giá trị hợp đồng được tính đến theo phần (a) của Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời*]. Lúc đó, Chứng chỉ thanh toán bao gồm cả chiết khấu tương đương, với số tiền bổ sung cho Thiết bị và các Vật liệu tương ứng cũng cùng loại tiền tệ và tỷ lệ này. **Cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời**

Sẽ không có số tiền nào được chứng nhận hoặc thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã nhận và thông qua bảo lãnh thực hiện. Sau đó, trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được báo cáo và các tài liệu liên quan khác, Nhà tư vấn sẽ cấp cho Chủ đầu tư chứng chỉ thanh toán tạm nêu rõ số tiền mà Nhà tư vấn sẽ xác định rõ là nợ đến hạn phải trả với các tài liệu hỗ trợ khác.

Tuy nhiên, trước khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà tư vấn sẽ không bị bắt buộc phải cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm của một số tiền (sau việc giữ lại và các chiết khấu khác) ít hơn số tiền tối thiểu của Chứng chỉ thanh toán tạm (nếu có) được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Trong trường hợp này, Nhà tư vấn sẽ thông báo cho Nhà thầu ngay.

Chứng chỉ thanh toán tạm sẽ không bị từ chối vì bất cứ lý do nào khác, dù cho:

- (a) nếu cái gì được cung cấp hoặc công việc được thực hiện bởi Nhà thầu không đúng với Hợp đồng, chi phí cho việc sửa chữa hoặc thay thế có thể bị từ chối cho đến khi việc sửa chữa hoặc thay thế đã hoàn tất, và/hoặc
- (b) nếu Nhà thầu đã hoặc đang không thực hiện công việc nào hoặc nghĩa vụ của mình theo đúng Hợp đồng và đã được Nhà tư vấn thông báo như vậy, giá trị

của công việc này hoặc nghĩa vụ này có thể bị từ chối cho đến khi công việc hoặc nghĩa vụ được thực hiện xong.

Nhà tư vấn trong bất cứ Chứng chỉ thanh toán nào cũng có thể điều chỉnh hoặc sửa cho phù hợp với bất cứ Chứng chỉ thanh toán trước đó. Chứng chỉ thanh toán sẽ không được coi là biểu thị việc chấp thuận, phê duyệt hoặc đồng ý thỏa mãn của Nhà tư vấn.

14.7 Thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu:

- (a) đợt ứng trước đầu tiên trong thời hạn 42 ngày sau khi cấp Thư chấp thuận hoặc trong thời hạn 21 ngày sau khi nhận được các tài liệu theo Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] và Khoản 14.2 [*Ứng trước*], tùy theo việc nào đến sau;
- (b) số tiền được chứng nhận trong mỗi Chứng chỉ thanh toán tạm thời trong thời hạn 56 ngày sau khi Nhà tư vấn nhận được Báo cáo và các tài liệu liên bổ trợ, và
- (c) số tiền được chứng nhận trong Chứng chỉ thanh toán cuối cùng trong thời hạn 56 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được Chứng chỉ thanh toán này.

Việc thanh toán số tiền đến hạn phải trả bằng mỗi loại tiền tệ sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng, do Nhà thầu đề xuất, tại nước thanh toán (cho loại tiền tệ này) được nêu cụ thể trong Hợp đồng.

14.8 Thanh toán bị chậm trễ

Nếu Nhà thầu không nhận được tiền thanh toán theo Khoản 14.7 [*Thanh toán*], Nhà thầu sẽ được nhận các thanh toán tài chính theo từng tháng trên cơ sở số tiền đã không được thanh toán trong thời gian chậm trễ. Thời gian này được coi như sẽ được coi như bắt đầu từ ngày thanh toán được nêu cụ thể trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] bất kể đến (trong trường hợp của phần (b)) ngày mà Chứng chỉ thanh toán được cấp.

Trừ các quy định khác trong Điều kiện riêng, những khoản thanh toán tài chính này sẽ được tính theo tỷ lệ hàng năm là 3% trên tỷ suất chiết khấu của Ngân hàng Trung ương ở nước của tiền tệ thanh toán, và sẽ được thanh toán theo tiền tệ đó.

Nhà thầu sẽ được nhận khoản thanh toán này mà không cần có thông báo hoặc chứng nhận chính thức và không làm ảnh hưởng quyền lợi hoặc phương sách khác.

14.9 Thanh toán tiền giữ lại

Khi Chứng chỉ nghiệm thu công trình đã được cấp, và công trình đã qua tất cả các cuộc kiểm định cụ thể (bao gồm cả kiểm định sau khi hoàn thành, nếu có), một nửa đầu của số tiền giữ lại sẽ được Nhà tư vấn chứng nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục, phần trăm tương ứng của nửa đầu số tiền giữ lại sẽ được thanh toán khi hạng mục đó đã vượt qua tất cả các cuộc kiểm định.

Ngay sau ngày hết hạn cuối cùng của Thời hạn thông báo sai sót, việc cân đối nợ tồn đọng của sổ tiền giữ lại sẽ được Nhà tư vấn chứng nhận để thanh toán cho Nhà thầu. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được cấp cho một hạng mục, tỷ lệ phần trăm tương ứng của nửa sau sổ tiền giữ lại sẽ được chứng nhận và được thanh toán ngay sau ngày hết hạn thông báo sai sót của hạng mục.

Tuy nhiên, nếu công việc nào còn chưa được thực hiện theo Điều 11 [*Trách nhiệm về sai sót*] hoặc theo Điều 12 [*Kiểm tra sau khi hoàn thành*], Nhà tư vấn sẽ có quyền từ chối chứng nhận về chi phí dự tính cho công việc này cho đến khi công việc đó được tiến hành xong.

Tỷ lệ phần trăm tương ứng cho mỗi hạng mục sẽ là giá trị phần trăm của hạng mục như đã nêu trong hợp đồng. Nếu giá trị phần trăm của hạng mục không được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, không có phần trăm nào của mỗi nửa sổ tiền giữ lại sẽ được áp dụng theo Khoản này cho hạng mục đó.

14.10 Báo cáo khi hoàn thành

Trong thời hạn 84 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ nghiệm thu công trình, Nhà thầu sẽ trình cho Nhà tư vấn 06 bản của Báo cáo khi hoàn thành cùng với các tài liệu hỗ trợ theo Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời*], cho thấy:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm đúng với Hợp đồng cho đến ngày được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu công trình,
- (b) bất cứ khoản tiền nào khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán, và
- (c) dự toán của các khoản tiền khác mà Nhà thầu coi là sẽ đến hạn thanh toán theo Hợp đồng. Các số tiền ước tính sẽ được trình bày riêng lẻ trong báo cáo khi hoàn thành này.

Sau đó Nhà tư vấn sẽ chứng nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng chỉ Thanh toán Cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời*].

14.11 Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán cấp Chứng chỉ Thanh toán cuối cùng

Trong thời hạn 56 ngày sau khi nhận được Chứng chỉ thực hiện, Nhà thầu sẽ trình cho Nhà tư vấn 06 bản của dự thảo báo cáo cuối cùng với các tài liệu hỗ trợ trình bày chi tiết theo mẫu mà Nhà tư vấn đã chấp thuận:

- (a) giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng Hợp đồng, và
- (b) số tiền khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác.

Nếu Nhà tư vấn không đồng ý hoặc không có thể chứng thực một phần nào của dự thảo báo cáo cuối cùng, Nhà thầu sẽ trình thêm thông tin khi Nhà tư vấn có thể yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi dự thảo theo sự nhất trí của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Nhà tư vấn báo cáo cuối cùng như hai bên đã nhất trí. Báo cáo này sẽ được gọi là “Báo cáo cuối cùng” trong các điều kiện này.

Tuy nhiên nếu sau khi có những cuộc thảo luận giữa Nhà tư vấn và Nhà thầu và những thay đổi nào trong dự thảo báo cáo cuối cùng mà hai bên đã nhất trí, hiển nhiên là sẽ có tranh chấp, Nhà tư vấn sẽ gửi cho Chủ đầu tư (và gửi cho Nhà thầu một bản) Chứng chỉ thanh toán tạm cho các phần cả hai bên đã nhất trí của dự thảo báo cáo cuối cùng. Sau đó, nếu tranh chấp được giải quyết theo Khoản 20.4 [*Khi có quyết định của ban xử lý tranh chấp*] hoặc Khoản 20.5 [*Sự hòa giải*]. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư (gửi cho Nhà tư vấn 01 bản) báo cáo cuối cùng.

14.12 Thanh toán xong

Khi trình báo cáo cuối cùng, Nhà thầu sẽ trình Bản thanh toán bằng văn bản khẳng định rằng toàn bộ Báo cáo cuối cùng thể hiện việc thanh toán đầy đủ và giải quyết xong tất cả số tiền phải trả cho Nhà thầu theo hoặc liên quan đến Hợp đồng. Bản thanh toán này có thể nêu rằng nó sẽ có hiệu lực khi Nhà thầu đã nhận lại Bảo lãnh Hợp đồng và số dư của số tiền này mà Bản thanh toán sẽ có hiệu lực vào ngày đó.

14.13 Cấp Chứng chỉ Thanh toán **Cấp Chứng chỉ Thanh toán cuối cùng**

Trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được Báo cáo cuối cùng và Bản thanh toán hết nợ bằng văn bản phù hợp với Khoản 14.11 [*Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán cấp Chứng chỉ Thanh toán cuối cùng*] và Khoản 14.12 [*Thanh toán xong*], Nhà tư vấn sẽ phát hành cho Chủ đầu tư, Chứng chỉ thanh toán cuối cùng phải nêu rõ

- (a) số tiền thanh toán cuối cùng, và
- (b) sau khi trao chứng chỉ cho Chủ đầu tư đối với tất cả các khoản tiền mà Chủ đầu tư đã ứng trước đó và tất cả số tiền mà Chủ đầu tư được hưởng, hoặc số dư từ Chủ đầu tư sang Nhà thầu hoặc từ Nhà thầu sang Chủ đầu tư, tùy từng trường hợp.

Nếu Nhà thầu không xin Chứng chỉ thanh toán cuối cùng theo Khoản 14.11 [*Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán cấp Chứng chỉ Thanh toán cuối cùng*] và Khoản 14.12 [*Thanh toán xong*], Nhà tư vấn sẽ yêu cầu Nhà thầu làm điều đó. Nếu Nhà thầu không trình đơn xin trong thời hạn 28 ngày, Nhà tư vấn sẽ cấp Chứng chỉ Thanh toán cấp Chứng chỉ Thanh toán cuối cùng cho số tiền mà họ xác định đúng là phải thanh toán.

14.14 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hoặc liên quan đến Hợp đồng hoặc thi công công trình, trừ khi Nhà thầu đã nêu cụ thể một số tiền dùng cho việc đó:

- (a) trong báo cáo cuối cùng và cũng
- (b) (trừ những vấn đề và việc nảy sinh sau khi cấp Chứng chỉ nghiệm thu công trình) trong báo cáo khi hoàn thành được nêu trong Khoản 14.10 [*Báo cáo khi hoàn thành*].

Tuy nhiên, Khoản này không giới hạn trách nhiệm của Chủ đầu tư về các nghĩa vụ bồi thường hoặc trách nhiệm của Chủ đầu tư trong các trường hợp gian dối, cố ý vi phạm hoặc tiến hành sai công việc do lơ là của Chủ đầu tư.

14.15 Loại tiền dùng để thanh toán

Giá Hợp đồng sẽ được thanh toán bằng một loại tiền tệ hoặc nhiều loại tiền tệ được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu. Trừ các quy định khác trong các Điều kiện riêng nếu có hơn một loại tiền tệ được nêu, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau:

- (a) nếu số tiền được chấp thuận theo Hợp đồng chỉ được tính bằng nội tệ khi:
 - (i) Tỷ lệ hoặc các khoản tiền được tính bằng nội tệ và ngoại tệ và tỷ giá hoán đổi ấn định được sử dụng để tính tiền thanh toán như đã nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, trừ khi có thỏa thuận khác của cả hai bên;
 - (ii) việc thanh toán và chiết khấu theo Khoản 13.5 [*Tiền tạm ứng*] và Khoản 13.7 [*Điều chỉnh do pháp luật thay đổi*] sẽ được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được áp dụng; và
 - (iii) việc thanh toán và chiết khấu khác trong phần (a) đến (d) của Khoản 14.3 [*Xin cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm thời*] sẽ được tính bằng các tiền tệ và tỷ lệ được nêu rõ trong phần (a) (i) ở trên;
- (b) việc thanh toán các thiệt hại được nêu cụ thể trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu sẽ được tính bằng các loại tiền tệ và tỷ lệ được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu;
- (c) các thanh toán khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư sẽ được tính bằng loại tiền tệ mà số tiền do Chủ đầu tư đã chi tiêu bằng loại tiền đó hoặc bằng tiền tệ mà cả hai Bên có thể thỏa thuận;
- (d) nếu bất cứ số tiền nào mà Nhà thầu thanh toán cho Chủ đầu tư bằng loại tiền tệ riêng vượt quá số tiền mà Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu bằng loại tiền tệ đó, Chủ đầu tư có thể thu lại phần cân đối của số tiền này từ các khoản tiền khác thanh toán cho Nhà thầu bằng các loại tiền tệ khác; và
- (e) nếu không có tỷ giá trao đổi nào được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, thì sẽ sử dụng tỷ giá vào Ngày khởi công và do Ngân hàng nhà nước sở tại xác định.

15. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI CHỦ ĐẦU TƯ

15.1 Thông báo sửa chữa

Nếu Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ theo Hợp đồng, Nhà tư vấn có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

15.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu Nhà thầu:

- (a) không tuân thủ Khoản 4.2 [*Bảo lãnh thực hiện*] hoặc với một thông báo theo Khoản 15.1 [*Thông báo sửa chữa*],
- (b) bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,

- (c) không có lý do chính đáng mà lại không
 - (i) tiếp tục công trình theo Điều 8 [*Khởi công, chậm trễ và tạm ngừng*], hoặc
 - (ii) tuân thủ thông báo đã được đưa ra theo Khoản 7.5 [*Từ chối*] hoặc khoản 7.6 [*Công việc sửa chữa*] trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được thông báo,
- (d) cho Thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận theo yêu cầu,
- (e) bị phá sản, vỡ nợ, thanh lý tài sản để thôi kinh doanh, mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền chống lại anh ấy hoặc chủ nợ, hoặc người quản lý tài sản, người được ủy thác hoặc người quản lý, lợi ích của chợ anh ấy, hoặc bất kỳ hành động nào hoặc sự kiện nào có hậu quả tương tự như các sự kiện trên., hoặc
- (f) đưa hoặc có ngỏ ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) để hối lộ, quà cáp hoặc tiền hoa hồng hoặc các vật khác có giá trị cho người nào đó như phần thưởng hoặc để làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa:
 - (i) để thực hiện hoặc chịu thực hiện các hành động liên quan đến Hợp đồng, hoặc
 - (ii) để tỏ ra là thiên vị hoặc không thiên vị một người nào đó có liên quan đến Hợp đồng,

hoặc nếu nhân viên của Nhà thầu, đại lý hoặc các Thầu phụ đưa hoặc có ngỏ ý đưa (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho người nào đó như phần thưởng hoặc lợi ích như mô tả trong phần (f). Tuy nhiên, việc thưởng hoặc cho lợi ích một cách hợp pháp cho Nhân lực Nhà thầu thì sẽ không cho quyền chấm dứt Hợp đồng.

Nếu một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể, bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 14 ngày, chấm dứt Hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi Công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của phần (e) hoặc (f), Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp đồng sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư, theo Hợp đồng.

Nhà thầu phải rời Công trường và chuyển các hàng hóa cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Nhà tư vấn. Tuy nhiên Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo (i) chuyển nhượng bất kỳ hợp đồng phụ, và (ii) bảo vệ cuộc sống và tài sản hoặc cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và/hoặc sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ hàng hóa, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo rằng Thiết bị của Nhà thầu và Công trình tạm thời sẽ được để tại hoặc gần Công trường cho Nhà thầu. Nhà thầu sẽ ngay lập tức sắp xếp để chuyển đi, rủi ro và chi phí cho việc này sẽ do Nhà thầu chịu. Tuy nhiên, nếu đến lúc này mà Nhà thầu còn nợ Chủ đầu tư một khoản cần thanh toán nào thì Chủ đầu tư được quyền bán chúng để lấy lại tiền. Số tiền dư ra sẽ được trả cho Nhà thầu.

15.3 Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Nhà thầu vẫn ngay khi có thể thực hiện được theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] sẽ đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, hàng hóa và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu các công việc được thực hiện theo đúng Hợp đồng.

15.4 Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Khoản 15.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư*] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

- (a) tiến hành theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*],
- (b) từ chối không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thiết kế, thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chịu đã được thiết lập, và/hoặc
- (c) thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu theo Khoản 15.3 [*Xác định giá vào ngày chấm dứt Hợp đồng*]. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối cho Nhà thầu.

15.5 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng vào bất cứ lúc nào thuận tiện cho Chủ đầu tư, bằng cách thông báo cho Nhà thầu việc chấm dứt Hợp đồng. Việc chấm dứt này sẽ có hiệu lực sau 28 ngày khi Nhà thầu nhận được thông báo này của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại Bảo lãnh thực hiện. Chủ đầu tư sẽ không được chấm dứt Hợp đồng theo Khoản này để tự thi công c

Công trình hoặc sắp xếp cho để Nhà thầu khác thi công Công trình.

16. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Nhà thầu phải tiến hành theo Khoản 16.3 [*Ngừng công việc và di dời Thiết bị Nhà thầu*] và sẽ được thanh toán theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, chấm dứt nghĩa vụ*]. **TAM NGỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BỞI NHÀ THẦU**

16.1 Quyền tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu

Nếu Nhà thầu vẫn không chứng nhận theo Khoản 14.6 [*Cấp Chứng chỉ Thanh toán* *Cấp Chứng chỉ Thanh toán tạm*] hoặc Chủ đầu tư không tuân theo Khoản 2.4 [*Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư*] hoặc khoản 14.7 [*Thanh toán*], Nhà thầu có thể sau khi thông

báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 21 ngày, sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ cho đến khi Nhà thầu nhận được Chứng chỉ thanh toán, bằng chứng hoặc thanh toán hợp lý tùy trường hợp và như mô tả trong thông báo.

Hành động của Nhà thầu không được làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính theo Khoản 14.8 [*Thanh toán chậm*] và để chấm dứt hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được Chứng chỉ thanh toán, chứng cứ hoặc thanh toán (như đã nêu trong Khoản tương ứng và thông báo trên) trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư vấn theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu có quyền*]:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán cho chi phí đó cộng thêm lợi nhuận hợp lý, được tính vào Giá hợp đồng.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn sẽ đồng ý hoặc các định các vấn đề này theo Khoản 3.5 [*Quyết định*].

16.2 Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

- (a) Nhà thầu không nhận được chứng cứ hợp lý trong thời hạn 42 ngày sau khi đã thông báo theo Khoản 16.1 [*Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu*] liên quan đến việc không tuân thủ Khoản 2.4 [*Thu xếp tài chính của Chủ đầu tư*],
- (b) Nhà tư vấn không cấp Chứng chỉ Thanh toán cấp Chứng chỉ Thanh toán trong thời hạn 56 ngày sau khi nhận được Báo cáo và các tài liệu bổ trợ,
- (c) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán đúng theo Chứng chỉ thanh toán Tạm thời trong thời hạn 42 ngày sau khi hết hạn thanh toán được nêu trong Khoản 14.7 [*Thanh toán*] mà việc thanh toán phải được tiến hành trong thời gian đó (trừ việc chiết khấu theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*]),
- (d) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,
- (e) Chủ đầu tư không tuân thủ Khoản 1.6 [*Thỏa thuận Hợp đồng*] hoặc Khoản 1.7 [*Chuyển nhượng*],
- (f) việc tạm ngừng bị kéo dài ảnh hưởng đến toàn bộ công trình như được mô tả trong Khoản 8.11 [*Kéo dài tình trạng tạm ngừng*], hoặc
- (g) hoặc Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, thanh lý tài sản để thôi kinh doanh, mà có quyết định của cơ quan có thẩm quyền chống lại anh ấy hoặc chủ nợ, hoặc

người quản lý tài sản, người được ủy thác hoặc người quản lý, lợi ích của chợ anh ấy, hoặc bất kỳ hành động nào hoặc sự kiện nào có hậu quả tương tự như các sự kiện trên.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào nêu trên, Nhà thầu có thể, bằng thông báo trước 14 ngày cho Chủ đầu tư chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của phần (f) hoặc (g), Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Nhà thầu để chấm dứt Hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của bản thân mình, theo Hợp đồng hoặc không theo.

16.3 Ngừng công việc và di dời Thiết bị Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo kết thúc Hợp đồng theo Khoản 15.5 [*Quyền chấm dứt Hợp đồng của Chủ đầu tư*], Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] hoặc Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, chấm dứt nghĩa vụ*] đã có hiệu lực, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

- (a) ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Nhà tư vấn hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình.
- (b) chuyển giao toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, TThiết bị, các VVật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán, và
- (c) di dời tất cả hàng hóa khỏi Công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho an toàn và rời khỏi Công trường.

16.4 Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 16.2 [*Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu*] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

- (a) trả lại Bảo đảm thực hiện cho Nhà thầu,
- (b) thanh toán cho Nhà thầu theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, chấm dứt nghĩa vụ*], và
- (c) thanh toán cho Nhà thầu số tiền do mất mát về lợi nhuận hoặc mất mát hư hỏng khác mà Nhà thầu phải chịu do việc chấm dứt Hợp đồng này.

17. RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM

17.1 Bồi thường

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

- (a) tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau, bệnh tật hoặc chết, của bất cứ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế, thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ nguyên nhân là

do câu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ, và

- (b) hỏng hóc hoặc mất mát của bất cứ tài sản nào, là động sản hoặc của cá nhân (không phải là Công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hoặc mất mát này:
 - (i) phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thiết kế, thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa các sai sót, và
 - (ii) được quy cho sự câu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, hoặc các đại lý riêng của họ, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp được họ thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và giữ cho Nhà thầu không bị tổn hại cũng như Nhân lực Nhà thầu và các đại lý riêng của họ, đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và chi phí pháp lý) liên quan đến (1) tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh tật hoặc chết được quy cho sự câu thả, cố ý làm hoặc vi phạm Hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư, hoặc các đại lý riêng của họ, và (2) các vấn đề mà trách nhiệm không thuộc bảo hiểm, như đã mô tả trong phần (d) (i), (ii) và (iii) của Khoản 18.3 [*Bảo hiểm đối với việc tổn thương người và thiệt hại tài sản*].

17.2 Sự can thiệp của Nhà thầu đối với công trình

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc coi sóc công trình và hàng hóa từ Ngày khởi công cho đến ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu hoặc xem như được phát hành theo Khoản 10.1 [*Nghiệm thu công trình và hạng mục công trình*] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu Chứng chỉ nghiệm thu được phát hành (hoặc xem như đã phát hành) cho bất cứ Hạng mục hoặc Công trình nào, thì trách nhiệm coi sóc đến bất kỳ Hạng mục nào được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm coi sóc đến bất kỳ công việc nào còn tồn tại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong Chứng chỉ nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hoặc hư hỏng nào xảy ra cho Công trình, Hàng hóa hoặc Tài liệu Nhà thầu trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm coi sóc, bất cứ lý do nào không được liệt kê trong Khoản 17.3 [*Những rủi ro của Chủ đầu tư*] thì Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hoặc hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, hàng hóa và tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hỏng hóc hoặc mất mát do các hoạt động Nhà thầu thực hiện sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành. Nhà thầu cũng phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hoặc mất mát xảy ra sau khi Chứng chỉ nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó mà Nhà thầu chịu trách nhiệm.

17.3 Rủi ro của Chủ đầu tư

Các rủi ro được tham chiếu trong Khoản 17.4 dưới đây là:

- (a) chiến tranh, thái độ thù địch (bất kể chiến tranh được tuyên bố hoặc không), xâm lược, hoạt động thù địch nước ngoài,
- (b) nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, quân sự, hoặc đảo chính, hoặc nội chiến,
- (c) nổi loạn, bạo động gây hỗn loạn trong nước sở tại do những người không phải là Nhân lực Nhà thầu và người lao động khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ gây ra,
- (d) bom đạn chiến tranh, chất nổ, ion hóa gây phóng xạ trong nước sở tại, ngoại trừ trường hợp có thể quy kết cho Nhà thầu việc sử dụng đạn dược, chất nổ, phát xạ hoặc các hoạt động của phóng xạ, và
- (e) áp lực của các loại sóng gây ra bởi máy bay hoặc các phương tiện hàng không có tốc độ của âm thanh hoặc siêu thanh,
- (f) Chủ đầu tư sử dụng hoặc chiếm giữ bất cứ phần nào của công việc lâu bền, ngoại trừ việc có thể được quy định trong Hợp đồng,
- (g) thiết kế bất cứ phần nào của công trình bởi nhân viên của Chủ đầu tư hoặc bởi những người khác mà Chủ đầu tư chịu trách nhiệm, nếu có, và
- (h) bất cứ thiên tai Không lường trước được dù một nhà thầu kinh nghiệm cũng không thể lường trước một cách hợp lý để có các biện pháp đề phòng thích hợp.

17.4 Hậu quả của các rủi ro của Chủ đầu tư

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong Khoản 17.3 trên đây dẫn đến mất mát hoặc hư hỏng cho Công trình, Hàng hóa hoặc Tài liệu Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Nhà tư vấn và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Nhà tư vấn yêu cầu.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu chi phí do sửa chữa những mất mát hoặc hư hỏng này Nhà thầu phải gửi thêm một thông báo cho Nhà tư vấn và sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn thời gian hoàn thành*], và
- (b) thanh toán mọi chi phí và nó sẽ được cộng vào Giá hợp đồng. Trong trường hợp phần (f) và (g) của Khoản 17.3 [*Các rủi ro của Chủ đầu tư*] lợi nhận hợp lý về chi phí này cũng được gộp vào.

Sau khi nhận thông báo tiếp theo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc quyết định các vấn đề này.

17.5 Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ

Trong Khoản này, “sự xâm phạm” nghĩa là sự xâm phạm (hay bị cho là xâm phạm) bất cứ một bằng sáng chế, thiết kế đã đăng ký, quyền tác giả, nhãn hiệu, tên thương

mại, bí mật kinh doanh hoặc quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ khác liên quan đến công trình; và “ khiếu nại ” nghĩa là sự đòi hỏi quyền lợi (hay khiếu kiện đòi hỏi quyền lợi) do thấy rằng bị xâm phạm.

Khi một Bên không gửi thông báo cho Bên kia về bất cứ khiếu nại nào trong thời hạn 28 ngày từ khi tiếp nhận khiếu nại, Bên thứ nhất sẽ bị coi là từ bỏ mọi quyền bồi thường theo Khoản này.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu tổn hại cho Nhà thầu đối với bất kỳ khiếu nại cho rằng bị xâm phạm, đó là hoặc đã là:

- (a) một kết quả không tránh khỏi của sự tuân theo yêu cầu của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, hoặc
- (b) kết quả của việc công trình đang được sử dụng bởi Chủ đầu tư;
 - (i) vì một mục đích hơn là mục đích được chỉ ra hoặc đã được suy ra một cách thích đáng từ hợp đồng, hoặc
 - (ii) liên quan đến bất kỳ thứ gì không được cung cấp bởi Nhà thầu, trừ việc sử dụng như vậy được tiết lộ cho Nhà thầu trước Ngày khởi công hoặc được nêu trong Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ bồi thường và gánh chịu tổn hại cho Chủ đầu tư đối với bất kỳ khiếu nại khác nảy sinh hoặc liên quan đến (i) thiết kế, chế tạo, xây dựng hoặc thực hiện công trình của Nhà thầu, (ii) sử dụng Thiết bị của Nhà thầu, hoặc (iii) sử dụng công trình một cách đúng đắn.

Nếu một bên có quyền được bồi thường theo khoản này, Bên bồi thường có thể (bằng chi phí của mình) tiến hành các cuộc đàm phán để giải quyết khiếu nại và bất kỳ khiếu kiện hoặc quyết định có thể nảy sinh. Bên còn lại sẽ, theo yêu cầu và bằng chi phí của Bên bồi thường, hỗ trợ trong tranh luận về khiếu nại. Bên khác này (cùng với nhân viên của mình) sẽ không được làm bất cứ điều gì có thể làm tổn hại đến các đến Bên bồi thường, trừ bên bồi thường không thực hiện bất kỳ cuộc đàm phán, khiếu kiện hoặc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài khi được Bên kia yêu cầu.

17.6 Giới hạn trách nhiệm

Không Bên nào phải chịu trách nhiệm đối với Bên kia vì sự mất mát trong sử dụng bất kỳ Công trình, sự mất mát về lợi nhuận, sự mất mát của bất kỳ Hợp đồng nào hoặc sự mất mát thiệt hại không trực tiếp hoặc do hậu quả để lại mà Bên kia có thể phải chịu liên quan đến Hợp đồng, trừ những quy định trong Khoản 16.4 [*Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng*] và Khoản 17.1 [*Bồi thường*].

Toàn bộ trách nhiệm của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, theo hoặc liên quan đến Hợp đồng trừ Khoản 4.19 [*Điện, nước và khí ga*], Khoản 4.20 [*Thiết bị của Chủ đầu tư và vật tư cấp không*], Khoản 17.1 [*Bồi thường*] và Khoản 17.5 [*Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ*], phải không được vượt quá tổng số tiền đã nêu trong Điều kiện riêng hoặc (nếu tổng số này không được nêu) số tiền được chấp nhận theo Hợp đồng.

Khoản này sẽ không giới hạn trách nhiệm pháp lý trong các trường hợp gian dối, bỏ cuộc cố ý hoặc cư xử sai trái một cách liêu lĩnh bởi Bên phạm lỗi.

18. BẢO HIỂM

18.1 Các yêu cầu chung về bảo hiểm

Trong Điều khoản này, “Bên bảo hiểm” nghĩa là đối với mỗi loại bảo hiểm, Bên chịu trách nhiệm thực hiện và duy trì bảo hiểm được quy định trong Khoản liên quan.

Khi Nhà thầu là Bên bảo hiểm, bảo hiểm phải được thực hiện bởi các Nhà bảo hiểm được Chủ đầu tư duyệt. Các khoản này phải phù hợp với các khoản mục được cả hai Bên đồng ý trước ngày có Thư chấp thuận. Thỏa thuận về các khoản mục này phải được quyền ưu tiên đứng trước các quy định của Điều này.

Khi Chủ đầu tư là Bên bảo hiểm, bảo hiểm phải được thực hiện bởi các Nhà bảo hiểm với các khoản thích hợp với các chi tiết được kèm theo Điều kiện riêng.

Nếu một hợp đồng bảo hiểm bồi thường chung cho các đối tượng được bảo hiểm chung thì việc bồi thường phải được áp dụng riêng cho mỗi đối tượng bảo hiểm như thể hiện một Hợp đồng bảo hiểm riêng biệt đã được phát hành cho mỗi đối tượng trong bảo hiểm chung. Nếu hợp đồng bảo hiểm bồi thường cho đối tượng được bổ sung vào bảo hiểm chung thì những đối tượng đó cũng được quy định trong Điều này, (i) Nhà thầu phải theo Hợp đồng đại diện cho đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung này ngoại trừ việc Chủ đầu tư đại diện cho Nhân lực Chủ đầu tư, (ii) đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung sẽ không có quyền nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà bảo hiểm hoặc có bất kỳ quan hệ trực tiếp nào khác với nhà bảo hiểm, và (iii) Bên bảo hiểm phải yêu cầu mọi đối tượng được bảo hiểm chung bổ sung phải tuân thủ các điều kiện quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.

Mỗi Hợp đồng bảo hiểm cho sự mất mát hoặc thiệt hại sẽ thanh toán bằng các loại tiền tệ được yêu cầu để bù đắp mất mát và thiệt hại. Các khoản thanh toán được nhận từ nhà Bảo hiểm phải được sử dụng để bù đắp mất mát hoặc thiệt hại.

Bên bảo hiểm liên quan, trong các khoảng thời gian riêng được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu (được tính toán từ Ngày khởi công) phải nộp cho bên kia:

- (a) bằng chứng về việc bảo hiểm được mô tả trong Điều này đã được thực hiện, và
- (b) các bản sao các Hợp đồng bảo hiểm được mô tả trong Khoản 18.2 [*Bảo hiểm cho công trình và Thiết bị của Nhà thầu*], và Khoản 18.3 [*Bảo hiểm tổn thương về người và thiệt hại về tài sản*].

Khi tiền đóng bảo hiểm đã được thanh toán, Bên bảo hiểm phải nộp chứng từ thanh toán cho Bên kia. Một khi chứng từ hoặc Hợp đồng Bảo hiểm được nộp, Bên Bảo hiểm cũng phải thông báo cho Nhà tư vấn.

Mỗi bên đều phải tuân thủ theo các điều kiện quy định trong mỗi Hợp đồng bảo hiểm. Bên bảo hiểm phải thông báo các thông tin liên quan đến các thay đổi trong thực hiện thi công công trình cho Nhà bảo hiểm và đảm bảo rằng, việc bảo hiểm sẽ được duy trì theo Điều này.

Không bên nào được thay đổi tài liệu đối với các khoản mục bảo hiểm mà không có thỏa thuận trước của Bên kia. Nếu một Nhà bảo hiểm thay đổi (hay dự định) thay đổi, thì Bên được Nhà bảo hiểm thông báo trước phải thông báo ngay cho Bên kia.

Nếu Bên bảo hiểm không thực hiện và đảm bảo hiệu lực bảo hiểm như yêu cầu thực hiện và đảm bảo theo Hợp đồng, hoặc không cung cấp chứng cứ đầy đủ và các bản sao các Hợp đồng bảo hiểm đầy đủ phù hợp với Khoản này, Bên kia có thể (theo sự lựa chọn của mình và không gây tổn hại cho bất cứ quyền lợi hoặc biện pháp bồi thường khác) thực hiện bảo hiểm cho sự cố liên quan và trả tiền đóng bảo hiểm thích đáng. Bên bảo hiểm sẽ thanh toán các khoản tiền đóng bảo hiểm này cho bên kia và Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Không có gì trong khoản này giới hạn nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý hoặc trách nhiệm của Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư theo các điều khoản khác của Hợp đồng hoặc các khoản mục khác. Mọi khoản không được bảo hiểm hoặc không được bồi thường bởi nhà bảo hiểm phải do Nhà thầu và/hoặc Chủ đầu tư chịu theo các nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, nếu Bên bảo hiểm không thực hiện và không đảm bảo hiệu lực mỗi bảo hiểm hiện có mà nó yêu cầu thực hiện và duy trì theo Hợp đồng, và Bên kia cũng không đồng ý hủy bỏ và cũng không thực hiện Bảo hiểm cho đền bù liên quan đến sai phạm này, thì mọi khoản tiền lẽ ra đã được hoàn trả theo bảo hiểm này phải được Bên bảo hiểm trả.

Các thanh toán bởi một Bên cho Bên khác sẽ theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] hoặc Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*] để áp dụng.

18.2 Bảo hiểm công trình và Thiết bị của Nhà thầu

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho Công trình, TThiết bị, VVật liệu và Tài liệu Nhà thầu không thấp hơn toàn bộ chi phí phục hồi bao gồm cả các chi phí phá dỡ, di dời chất thải xây dựng và các phí nghiệp vụ và lợi nhuận. Bảo hiểm này sẽ có hiệu lực từ ngày chứng từ được nộp theo phần (a) của Khoản 18.1 [*Yêu cầu chung đối với bảo hiểm*], tới ngày phát hành Chứng chỉ nghiệm thu công trình.

Bên bảo hiểm phải duy trì bảo hiểm này để cung cấp bảo hiểm cho đến ngày phát hành Chứng chỉ thực hiện, cho mất mát hoặc hư hỏng mà Nhà thầu chịu trách nhiệm xuất phát từ nguyên nhân xảy ra trước khi phát hành Chứng chỉ nghiệm thu, và cho mất mát hoặc hư hỏng gây nên bởi Nhà thầu trong quá trình hoạt động khác bao gồm những mất mát hoặc hư hỏng theo Điều 11 [*Trách nhiệm đối với các sai sót*] và Điều 12 [*Kiểm định sau khi hoàn thành*].

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm cho các Thiết bị của Nhà thầu không ít hơn toàn bộ giá trị thay thế, bao gồm cả vận chuyển đến công trình. Đối với mỗi hạng mục Thiết bị của Nhà thầu, bảo hiểm phải có hiệu lực trong khi Thiết bị đang được vận chuyển đến công trình và cho đến khi nó không còn được xem là nữa. Thiết bịTrừ các quy định khác trong Điều kiện riêng, các bảo hiểm theo Khoản này:

- (a) phải được thực hiện và duy trì bởi Nhà thầu là Bên bảo hiểm,
- (b) phải đứng tên chung của các Bên, mà họ có quyền cùng nhận các khoản thanh toán từ các Nhà bảo hiểm, các khoản thanh toán đang giữ hoặc phân bổ giữa các bên cho mục đích duy nhất là bù đắp mất mát hoặc thiệt hại.

- (c) phải bù đắp mất mát hoặc thiệt hại do bất cứ nguyên nhân nào không liệt kê trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*],
- (d) phải bù đắp mất mát hoặc thiệt hại cho một phần của công trình được quy cho việc sử dụng hoặc chiếm giữ bởi Chủ đầu tư đối với phần khác của công trình, và mất mát hoặc thiệt hại từ những rủi ro được liệt kê trong phần (c), (g) và (h) của Khoản 17.3 [*Các rủi ro của Chủ đầu tư*], loại trừ (trong mỗi trường hợp) những rủi ro mà không thể bảo hiểm được với các khoản mục hợp lý về mất thương mại, với sự chiết khấu cho từng sự cố không lớn hơn khoản được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu (nếu khoản này không được nêu, phần (d) sẽ không được áp dụng) và
- (e) tuy nhiên có thể loại trừ mất mát hoặc thiệt hại và sự phục hồi của:
 - (i) một phần của Công trình ở trong điều kiện khuyết tật do sai phạm trong thiết kế, nguyên Vật liệu hoặc trình độ tay nghề (nhưng bồi thường sẽ gồm các phần khác bị mất mát hoặc thiệt hại nếu như nó kết quả trực tiếp của điều kiện bị khuyết tật này và không giống như được miêu tả trong phần (ii) dưới đây),
 - (ii) một phần của Công trình bị mất mát hoặc thiệt hại nhằm phục hồi một phần khác của Công trình nếu phần khái niệm ở trong điều kiện khuyết tật do sai phạm trong thiết kế, nguyên Vật liệu hoặc trình độ tay nghề,
 - (iii) một phần của Công trình được bàn giao cho Chủ đầu tư, trừ trường hợp Nhà thầu chịu trách nhiệm vì mất mát hoặc thiệt hại, và
 - (iv) các hàng hóa không có trong nước, theo Khoản 14.5 [*Thiết bị và các Vật liệu dự định dùng cho Công trình*].

Nếu quá một năm sau Ngày khởi công, bồi thường được mô tả trong phần (d) trên đây không còn là các điều khoản thương mại hợp lý, Nhà thầu phải (với tư cách là Bên bảo hiểm) thông báo cho Chủ đầu tư với các chi tiết hỗ trợ. Chủ đầu tư sau đó (i) sẽ có quyền theo Khoản 2.5 [*Khiếu nại của Chủ đầu tư*] thanh toán một khoản tương đương các khoản mà Nhà thầu muốn được trả một khoản bồi thường như vậy nhưng phải phù hợp với điều khoản thương mại hợp lý, và (ii) được xem như, trừ trường hợp họ có được sự bồi thường ở các khoản mục hợp lý có tính thương mại, đã thông qua sự bỏ sót theo Khoản 18.1 [*Các yêu cầu chung về bảo hiểm*].

18.3 Bảo hiểm tổn thương cho người và thiệt hại về tài sản

Bên bảo hiểm phải bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý của mỗi Bên về bất kỳ sự mất mát hoặc hư hỏng, tử vong hoặc tổn hại thân thể có thể xảy ra đối với mọi tài sản vật chất, ngoại trừ những thứ được bảo hiểm theo Khoản 18.2 [*Bảo hiểm Công trình và Thiết bị của Nhà thầu*] hoặc đối với người (trừ những người được bảo hiểm theo Khoản 18.4 [*Bảo hiểm cho Nhân lực Nhà thầu*]), có thể xảy ra do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu và xảy ra trước khi phát hành Chứng nhận thực hiện.

Bảo hiểm này phải giới hạn cho mỗi sự cố không ít hơn số tiền được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu với không giới hạn số lượng sự cố. Nếu số tiền không được nêu trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, thì khoản này sẽ không áp dụng.

Ngoại trừ các quy định khác trong Điều kiện riêng, các bảo hiểm được nêu rõ trong Khoản này:

- (a) phải có hiệu lực và được duy trì bởi Nhà thầu với tư cách là Bên bảo hiểm,
- (b) phải có các tên chung của các Bên,
- (c) phải được mở rộng để bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho mọi mất mát hoặc hư hỏng về tài sản của Chủ đầu tư (trừ những thứ được bảo hiểm theo khoản 18.2) nảy sinh do việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu, và
- (d) tuy nhiên, có thể loại trừ trách nhiệm pháp lý trong phạm vi phát sinh từ:
 - (i) quyền của Chủ đầu tư có Công trình vĩnh cửu được thi công trên, phía trên, bên dưới, trong hoặc bất kỳ vùng đất nào, và chiếm giữ vùng đất này cho Công trình vĩnh cửu,
 - (ii) sự hư hỏng là kết quả không tránh khỏi của các trách nhiệm của Nhà thầu trong thi công Công trình và sửa chữa mọi khuyết tật, và
 - (iii) một nguyên nhân được nêu trong Khoản 17.3 [*Rủi ro của Chủ đầu tư*], ngoại trừ việc có khoản bồi thường đã có sẵn trong các điều khoản thương mại hợp lý.

18.4 Bảo hiểm cho Nhân lực Nhà thầu

Nhà thầu phải thực hiện và duy trì bảo hiểm đối với trách nhiệm pháp lý cho các khiếu nại về hư hỏng, mất mát và chi phí (bao gồm các phí pháp lý và các chi phí) do tổn thất, ốm đau, bệnh tật hoặc tử vong của bất kỳ người nào được Nhà thầu thuê hoặc bất Nhân lực Nhà thầu.

Chủ đầu tư và Nhà tư vấn cũng phải được bồi thường theo chính sách bảo hiểm, trừ việc bảo hiểm này có thể không gồm các mất mát và khiếu nại phát sinh từ một hành vi hoặc sự bất cẩn của Chủ đầu tư hoặc Nhân lực Chủ đầu tư.

Bảo hiểm phải được duy trì đầy đủ hiệu lực và hiệu quả trong suốt toàn bộ thời gian mà các nhân viên này giúp thi công Công trình. Đối với các người lao động của Nhà thầu phụ, bảo hiểm này có thể do Nhà thầu phụ thực hiện, nhưng Nhà thầu phải có trách nhiệm đối với việc tuân thủ theo Điều này.

19. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

19.1 Định nghĩa về Sự kiện bất khả kháng

Trong Điều này, “Sự kiện bất khả kháng” có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

- (a) ngoài khả năng kiểm soát của một Bên,

- (b) Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng,
- (c) đã xảy ra mà bên đó không thể tránh hoặc khắc phục một cách hợp lý, và
- (d) thực chất không thể quy cho Bên kia.

Sự kiện bất khả kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hoặc trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thỏa mãn các điều kiện từ (a) đến (d) ở trên:

- (i) chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài,
- (ii) nổi loạn, khủng bố, cách mạng, nổi dậy, đảo chính hoặc nội chiến,
- (iii) nổi loạn, náo loạn, hỗn loạn, bãi công, hoặc bị bao vây những người không phải là Nhân lực Nhà thầu và người lao động khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ,
- (iv) vũ khí đạn dược của chiến tranh, Vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ trường hợp có thể quy cho Nhà thầu sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ, và
- (v) các thiên tai như động đất, lở, bão hoặc hoạt động núi lửa.

19.2 Thông báo về Sự kiện bất khả kháng

Nếu một Bên bị hoặc sẽ bị cản trở thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do Sự kiện bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên Sự kiện bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và/hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong thời hạn 14 ngày sau khi bên đó nhận biết được tình trạng, hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên Sự kiện bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà Sự kiện bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Tuy nhiên, với bất kỳ các quy định nào khác của Khoản này, thì Sự kiện bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo Hợp đồng.

19.3 Nghĩa vụ giảm sự chậm trễ đến mức tối thiểu

Mỗi Bên thường xuyên phải có sự nỗ lực hợp lý để tối thiểu hóa chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng do Sự kiện bất khả kháng.

Một bên phải gửi thông báo cho Bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi Sự kiện bất khả kháng.

19.4 Các hậu quả của Sự kiện bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng do Sự kiện bất khả kháng mà đã thông báo theo Khoản 19.2 [*Thông báo về Sự kiện bất khả*

kháng], và chịu sự chậm trễ và/hoặc chịu Chi phí do Sự kiện bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Khoản 20.1 [*Khiếu nại của Nhà thầu*]:

- (a) kéo dài thêm thời gian để bù cho sự chậm trễ, nếu việc hoàn thành bị chậm trễ hoặc sẽ bị chậm trễ, theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*], và
- (b) nếu sự việc hoặc trường hợp thuộc loại được mô tả trong phần từ (i) tới (iv) của Khoản 19.1 [*Định nghĩa về Sự kiện bất khả kháng*] và, trong trường hợp từ phần (ii) tới (iv) xảy ra ở nước sở tại, được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Nhà tư vấn phải thực hiện theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để nhất trí hoặc quyết định các vấn đề này.

19.5 Sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ nào có quyền theo Hợp đồng hoặc theo thỏa thuận liên quan đến các công việc làm giảm nhẹ Sự kiện bất khả kháng theo các khoản bổ sung hoặc rộng hơn những gì đã quy định trong Điều này, thì những sự việc và Sự kiện bất khả kháng khoản bổ sung hoặc rộng hơn này sẽ không miễn cho Nhà thầu khỏi phải thực hiện hoặc cho phép họ được giảm nhẹ theo Điều này.

19.6 Chấm dứt công trình có sự lựa chọn, thanh toán, chấm dứt nghĩa vụ

Nếu việc thực hiện tất cả Công trình cơ bản đang được tiến hành mà bị cản trở liên tục trong thời gian 84 ngày do Sự kiện bất khả kháng đã được thông báo theo Khoản 19.2 [*Thông báo Sự kiện bất khả kháng*] hoặc trong nhiều khoản thời gian mà tổng số là trên 140 ngày do cùng Sự kiện bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi có thông báo và Nhà thầu phải thực hiện theo Khoản 16.3 [*Chấm dứt công việc và di dời các Thiết bị của Nhà thầu*].

Đối với trường hợp chấm dứt này, Nhà tư vấn phải xác định giá trị công việc đã được thực hiện và cấp một Chứng chỉ thanh toán bao gồm:

- (a) các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;
- (b) chi phí cho Thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán, và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;
- (c) bất kỳ chi phí hoặc trách nhiệm khác mà Nhà thầu phải chịu một cách hợp lý với hy vọng hoàn thành công trình;
- (d) Chi phí di chuyển Công trình tạm và Thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình và trả lại các hạng mục Thiết bị này cho công trình của Nhà thầu ở nước của họ (hoặc đến một nơi khác với chi phí không lớn hơn); và
- (e) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Nhà thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

19.7 Chấm dứt nghĩa vụ thực hiện theo quy định của pháp luật

Bất kể mọi quy định khác của Điều này, nếu một sự việc hoặc trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn chỉ ở Sự kiện bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoặc không theo luật đề hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng của họ hoặc theo luật điều chỉnh Hợp đồng, mà các bên được quyền không phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, trên cơ sở thông báo của Bên này cho Bên kia về sự việc hoặc trường hợp này thì:

- (a) các Bên sẽ chấm dứt nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc này, mà không làm phương hại các quyền của bất kể Bên nào đối với bất kỳ sự vi phạm Hợp đồng từ trước, và
- (b) tổng số tiền Chủ đầu tư phải trả cho Nhà thầu sẽ giống như số tiền lẽ ra đã phải trả theo Khoản 19.6 [*Chấm dứt có lựa chọn, thanh toán, chấm dứt nghĩa vụ*] nếu Hợp đồng đã bị chấm dứt theo Khoản 19.6.

20. KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP & TRỌNG TÀI

20.1 Khiếu nại của Nhà thầu

Trong trường hợp Nhà thầu tự cho rằng mình có quyền đối với việc gia hạn thời gian Hoàn thành và/hoặc bất kỳ khoản thanh toán thêm theo bất kỳ Điều khoản của các Điều kiện này hoặc có liên quan tới Hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo cho Nhà tư, vấn mô tả sự việc hoặc trường hợp dẫn tới việc phát sinh khiếu nại. Thông báo phải được đưa ra ngay khi có thể và không được quá 28 ngày sau khi Nhà thầu biết hoặc ý thức được sự việc hoặc trường hợp này.

Nếu Nhà thầu không thông báo về khiếu nại, trong thời hạn 28 ngày thì Thời gian hoàn thành không được kéo dài, Nhà thầu sẽ không được quyền thanh toán thêm và Chủ đầu tư không phải trách nhiệm về khiếu nại. Nếu không sẽ áp dụng những quy định sau của Khoản này.

Nhà thầu cũng phải trình các thông báo khác theo Hợp đồng yêu cầu và các chi tiết bổ sung cho việc khiếu nại, tất cả những gì liên quan tới sự việc hoặc trường hợp này.

Nhà thầu phải giữ các bản hồ sơ hiện có tại Công trường hoặc là ở một nơi mà Chủ đầu tư chấp nhận vì có thể sẽ cần thiết để minh chứng cho khiếu nại. Với việc không thừa nhận trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà tư vẫn có thể nhận được bất cứ một thông báo nào theo Khoản này, phải giám sát việc lưu giữ các hồ sơ và/hoặc hướng dẫn Nhà thầu tiếp tục lưu giữ lâu hơn các hồ sơ hiện có. Nhà thầu phải cho phép Nhà tư vấn kiểm tra tất cả các hồ sơ, và phải nộp các bản sao (nếu được yêu cầu) cho Nhà tư vấn.

Trong thời hạn 42 ngày sau khi Nhà thầu biết (hoặc buộc phải biết), về sự việc hoặc trường hợp đưa đến khiếu nại, hoặc là trong khoảng thời gian khác tương tự mà có thể được Nhà thầu đưa ra và được Nhà tư vấn phê duyệt, Nhà thầu phải gửi cho Nhà tư vấn đầy đủ chi tiết khiếu nại bao gồm cả các chi tiết hỗ trợ về cơ sở của việc khiếu nại và sự gia hạn thời gian và/hoặc yêu cầu thanh toán thêm. Nếu sự việc hoặc trường hợp dẫn đến khiếu nại vẫn tiếp tục có hiệu lực thì:

- (a) các chi tiết đầy đủ của khiếu nại sẽ được xem xét như là tạm thời;

- (b) Nhà thầu phải gửi trực tiếp các khiếu nại tạm thời hàng tháng cho thấy sự chậm trễ tích lại và/hoặc khoản tiền khiếu nại và những chi tiết cụ thể mà Nhà tư vấn có thể yêu cầu hợp lý; và
- (c) Nhà thầu phải gửi bản khiếu nại cuối cùng trong thời hạn 28 ngày sau khi hết ảnh hưởng do sự việc hoặc trường hợp gây ra, hoặc trong khoảng thời gian khác có thể được Nhà thầu đề xuất và được Nhà tư vấn đồng ý.

Trong thời hạn 42 ngày sau khi nhận được một khiếu nại hoặc các chi tiết hỗ trợ thêm cho khiếu nại trước đây, hoặc trong khoảng thời hạn khác có thể được Nhà tư vấn đề xuất và được Nhà thầu chấp nhận, Nhà tư vấn phải trả lời tán thành hoặc không tán thành và các nhận xét chi tiết. Họ cũng có thể yêu cầu thêm bất cứ chi tiết nào, nhưng phải dựa trên các nguyên tắc của khiếu nại trong khoảng thời gian đó.

Mỗi Chứng chỉ thanh toán phải bao gồm các khoản tiền khiếu nại đã được chứng minh hợp lý đúng với các điều khoản liên quan của Hợp đồng. Ngoại trừ và cho đến khi các chi tiết được cung cấp đầy đủ để chứng minh toàn bộ khiếu nại, Nhà thầu sẽ chỉ được quyền thanh toán cho phần của khiếu nại mà đã có thể chứng minh được.

Nhà tư vấn sẽ phải tiến hành theo Khoản 3.5 [*Quyết định*] để thống nhất hoặc quyết định (i) gia hạn (nếu có) Thời gian hoàn thành (trước hoặc sau hạn định) theo Khoản 8.4 [*Gia hạn Thời gian hoàn thành*] và/hoặc (ii) thanh toán thêm (nếu có) mà Nhà thầu được quyền theo Hợp đồng.

Các yêu cầu của Khoản này là phần bổ sung thêm cho mọi khoản khác có thể áp dụng cho một khiếu nại. Nếu Nhà thầu không tuân thủ Khoản này hoặc Khoản khác có liên quan đến khiếu nại, thì bất cứ sự gia hạn Thời gian hoàn thành và/hoặc khoản thanh toán thêm sẽ phải được xem xét dựa trên mức độ (nếu có) mà sự không tuân thủ đã cản trở hoặc làm ảnh hưởng đến việc điều tra khiếu nại, trừ khiếu nại không nằm trong đoạn thứ hai của Khoản này.

20.2 **Bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp**

Các tranh chấp phải được giải quyết bởi Ban xử lý tranh chấp theo Khoản 20.4 [*Quyết định của Ban xử lý tranh chấp*]. Các Bên sẽ cùng chỉ định ra Ban xử lý tranh chấp vào thời hạn 28 ngày sau khi một Bên thông báo cho Bên kia về ý định của mình về việc đưa tranh chấp lên Ban xử lý tranh chấp dựa theo Khoản 20.4.

Ban xử lý tranh chấp gồm, như quy định trong Phụ lục Hồ sơ dự thầu, một hoặc ba người có trình độ phù hợp (“những thành viên”). Nếu số lượng thành viên không được nêu rõ và các Bên không có ý kiến khác, thì Ban xử lý tranh chấp sẽ gồm ba người.

Nếu Ban xử lý tranh chấp bao gồm ba người, thì mỗi Bên sẽ cử một thành viên cho bên kia chấp thuận. Các bên sẽ lấy ý kiến của hai thành viên này và sẽ thỏa thuận về thành viên thứ ba và là người sẽ được chỉ định làm Chủ tịch.

Tuy nhiên, nếu như danh sách các thành viên có trong Hợp đồng, thì những thành viên trong hội đồng sẽ được chọn từ danh sách này, ngoại trừ người nào mà không thể hoặc không sẵn sàng chấp nhận sự chỉ định vào Ban xử lý tranh chấp.

Sự thống nhất giữa các Bên và cả thành viên duy nhất (“người xử lý tranh chấp”) hoặc là từng người một trong ba thành viên được sẽ kết hợp chặt chẽ bằng việc tham khảo Điều kiện chung của thỏa thuận giải quyết tranh chấp ở trong phụ lục, và những sửa đổi đó phải được sự đồng ý của giữa các thành viên.

Các khoản thù lao cho thành viên duy nhất hoặc của mỗi một trong ba thành viên sẽ được các bên thống nhất khi thỏa thuận các mục chỉ định. Mỗi Bên sẽ chịu trách nhiệm trả một nửa khoản thù lao này.

Nếu ở thời điểm nào đó mà các bên thỏa thuận, họ có thể chỉ định một người có trình độ chuyên môn phù hợp hoặc nhiều người để thay thế một hoặc nhiều thành viên của Ban xử lý. Trừ các Bên thỏa thuận khác, việc chỉ định sẽ có hiệu lực nếu một thành viên từ chối đảm nhận hoặc không thể đảm nhận bởi nguyên nhân từ vong, ốm yếu, tàn tật, từ chức hoặc kết thúc nhiệm kỳ. Việc thay thế phải được chỉ định theo cách tương tự như đối với việc chỉ định hoặc thỏa thuận người bị thay thế như mô tả trong khoản này.

Việc chỉ định bất cứ thành viên nào có thể bị hủy bỏ bằng sự đồng ý của cả hai Bên, nhưng không được bởi Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tự ý hành động. Trừ các Bên có thỏa thuận khác, việc chỉ định Ban xử lý tranh chấp (gồm mỗi thành viên) sẽ chấm dứt khi Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định về giải quyết tranh chấp theo Khoản 20.4 trừ các tranh chấp khác đã được đưa lên Ban xử lý tranh chấp vào thời gian đó theo Khoản 20.4, mà thời điểm liên quan sẽ là khi Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định về những tranh chấp này.

20.3 Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp

Nếu có bất cứ điều kiện nào dưới đây gồm:

- (a) các Bên bất đồng trong việc chỉ định thành viên duy nhất của Ban xử lý tranh chấp vào thời hạn được nêu trong đoạn đầu của Khoản 20.2 [*Bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp*].
- (b) một trong hai Bên không đề cử được thành viên (để Bên kia chấp thuận) cho Ban xử lý tranh chấp gồm ba người vào thời hạn đó.
- (c) các Bên không thống nhất việc chỉ định thành viên thứ ba (để giữ vai trò Chủ tịch của Ban xử lý tranh chấp) vào thời gian đó.
- (d) các Bên không thống nhất việc chỉ định một người thay thế trong 42 ngày ngay sau ngày mà thành viên duy nhất hoặc một trong ba thành viên từ chối hoặc không thể đảm nhận công việc do từ vong, ốm yếu, tàn tật, từ chức hoặc hết nhiệm kỳ,

mà sau đó cơ quan hoặc cá nhân chỉ định có tên trong các Phụ lục hồ sơ dự thầu, sẽ dựa trên yêu cầu của một Bên nào hoặc cả hai Bên và sau khi trao đổi thỏa đáng với hai Bên, sẽ chỉ định thành viên vào Ban xử lý tranh chấp. Việc chỉ định này sẽ là kết luận cuối cùng. Mỗi bên phải có trách nhiệm trả một nửa tiền thù lao cho cơ quan hoặc cá nhân được quyền chỉ định.

20.4 Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp

Nếu tranh chấp (bất cứ loại nào) xảy ra giữa các Bên liên quan, hoặc phát sinh ngoài Hợp đồng hoặc việc thi công công trình, bao gồm bất kỳ tranh chấp liên quan đến việc chứng nhận, xác định, hướng dẫn, ý kiến hoặc đánh giá của Chủ đầu tư, thì ngay sau khi Ban xử lý tranh chấp được chỉ định theo Khoản 20.2 [*Bổ nhiệm Ban xử lý tranh chấp*] và 20.3 [*Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp*] mỗi bên có thể chuyển tranh chấp dưới dạng văn bản cho Ban xử lý tranh chấp để ra quyết định, có gửi bản sao cho Bên kia. Các ý kiến này phải được nêu rõ là chúng được thực hiện theo Khoản này.

Đối với Ban xử lý tranh chấp gồm ba người thì Ban xử lý tranh chấp sẽ được xem như đã nhận các ý kiến này vào ngày Chủ tịch Ban xử lý tranh chấp cũng nhận được.

Hai Bên phải ngay lập tức có đủ mọi thông tin cho Ban xử lý tranh chấp, tạo điều kiện tiếp cận Công trường và các phương tiện phù hợp mà Ban xử lý tranh chấp có thể yêu cầu cho mục đích đưa ra quyết định cho việc tranh chấp, Ban xử lý tranh chấp phải được coi là không hành động như các trọng tài.

Trong thời hạn 84 ngày sau khi nhận được các ý kiến như vậy, hoặc nhận được khoản tạm ứng theo như Điều 6 của Phụ lục - Những Điều kiện chung của thỏa thuận xử lý tranh chấp, bất cứ kỳ hạn nào muộn hơn, hoặc trong khoảng thời hạn khác có thể được Ban xử lý tranh chấp đề xuất và được hai Bên chấp thuận Ban xử lý tranh chấp phải đưa ra quyết định của mình, những quyết định này phải hợp lý và phải được công bố rằng nó phù hợp với khoản này. Tuy nhiên nếu như không Bên nào thanh toán đầy đủ các hóa đơn được nộp bởi mỗi thành viên đúng theo Điều 6 của Phụ lục, Ban xử lý tranh chấp sẽ không có nghĩa vụ phải đưa ra quyết định cho đến khi hóa đơn được thanh toán đầy đủ. Quyết định sẽ ràng buộc hai Bên, phải thực hiện ngay lập tức quyết định trừ trường hợp và cho đến khi được xem xét lại theo sự hòa giải hoặc một quyết định trọng tài như được mô tả dưới đây. Trừ Hợp đồng đã chấm dứt, khước từ hoặc hủy bỏ, Nhà thầu phải tiếp tục thực hiện công trình theo Hợp đồng.

Nếu một Bên không thỏa mãn với quyết định của Ban xử lý tranh chấp, thì Bên đó trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được quyết định, có thể thông báo chi Bên kia về việc chưa thỏa mãn của mình. Nếu Ban xử lý tranh chấp không đưa ra quyết định trong thời hạn 84 ngày (hoặc thời hạn khác được chấp nhận) sai khi nhận được hồ sơ hoặc khoản thanh toán như vậy thì bên này trong thời hạn 28 ngày sau thời hạn này có thể thông báo cho Bên kia về việc chưa thỏa mãn.

Trong mỗi sự kiện, thông báo về việc chưa thỏa mãn phải công bố là nó phù hợp với Khoản này, và trình bày những vấn đề của Tranh chấp và những lý do chưa thỏa mãn. Ngoại trừ những quy định trong Khoản 20.7 [*Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và 20.8 [*Chấm dứt thời hạn chỉ định ban xử lý tranh chấp*], không Bên nào được quyền bắt đầu giải quyết tranh chấp trừ khi một thông báo về việc chưa thỏa mãn đã được đưa ra theo khoản này.

Nếu Ban xử lý tranh chấp đã đưa ra quyết định của mình về một vấn đề tranh chấp cho hai Bên, và không có thông báo việc chưa thỏa mãn do các bên đưa ra trong thời hạn 28 ngày sau khi nhận được quyết định của Ban xử lý tranh chấp, thì quyết định sẽ là chung thẩm đối với hai Bên.

20.5 Sự hòa giải

Đối với nội dung mà thông báo chưa thỏa mãn được đưa ra theo Khoản 20.4 ở trên, các Bên phải cố gắng để giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trước khi bắt đầu khởi kiện. Trừ các Bên thỏa thuận khác, việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có thể tiến hành vào hoặc sau ngày thứ 56 khi thông báo được đưa ra không thỏa mãn, thậm chí không có nỗ lực hòa giải nào.

20.6 Trọng tài

Trừ các tranh chấp được giải quyết thông qua hòa giải, còn bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến quyết định của Ban xử lý tranh chấp (nếu có) chưa phải là chung thẩm đều phải được giải quyết bởi trọng tài quốc tế. Trừ những thỏa thuận khác bởi hai Bên:

- (a) tranh chấp phải được giải quyết theo các Quy tắc trọng tài của Phòng Thương mại quốc tế,
- (b) tranh chấp phải được giải quyết bởi ba trọng tài được chỉ định theo các Quy tắc này, và
- (c) việc giải quyết tranh chấp trọng tài phải được thực hiện bằng ngôn ngữ giao tiếp được quy định trong Khoản 1.4 [*Luật và Ngôn ngữ*].

Các trọng tài sẽ có toàn quyền xem xét duyệt lại mọi chứng chỉ, quyết định, hướng dẫn, các ý kiến hoặc đánh giá của Nhà tư vấn và mọi quyết định của Ban xử lý tranh chấp liên quan đến tranh chấp. Sẽ không gì làm cản trở việc Nhà tư vấn được gọi ra làm chứng và đưa ra các chứng cứ trước các trọng tài về bất kỳ vấn đề liên quan đến tranh chấp

Trong quá trình khởi kiện, không bên nào bị hạn chế trong việc đưa ra trước các trọng tài những bằng chứng hoặc luận cứ trước đây đã được trình tại Ban xử lý tranh chấp hoặc những lý do không thỏa mãn được nêu ra trong thông báo không thỏa mãn. Mọi quyết định của Ban xử lý tranh chấp phải được xem xét như chứng cứ trong phân xử trọng tài.

Việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài có thể được bắt đầu trước hoặc sau khi hoàn thành công trình. Trách nhiệm của các Bên, của Nhà tư vấn và Ban xử lý tranh chấp sẽ không bị thay đổi bởi bất kỳ lý do nào gây ra bởi việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài được diễn ra trong quá trình thực hiện công trình.

20.7 Không tuân thủ quyết định của Ban xử lý tranh chấp

Trong trường hợp mà:

- (a) không Bên nào đưa ra thông báo không thỏa mãn trong thời hạn được quy định tại Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*],
- (b) quyết định có liên quan của Ban xử lý tranh chấp (nếu có) là chung thẩm, và
- (c) một Bên không tuân thủ quyết định này

thì Bên kia có thể, không làm tổn hại đến các quyền lợi khác, tự đưa việc không tuân thủ này giải quyết tranh chấp bằng trọng tài theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*]. Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Sự hòa giải*] sẽ không được áp dụng cho trường hợp này.

20.8 Chấm dứt thời hạn chỉ định Ban xử lý tranh chấp

Nếu tranh chấp xảy ra giữa các bên liên quan đến hoặc phát sinh ngoài hợp đồng hoặc việc thực hiện công trình và không có Ban xử lý tranh chấp tại chỗ, do bởi hết hạn chỉ định hoặc lý do khác thì:

- (a) Khoản 20.4 [*Có quyết định của Ban xử lý tranh chấp*] và Khoản 20.5 [*Sự hòa giải*] sẽ không áp dụng, và
- (b) Tranh chấp có thể được trực tiếp đưa lên giải quyết bằng trọng tài theo Khoản 20.6 [*Trọng tài*].